BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 3

142 x 3 = 426
426 : 3 = ?



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỖ ĐÌNH HOAN (Chủ biên) - NGUYỄN ÁNG
ĐỖ TIẾN ĐẠT - ĐÀO THÁI LAI - ĐỖ TRUNG HIỆU
TRẦN DIÊN HIỂN - PHẠM THANH TÂM - VŨ DƯƠNG THỤY

TOÁN 3

(Tái bản lần thứ mười bốn)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỘT SỐ KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số ? Viết số thích hợp vào ô trống hoặc chỗ chấm

> < = ? Viết dấu (> , < , =) thích hợp vào chỗ chấm

Đ S ? Câu nào đúng, câu nào sai ?

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Tổng Giám đốc **HOÀNG LÊ BÁCH**

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Biên tập lần đầu : **VŨ MAI HƯƠNG - NGUYỄN THỊ BÌNH**
Biên tập tái bản và sửa bản in : **LÊ THỊ HỒNG VÂN**
Biên tập mĩ thuật : **TRẦN THUÝ HẠNH**
Thiết kế sách : **NGUYỄN THANH LONG**
Trình bày bìa : **TÀO THANH HUYỀN**
Minh hoạ : **TÀO THANH HUYỀN - LÂM THAO**
LƯƠNG QUỐC HIỆP - TRẦN TIỂU LÂM
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

TOÁN 3
Mã số : 1H303T8

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.
Số in : Địa chỉ ......
Cơ sở in : ....
Số ĐKXB : 02 - 2018/CXBIPH/128 - 932/GD.
Số QĐXB : /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 201
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 201
Mã số ISBN : 978-604-0-00042-2.

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG



ĐỌC, VIẾT, SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

1 Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số
Một trăm sáu mươi	160
Một trăm sáu mươi mốt	...
....	354
....	307
Năm trăm năm mươi lăm	...
Sáu trăm linh một	...

Đọc số	Viết số
Chín trăm	...
Chín trăm hai mươi hai	...
....	909
....	777
....	365
Một trăm mười một	...

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

a)

310	311				315				319

b)

400	399				395				

3



303 ... 330	30 + 100 ... 131
615 ... 516	410 – 10 ... 400 + 1
199 ... 200	243 ... 200 + 40 + 3

4 Tìm số lớn nhất, số bé nhất trong các số sau :

375 ; 421 ; 573 ; 241 ; 735 ; 142.

5 Viết các số 537 ; 162 ; 830 ; 241 ; 519 ; 425 :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn ;

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.



CỘNG, TRỪ CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (không nhớ)

1 Tính nhẩm :

a) 400 + 300 =
700 – 300 =
700 – 400 =

b) 500 + 40 =
540 – 40 =
540 – 500 =

c) 100 + 20 + 4 =
300 + 60 + 7 =
800 + 10 + 5 =

2 Đặt tính rồi tính :

352 + 416 ; 732 – 511 ; 418 + 201 ; 395 – 44.

3 Khối lớp Một có 245 học sinh, khối lớp Hai có ít hơn khối lớp Một 32 học sinh. Hỏi khối lớp Hai có bao nhiêu học sinh ?

4 Giá tiền một phong bì là 200 đồng, giá tiền một tem thư nhiều hơn giá tiền một phong bì là 600 đồng. Hỏi giá tiền một tem thư là bao nhiêu ?

5 Với ba số 315, 40, 355 và các dấu + , – , =, em hãy lập các phép tính đúng.



LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính :

a) 324 + 405 ; 761 + 128 ; 25 + 721 ;

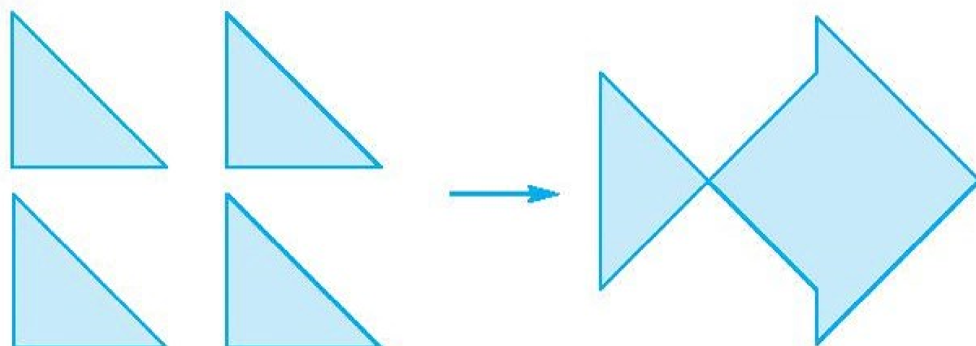
b) 645 – 302 ; 666 – 333 ; 485 – 72.

2 Tìm x :

a) $x - 125 = 344$; b) $x + 125 = 266$.

3 Một đội đồng diễn thể dục gồm 285 người, trong đó có 140 nam. Hỏi đội đồng diễn thể dục đó có bao nhiêu nữ ?

4 Xếp 4 hình tam giác thành hình con cá (xem hình vẽ) :



CỘNG CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (có nhớ một lần)



a) **435 + 127 = ?**

$$\begin{array}{r} 435 \\ +\ 127 \\ \hline 562 \end{array}$$

- 5 cộng 7 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.
- 4 cộng 1 bằng 5, viết 5.

435 + 127 = ...

b) **256 + 162 = ?**

$$\begin{array}{r} 256 \\ +\ 162 \\ \hline 418 \end{array}$$

- 6 cộng 2 bằng 8, viết 8.
- 5 cộng 6 bằng 11, viết 1 nhớ 1.
- 2 cộng 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

256 + 162 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 256 \\ +\ 125 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 417 \\ +\ 168 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 555 \\ +\ 209 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 146 \\ +\ 214 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 227 \\ +\ 337 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính :

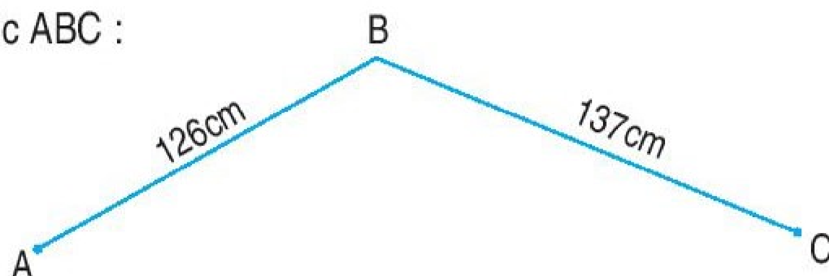
$$\begin{array}{r} 256 \\ +\ 182 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 452 \\ +\ 361 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 166 \\ +\ 283 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 372 \\ +\ 136 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 465 \\ +\ 172 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính :

a) 235 + 417
256 + 70

b) 333 + 47
60 + 360

4 Tính độ dài đường gấp khúc ABC :



5 Số ?

500 đồng = 200 đồng + ... đồng
500 đồng = 400 đồng + ... đồng
500 đồng = ... đồng + 500 đồng



LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 367 \\ +\ 120 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 487 \\ +\ 302 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 85 \\ +\ 72 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 108 \\ +\ 75 \\ \hline \end{array}$$

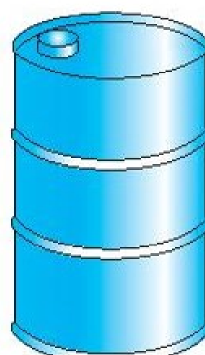
2 Đặt tính rồi tính :

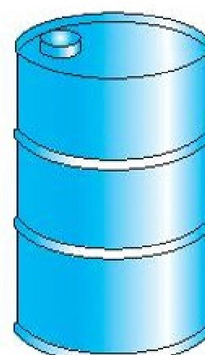
a) 367 + 125
487 + 130

b) 93 + 58
168 + 503

3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Thùng thứ nhất có : 125*l* dầu
Thùng thứ hai có : 135*l* dầu
Cả hai thùng có : ... *l* dầu ?


Có 125*l*


Có 135*l*

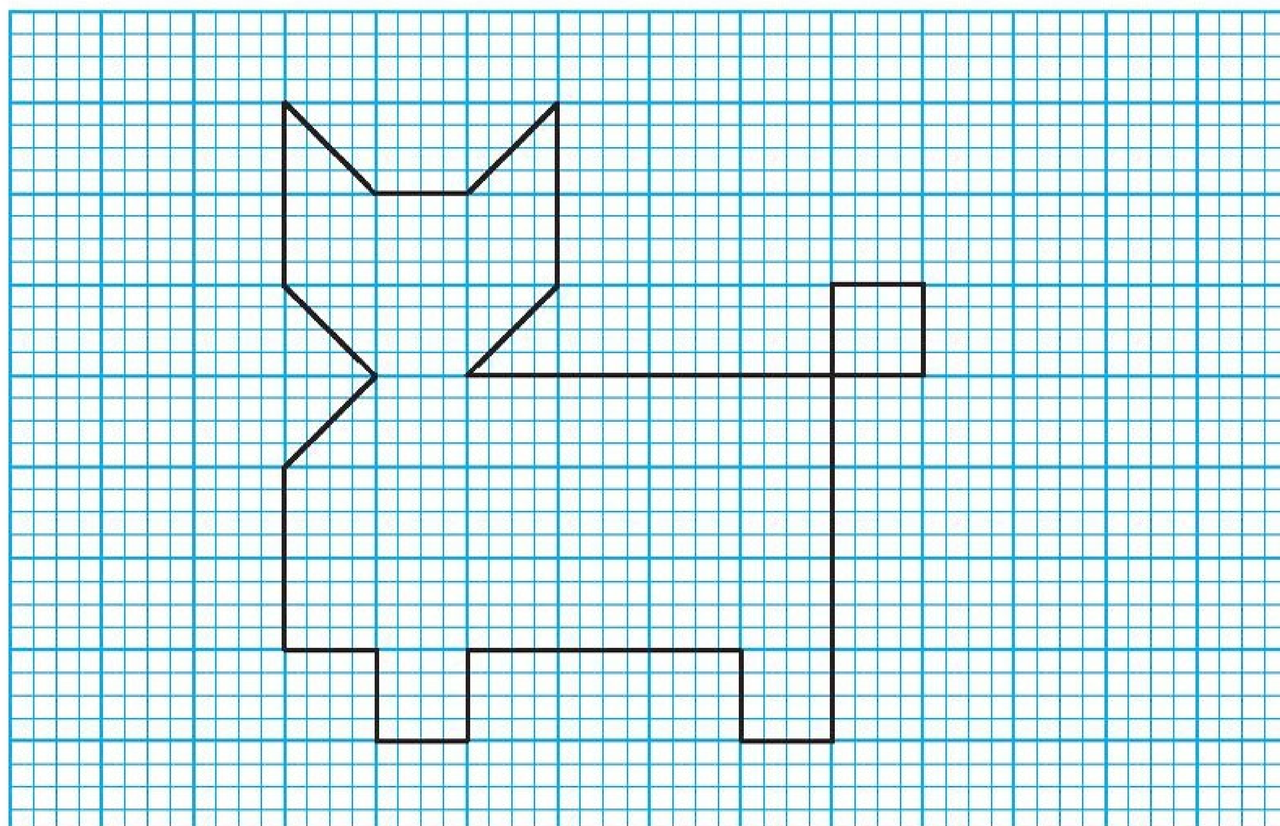
4 Tính nhẩm :

a) 310 + 40 =
150 + 250 =
450 – 150 =

b) 400 + 50 =
305 + 45 =
515 – 15 =

c) 100 – 50 =
950 – 50 =
515 – 415 =

5 Vẽ hình theo mẫu :



TRỪ CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (có nhớ một lần)



a) **432 – 215 = ?**

$$\begin{array}{r} 432 \\ - \; 215 \\ \hline 217 \end{array}$$

- 2 không trừ được 5, lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7 nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2 ; 3 trừ 2 bằng 1, viết 1.
- 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.

432 – 215 = ...

b) **627 – 143 = ?**

$$\begin{array}{r} 627 \\ - \; 143 \\ \hline 484 \end{array}$$

- 7 trừ 3 bằng 4, viết 4.
- 2 không trừ được 4, lấy 12 trừ 4 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2 ; 6 trừ 2 bằng 4, viết 4.

627 – 143 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 541 \\ - \; 127 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 422 \\ - \; 114 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 564 \\ - \; 215 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 783 \\ - \; 356 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 694 \\ - \; 237 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 627 \\ - \; 443 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 746 \\ - \; 251 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 516 \\ - \; 342 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 935 \\ - \; 551 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 555 \\ - \; 160 \\ \hline \end{array}$$

3 Bạn Bình và bạn Hoa sưu tầm được tất cả 335 con tem, trong đó bạn Bình sưu tầm được 128 con tem. Hỏi bạn Hoa sưu tầm được bao nhiêu con tem ?

4 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Đoạn dây dài : 243cm

Cắt đi : 27cm

Còn lại : ... cm ?



LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 567 \\ -\ 325 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 868 \\ -\ 528 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 387 \\ -\ 58 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ 75 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 542 – 318
660 – 251

b) 727 – 272
404 – 184

3 Số ?

Số bị trừ	752		621	950
Số trừ	426	246		215
Hiệu		125	231	

4 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Ngày thứ nhất bán : 415kg gạo
Ngày thứ hai bán : 325kg gạo
Cả hai ngày bán : ... kg gạo ?



5 Khối lớp 3 có tất cả 165 học sinh, trong đó có 84 học sinh nữ. Hỏi khối lớp 3 có bao nhiêu học sinh nam ?

ÔN TẬP CÁC BẢNG NHÂN



1 a) Tính nhẩm :

$3 \times 4 =$	$2 \times 6 =$	$4 \times 3 =$	$5 \times 6 =$
$3 \times 7 =$	$2 \times 8 =$	$4 \times 7 =$	$5 \times 4 =$
$3 \times 5 =$	$2 \times 4 =$	$4 \times 9 =$	$5 \times 7 =$
$3 \times 8 =$	$2 \times 9 =$	$4 \times 4 =$	$5 \times 9 =$

b) Tính nhẩm :

	$200 \times 3 = ?$	$200 \times 2 =$	$300 \times 2 =$
Nhẩm :	2 trăm $\times$ 3 = 6 trăm	$200 \times 4 =$	$400 \times 2 =$
Vậy :	$200 \times 3 = 600$	$100 \times 5 =$	$500 \times 1 =$

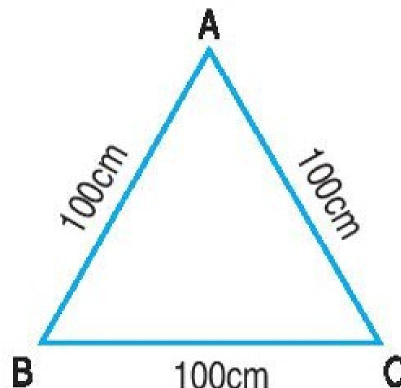
2 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : $4 \times 3 + 10 = 12 + 10$
$= 22$

a) $5 \times 5 + 18$;   b) $5 \times 7 - 26$;   c) $2 \times 2 \times 9$.

3 Trong một phòng ăn có 8 cái bàn, mỗi bàn xếp 4 cái ghế. Hỏi trong phòng ăn đó có bao nhiêu cái ghế ?

4 Tính chu vi hình tam giác ABC có kích thước ghi trên hình vẽ :





ÔN TẬP CÁC BẢNG CHIA

1 Tính nhẩm :

$3 \times 4 =$	$2 \times 5 =$	$5 \times 3 =$	$4 \times 2 =$
$12 : 3 =$	$10 : 2 =$	$15 : 3 =$	$8 : 2 =$
$12 : 4 =$	$10 : 5 =$	$15 : 5 =$	$8 : 4 =$

2 Tính nhẩm :

> 200 : 2 = ?
> Nhẩm : 2 trăm : 2 = 1 trăm
> Vậy : 200 : 2 = 100

a) 400 : 2 =	b) 800 : 2 =
600 : 3 =	300 : 3 =
400 : 4 =	800 : 4 =

3 Có 24 cái cốc được xếp đều vào 4 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái cốc ?

4 Mỗi số trong hình tròn là kết quả của phép tính nào ?

24 : 3 4×7 32 : 4 4×10

(21)   (8)   (40)   (28)

16 : 2   24 + 4 3×7



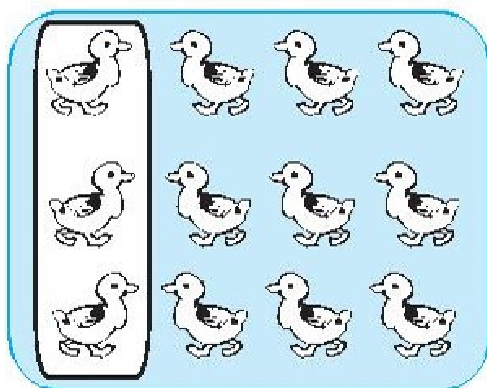
LUYỆN TẬP

1 Tính :

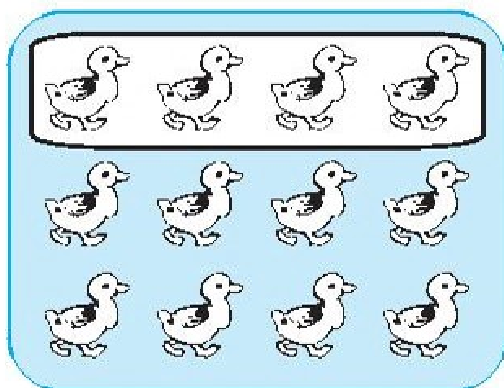
a) $5 \times 3 + 132$;   b) $32 : 4 + 106$;   c) $20 \times 3 : 2$.

2 Đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con vịt trong hình nào ?

a)

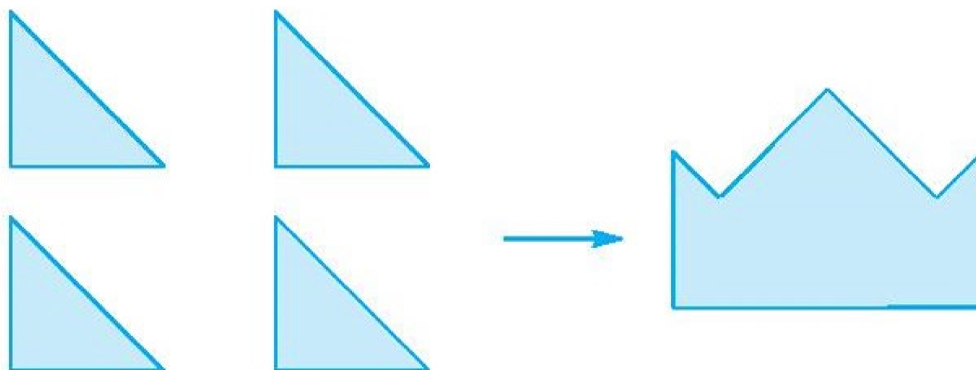


b)



3 Mỗi bàn có 2 học sinh. Hỏi 4 bàn như vậy có bao nhiêu học sinh ?

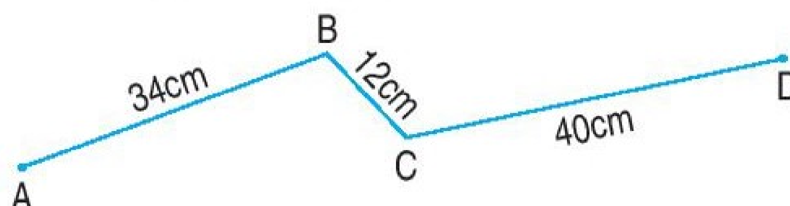
4 Xếp 4 hình tam giác thành hình cái mũ (xem hình vẽ) :





ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

1 a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD :



b) Tính chu vi hình tam giác MNP :

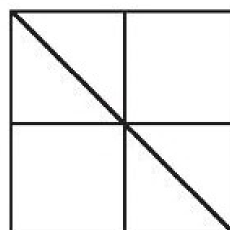


2 Đo độ dài mỗi cạnh rồi tính chu vi hình chữ nhật ABCD.



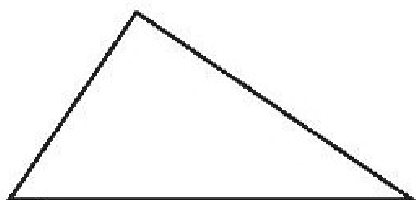
3 Trong hình bên :

- Có bao nhiêu hình vuông ?
- Có bao nhiêu hình tam giác ?

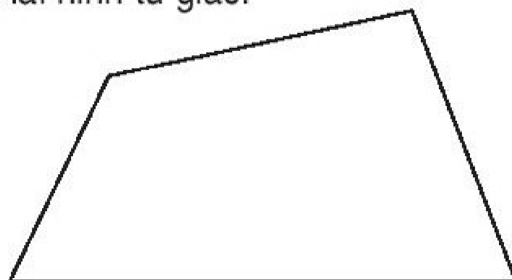


4 Kẻ thêm một đoạn thẳng vào mỗi hình sau để được :

a) Ba hình tam giác.



b) Hai hình tứ giác.





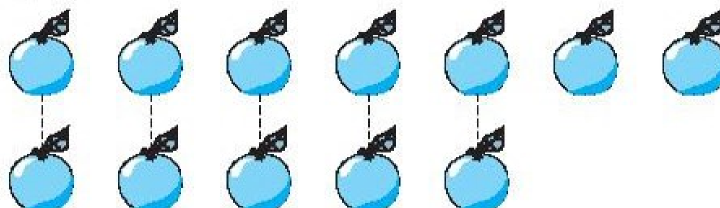
ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

1 Đội Một trồng được 230 cây, đội Hai trồng được nhiều hơn đội Một 90 cây. Hỏi đội Hai trồng được bao nhiêu cây ?

2 Một cửa hàng buổi sáng bán được 635l xăng, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 128l xăng. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít xăng ?

3 Giải bài toán (theo mẫu) :

a) Hàng trên có 7 quả cam, hàng dưới có 5 quả cam. Hỏi hàng trên có nhiều hơn hàng dưới mấy quả cam ?



Mẫu :

Bài giải

Số cam ở hàng trên nhiều hơn số cam ở hàng dưới là :

7 – 5 = 2 (quả)

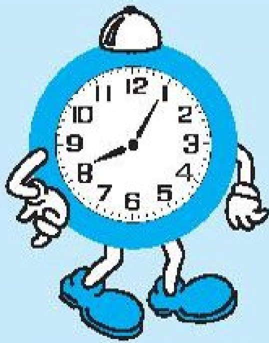
Đáp số : 2 quả cam.

b) Lớp 3A có 19 bạn nữ và 16 bạn nam. Hỏi số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là bao nhiêu ?

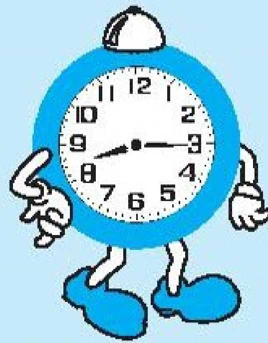
4 Bao gạo cân nặng 50kg, bao ngô cân nặng 35kg. Hỏi bao ngô nhẹ hơn bao gạo bao nhiêu ki-lô-gam ?



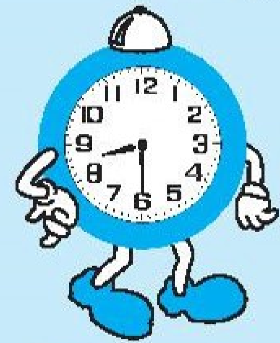
XEM ĐỒNG HỒ



8 giờ 5 phút

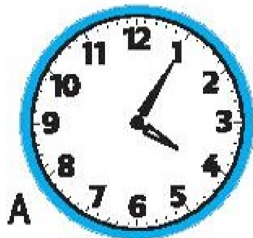


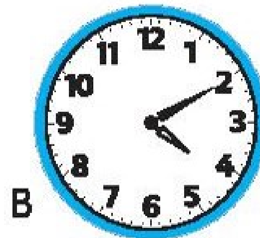
8 giờ 15 phút

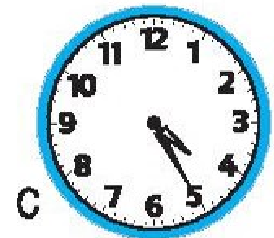


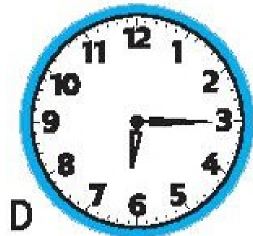
8 giờ 30 phút
hoặc 8 giờ rưỡi

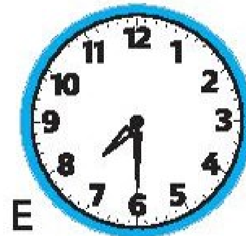
1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

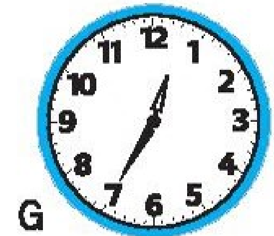












2 Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ :

a) 7 giờ 5 phút ; b) 6 giờ rưỡi ; c) 11 giờ 50 phút.

3 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?









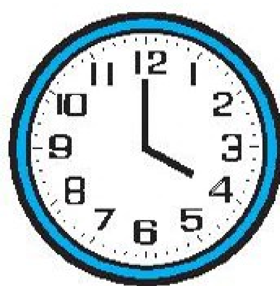




4 Vào buổi chiều, hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian ?



A



B



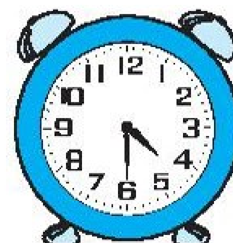
C



D



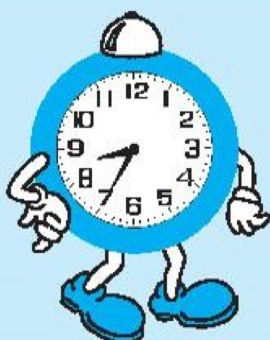
E



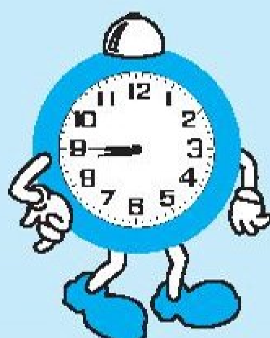
G



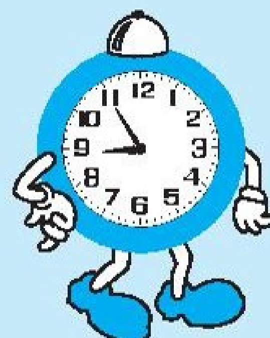
XEM ĐỒNG HỒ (tiếp theo)



8 giờ 35 phút
hoặc 9 giờ kém 25 phút

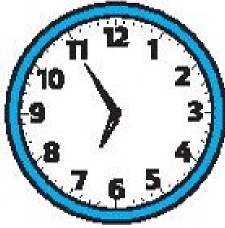


8 giờ 45 phút
hoặc 9 giờ kém 15 phút

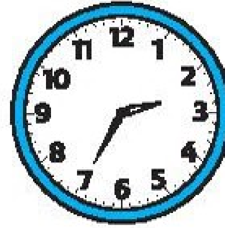


8 giờ 55 phút
hoặc 9 giờ kém 5 phút

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ? (Trả lời theo mẫu)

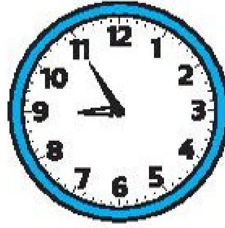

A

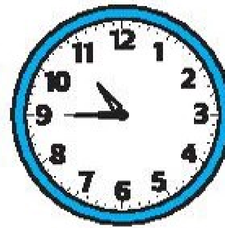

B


C

Mẫu : 6 giờ 55 phút
hoặc 7 giờ kém 5 phút


D

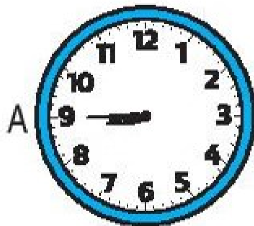

E

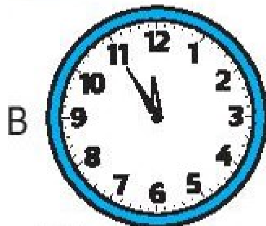

G

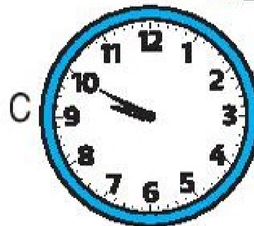
2 Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ :

a) 3 giờ 15 phút ; b) 9 giờ kém 10 phút ; c) 4 giờ kém 5 phút.

3 Mỗi đồng hồ ứng với cách đọc nào ?

A 

B 

C 

a) 3 giờ 5 phút

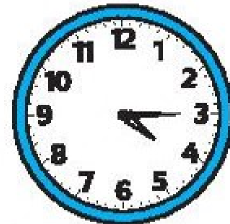
b) 4 giờ 15 phút

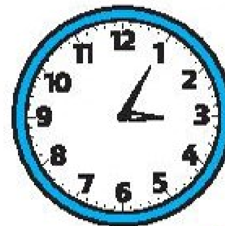
c) 7 giờ 20 phút

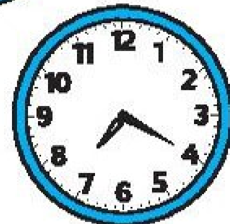
d) 9 giờ kém 15 phút

e) 10 giờ kém 10 phút

g) 12 giờ kém 5 phút

 D

 E

 G

4 Xem tranh rồi trả lời câu hỏi :

a) Bạn Minh thức dậy lúc mấy giờ ?



b) Bạn Minh đánh răng, rửa mặt lúc mấy giờ ?



c) Bạn Minh ăn sáng lúc mấy giờ ?



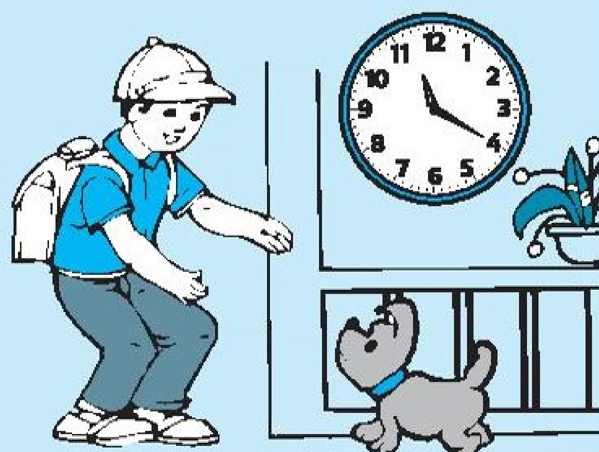
d) Bạn Minh tới trường lúc mấy giờ ?



e) Lúc mấy giờ bạn Minh bắt đầu đi từ trường về nhà ?



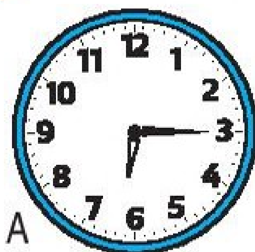
g) Bạn Minh về đến nhà lúc mấy giờ ?

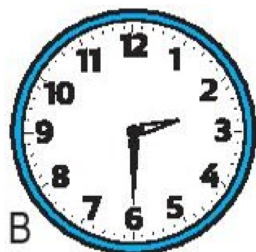


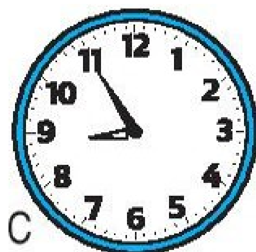


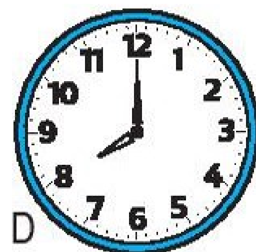
LUYỆN TẬP

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?


A


B


C


D

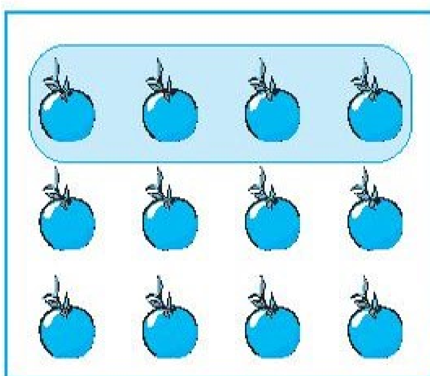
2 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Có : 4 thuyền

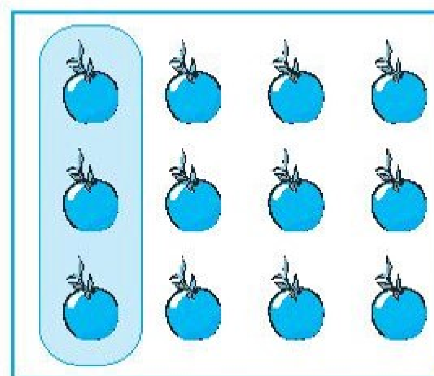
Mỗi thuyền : 5 người

Tất cả : ... người ?

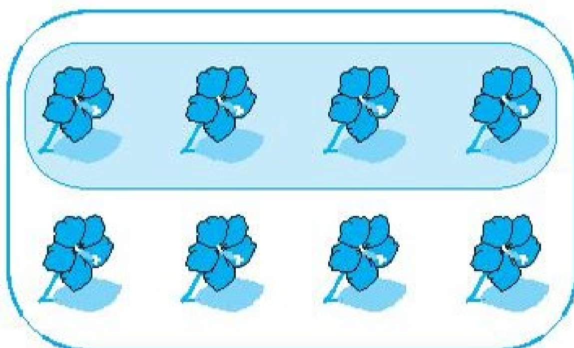
3 a) Đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số quả cam trong hình nào ?

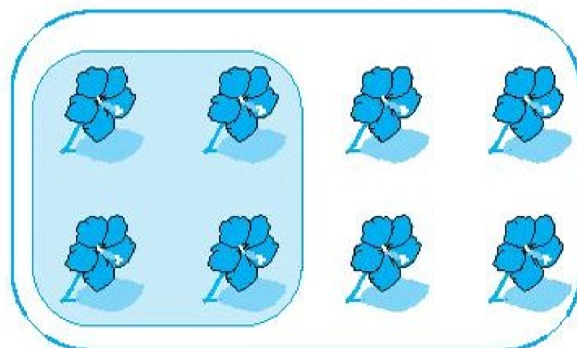

Hình 1




Hình 2

b) Đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số bông hoa trong hình nào ?


Hình 3


Hình 4

4 

? $4 \times 7 \ldots 4 \times 6$ $4 \times 5 \ldots 5 \times 4$ $16 : 4 \ldots 16 : 2$



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính :

a) 415 + 415 b) 234 + 432 c) 162 + 370

356 – 156 652 – 126 728 – 245

2 Tìm x :

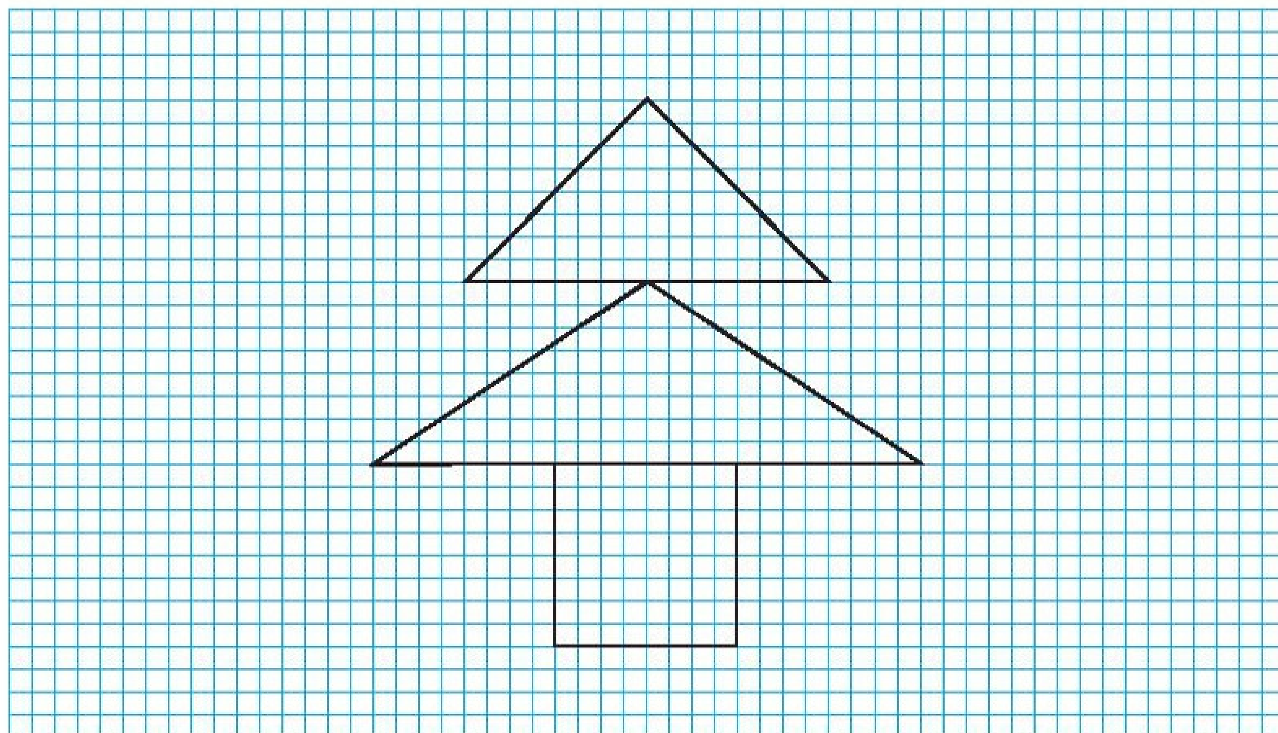
a) $x \times 4 = 32$; b) $x : 8 = 4$.

3 Tính :

a) $5 \times 9 + 27$; b) $80 : 2 - 13$.

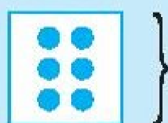
4 Thùng thứ nhất có 125*l* dầu, thùng thứ hai có 160*l* dầu. Hỏi thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất bao nhiêu lít dầu ?

5 Vẽ hình theo mẫu :



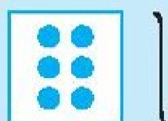


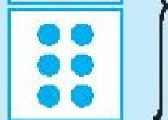
BẢNG NHÂN 6



6 được lấy 1 lần, ta viết :

6 × 1 = 6.

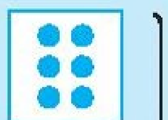




6 được lấy 2 lần, ta có :

6 × 2 = 6 + 6 = 12

Vậy : **6 × 2 = 12.**



6 được lấy 3 lần, ta có :

6 × 3 = 6 + 6 + 6 = 18

Vậy : **6 × 3 = 18.**

6 × 1 = ...
6 × 2 = ...
6 × 3 = ...
6 × 4 = ...
6 × 5 = ...
6 × 6 = ...
6 × 7 = ...
6 × 8 = ...
6 × 9 = ...
6 × 10 = ...

1 Tính nhẩm :

6 × 4 =	6 × 1 =	6 × 9 =	6 × 10 =
6 × 6 =	6 × 3 =	6 × 2 =	0 × 6 =
6 × 8 =	6 × 5 =	6 × 7 =	6 × 0 =

2 Mỗi thùng có 6*l* dầu. Hỏi 5 thùng như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu ?

3 Đếm thêm 6 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

6	12	18			36				60



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) 6 × 5 = 6 × 10 = 6 × 2 =

6 × 7 = 6 × 8 = 6 × 3 =

6 × 9 = 6 × 6 = 6 × 4 =

b) 6 × 2 = 3 × 6 = 6 × 5 =

2 × 6 = 6 × 3 = 5 × 6 =

2 Tính :

a) 6 × 9 + 6 ; b) 6 × 5 + 29 ; c) 6 × 6 + 6.

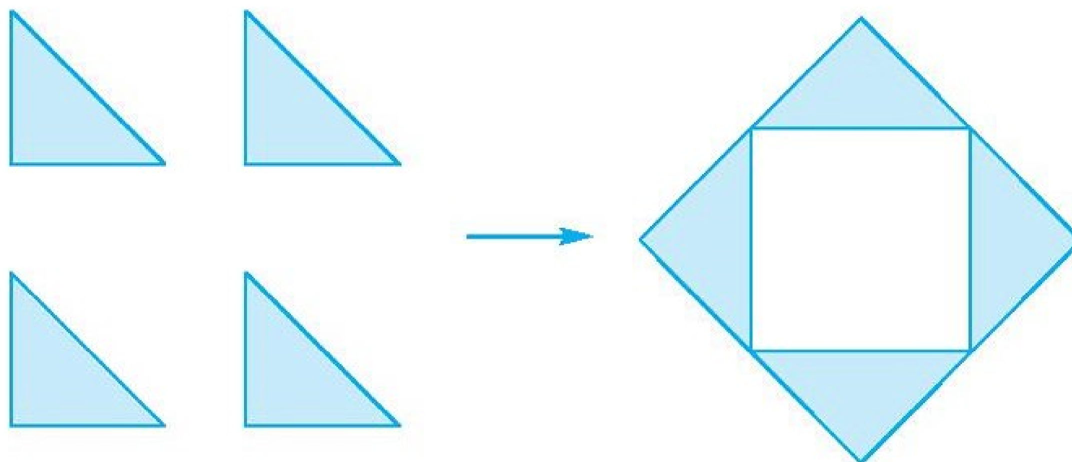
3 Mỗi học sinh mua 6 quyển vở. Hỏi 4 học sinh mua bao nhiêu quyển vở ?

4 Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 12 ; 18 ; 24 ; ... ; ... ; ... ; ... .

b) 18 ; 21 ; 24 ; ... ; ... ; ... ; ... .

5 Xếp 4 hình tam giác thành hình bên (xem hình vẽ) :



NHÂN SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(không nhớ)



12 × 3 = ?

12 + 12 + 12 = 36

12 × 3 = 36

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times \quad 3 \\ \hline 36 \end{array}$$

- 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 24 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 22 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 11 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 33 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 20 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 32 × 3
11 × 6

b) 42 × 2
13 × 3

3 Mỗi hộp có 12 bút chì màu. Hỏi 4 hộp như thế có bao nhiêu bút chì màu ?



NHÂN SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(có nhớ)



a) **26 × 3 = ?**

$$\begin{array}{r} 26 \\ \times \quad 3 \\ \hline 78 \end{array}$$

- 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

26 × 3 = ...

b) **54 × 6 = ?**

$$\begin{array}{r} 54 \\ \times \quad 6 \\ \hline 324 \end{array}$$

- 6 nhân 4 bằng 24, viết 4 nhớ 2.
- 6 nhân 5 bằng 30, thêm 2 bằng 32, viết 32.

54 × 6 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 47 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 25 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 16 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 36 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 82 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 99 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

2 Mỗi cuộn vải dài 35m. Hỏi 2 cuộn vải như thế dài bao nhiêu mét ?

3 Tìm x :

a) $x : 6 = 12$; b) $x : 4 = 23$.

LUYỆN TẬP



1 Tính :

$$\begin{array}{r} 49 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 27 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 64 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 38×2 b) 53×4 c) 84×3

27×6 45×5 32×4

3 Mỗi ngày có 24 giờ. Hỏi 6 ngày có tất cả bao nhiêu giờ ?

4 Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ :

a) 3 giờ 10 phút ; b) 8 giờ 20 phút ;

c) 6 giờ 45 phút ; d) 11 giờ 35 phút.

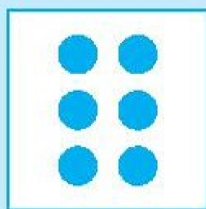
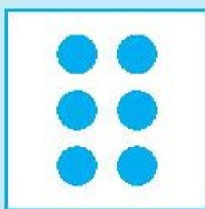
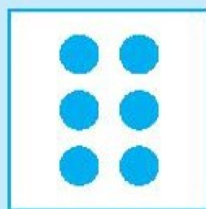
5 Hai phép nhân nào có kết quả bằng nhau ?

2×3 6×4 3×5 2×6 5×6

5×3 6×2 3×2 4×6 6×5



BẢNG CHIA 6

$6 \times 3 = 18$

$18 : 6 = 3$

6 : 6 = 1
12 : 6 = 2
18 : 6 = 3
24 : 6 = 4
30 : 6 = ...
36 : 6 = ...
42 : 6 = ...
48 : 6 = ...
54 : 6 = ...
60 : 6 = ...

1 Tính nhẩm :

42 : 6 =	24 : 6 =	48 : 6 =	30 : 6 =
54 : 6 =	36 : 6 =	18 : 6 =	30 : 5 =
12 : 6 =	6 : 6 =	60 : 6 =	30 : 3 =

2 Tính nhẩm :

$6 \times 4 =$	$6 \times 2 =$	$6 \times 5 =$	$6 \times 1 =$
24 : 6 =	12 : 6 =	30 : 6 =	6 : 6 =
24 : 4 =	12 : 2 =	30 : 5 =	6 : 1 =

3 Một sợi dây đồng dài 48cm được cắt thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài mấy xăng-ti-mét ?

4 Một sợi dây đồng dài 48cm được cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 6cm. Hỏi cắt được mấy đoạn dây ?

LUYỆN TẬP



1 Tính nhẩm :

a) $6 \times 6 =$ $6 \times 9 =$ $6 \times 7 =$ $6 \times 8 =$

$36 : 6 =$ $54 : 6 =$ $42 : 6 =$ $48 : 6 =$

b) $24 : 6 =$ $18 : 6 =$ $60 : 6 =$ $6 : 6 =$

$6 \times 4 =$ $6 \times 3 =$ $6 \times 10 =$ $6 \times 1 =$

2 Tính nhẩm :

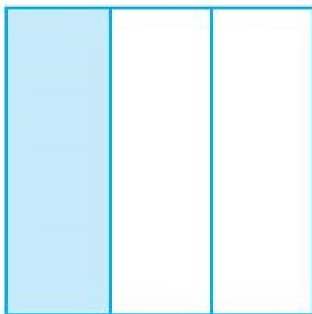
$16 : 4 =$ $18 : 3 =$ $24 : 6 =$

$16 : 2 =$ $18 : 6 =$ $24 : 4 =$

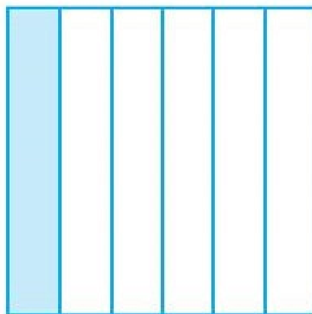
$12 : 6 =$ $15 : 5 =$ $35 : 5 =$

3 May 6 bộ quần áo như nhau hết 18m vải. Hỏi may mỗi bộ quần áo hết mấy mét vải ?

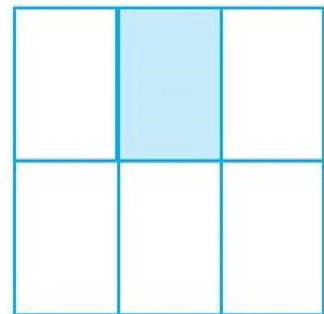
4 Đã tô màu vào $\frac{1}{6}$ hình nào ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



TÌM MỘT TRONG CÁC PHẦN BẰNG NHAU CỦA MỘT SỐ

Bài toán : Chị có 12 cái kẹo, chị cho em $\frac{1}{3}$ số kẹo đó. Hỏi chị cho em mấy cái kẹo ?



Nhận xét :

Chia 12 cái kẹo thành 3 phần bằng nhau.

Mỗi phần đó là $\frac{1}{3}$ số kẹo.



Bài giải

Chị cho em số kẹo là :

12 : 3 = 4 (cái)

Đáp số : 4 cái kẹo.

1 Viết số thích hợp nào vào chỗ chấm ?

a) $\frac{1}{2}$ của 8kg là ... kg ;　　b) $\frac{1}{4}$ của 24*l* là ... *l* ;

c) $\frac{1}{5}$ của 35m là ... m ;　　d) $\frac{1}{6}$ của 54 phút là ... phút.

2 Một cửa hàng có 40m vải xanh và đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán mấy mét vải xanh ?



LUYỆN TẬP

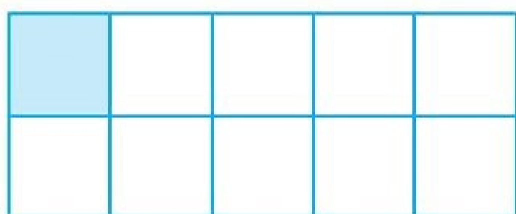
1 a) Tìm $\frac{1}{2}$ của : 12cm ; 18kg ; 10*l*.

b) Tìm $\frac{1}{6}$ của : 24m ; 30 giờ ; 54 ngày.

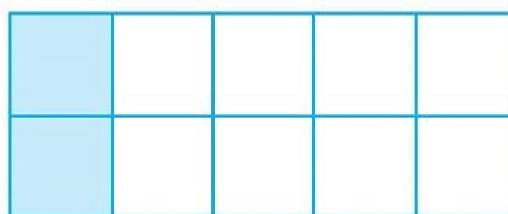
2 Vân làm được 30 bông hoa bằng giấy, Vân tặng bạn $\frac{1}{6}$ số bông hoa đó. Hỏi Vân tặng bạn bao nhiêu bông hoa ?

3 Có 28 học sinh đang tập bơi, $\frac{1}{4}$ số học sinh đó là học sinh lớp 3A. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu học sinh đang tập bơi ?

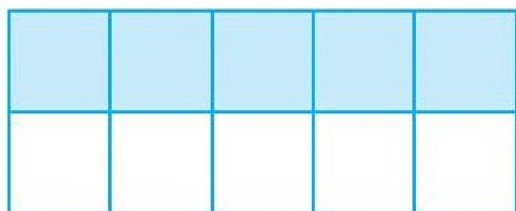
4 Đã tô màu $\frac{1}{5}$ số ô vuông của hình nào ?



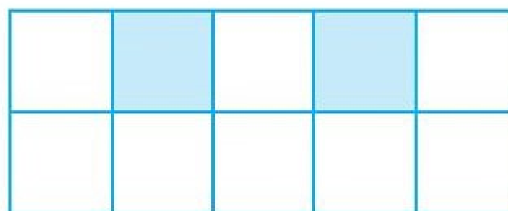
Hình 1



Hình 2

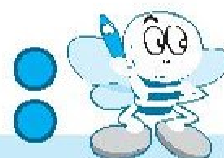


Hình 3



Hình 4

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



96 : 3 = ?

Đặt tính rồi tính như sau :

$$\begin{array}{r|l} 96 & 3 \\ \hline \underline{9} & 32 \\ 06 & \\ \underline{6} & \\ 0 & \end{array}$$

- 9 chia 3 được 3, viết 3.

  3 nhân 3 bằng 9 ; 9 trừ 9 bằng 0.
- Hạ 6 ; 6 chia 3 được 2, viết 2.

  2 nhân 3 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.

96 : 3 = ...

1 Tính :

48 | 4	84 | 2	66 | 6	36 | 3

2 a) Tìm $\frac{1}{3}$ của : 69kg ; 36m ; 93*l*.

b) Tìm $\frac{1}{2}$ của : 24 giờ ; 48 phút ; 44 ngày.

3 Mẹ hái được 36 quả cam, mẹ biếu bà $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi mẹ biếu bà bao nhiêu quả cam ?



LUYỆN TẬP

1 a) Đặt tính rồi tính :

48 : 2   84 : 4   55 : 5   96 : 3

b) Đặt tính rồi tính (theo mẫu) :

Mẫu :

42	6
42	7
0	

54 : 6

48 : 6

35 : 5

27 : 3

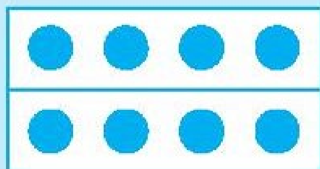
2 Tìm $\frac{1}{4}$ của : 20cm ; 40km ; 80kg.

3 Một quyển truyện có 84 trang, My đã đọc được $\frac{1}{2}$ số trang đó. Hỏi My đã đọc được bao nhiêu trang ?

PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ



a)



```
 8 | 2
 8 |---
---| 4
 0
```

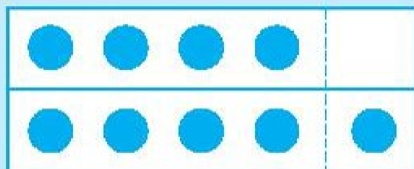
- 8 chia 2 được 4, viết 4.
- 4 nhân 2 bằng 8 ; 8 trừ 8 bằng 0.

Ta nói : 8 : 2 là phép chia hết.

Ta viết : 8 : 2 = 4.

Đọc là : Tám chia hai bằng bốn.

b)



```
 9 | 2
 8 |---
---| 4
 1
```

- 9 chia 2 được 4, viết 4.
- 4 nhân 2 bằng 8 ; 9 trừ 8 bằng 1.

Ta nói : 9 : 2 là phép chia có dư, 1 là số dư.

Ta viết : 9 : 2 = 4 (dư 1).

Đọc là : Chín chia hai bằng bốn, dư một.

Chú ý : ***Số dư bé hơn số chia.***

1 Tính rồi viết theo mẫu :

a) Mẫu :

```
 12 | 6
 12 |---
----| 2
  0
```

Viết : 12 : 6 = 2

20 | 5   15 | 3   24 | 4

b) Mẫu :

```
 17 | 5
 15 |---
----| 3
  2
```

Viết :

17 : 5 = 3 (dư 2)

19 | 3   29 | 6   19 | 4

c) 20 | 3   28 | 4   46 | 5   42 | 6

2 Đ / S ?

a)
```
32 | 4
32 | 8
 0
```
☐

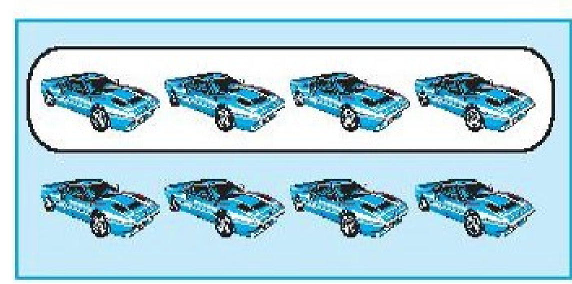
b)
```
30 | 6
24 | 4
 6
```
☐

c)
```
48 | 6
48 | 8
 0
```
☐

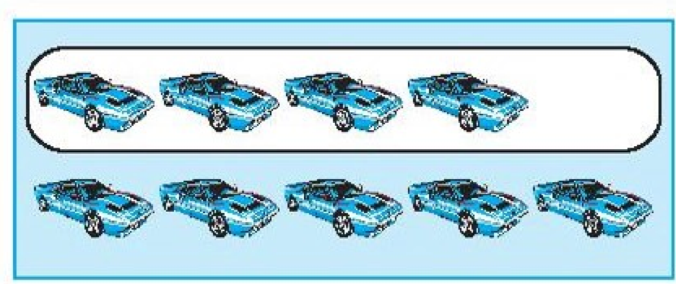
d)
```
20 | 3
15 | 5
 5
```
☐

3 Đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số ô tô trong hình nào ?

a)



b)





LUYỆN TẬP

1 Tính :

```
17 | 2        35 | 4        42 | 5        58 | 6
```

2 Đặt tính rồi tính :

a) 24 : 6   30 : 5   15 : 3   20 : 4

b) 32 : 5   34 : 6   20 : 3   27 : 4

3 Một lớp học có 27 học sinh, trong đó có $\frac{1}{3}$ số học sinh là học sinh giỏi. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh giỏi ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

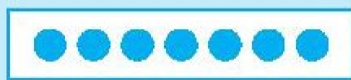
Trong các phép chia có dư với số chia là 3, số dư lớn nhất của các phép chia đó là :

A. 3   C. 1

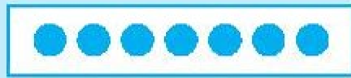
B. 2   D. 0

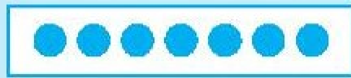
BẢNG NHÂN 7



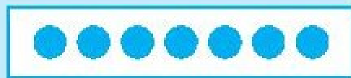


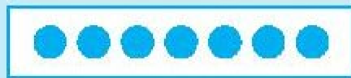
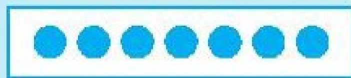

7 được lấy 1 lần, ta viết :
7 × 1 = 7.





7 được lấy 2 lần, ta có :
7 × 2 = 7 + 7 = 14
Vậy : **7 × 2 = 14.**



7 được lấy 3 lần, ta có :
7 × 3 = 7 + 7 + 7 = 21
Vậy : **7 × 3 = 21.**

7 × 1 = ...
7 × 2 = ...
7 × 3 = ...
7 × 4 = ...
7 × 5 = ...
7 × 6 = ...
7 × 7 = ...
7 × 8 = ...
7 × 9 = ...
7 × 10 = ...

1 Tính nhẩm :

7 × 3 =	7 × 8 =	7 × 2 =	7 × 1 =
7 × 5 =	7 × 6 =	7 × 10 =	0 × 7 =
7 × 7 =	7 × 4 =	7 × 9 =	7 × 0 =

2 Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có tất cả bao nhiêu ngày ?

3 Đếm thêm 7 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

7	14	21			42			63	



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) $7 \times 1 =$ $7 \times 8 =$ $7 \times 6 =$ $7 \times 5 =$

$7 \times 2 =$ $7 \times 9 =$ $7 \times 4 =$ $0 \times 7 =$

$7 \times 3 =$ $7 \times 7 =$ $7 \times 0 =$ $7 \times 10 =$

b) $7 \times 2 =$ $4 \times 7 =$ $7 \times 6 =$ $3 \times 7 =$ $5 \times 7 =$

$2 \times 7 =$ $7 \times 4 =$ $6 \times 7 =$ $7 \times 3 =$ $7 \times 5 =$

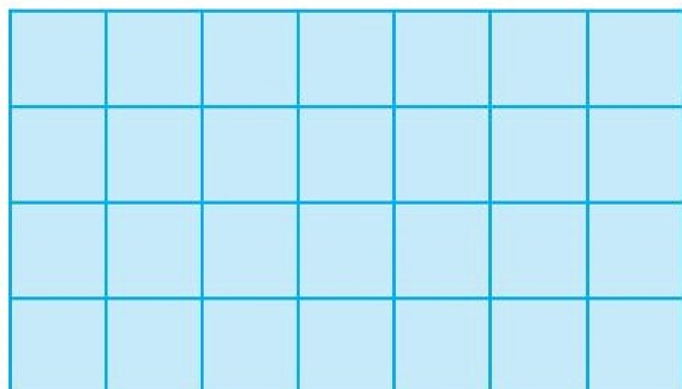
2 Tính :

a) $7 \times 5 + 15$ b) $7 \times 7 + 21$

$7 \times 9 + 17$ $7 \times 4 + 32$

3 Mỗi lọ hoa có 7 bông hoa. Hỏi 5 lọ hoa như thế có bao nhiêu bông hoa ?

4 Viết phép nhân thích hợp nào vào chỗ chấm ?



a) Mỗi hàng có 7 ô vuông, có 4 hàng.
Số ô vuông trong hình chữ nhật là :

.... = 28 (ô vuông)

b) Mỗi cột có 4 ô vuông, có 7 cột.
Số ô vuông trong hình chữ nhật là :

.... = 28 (ô vuông).

Nhận xét : .... = ...

5 Viết tiếp số thích hợp nào vào chỗ chấm ?

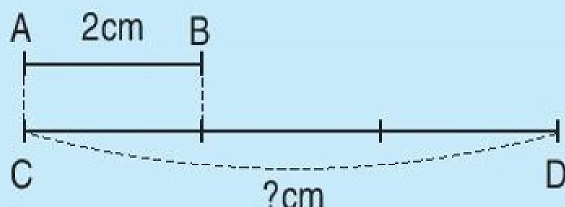
a) 14 ; 21 ; 28 ; ... ; ... . b) 56 ; 49 ; 42 ; ... ; ... .

GẤP MỘT SỐ LÊN NHIỀU LẦN



Bài toán : Đoạn thẳng AB dài 2cm, đoạn thẳng CD dài gấp 3 lần đoạn thẳng AB. Hỏi đoạn thẳng CD dài mấy xăng-ti-mét ?

Tóm tắt



Bài giải

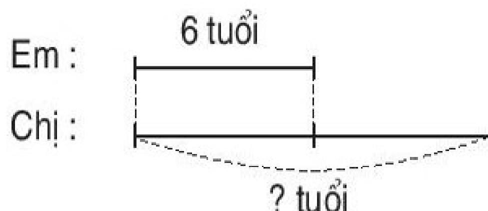
Độ dài đoạn thẳng CD là :

$2 \times 3 = 6$ (cm)

Đáp số : 6cm.

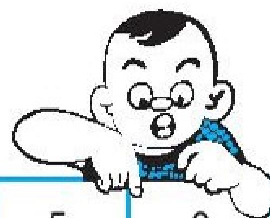
Muốn gấp một số lên nhiều lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

1 Năm nay em 6 tuổi, tuổi chị gấp 2 lần tuổi em. Hỏi năm nay chị bao nhiêu tuổi ?



2 Con hái được 7 quả cam, mẹ hái được gấp 5 lần số cam của con. Hỏi mẹ hái được bao nhiêu quả cam ?

3 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :



Số đã cho	3	6	4	7	5	0
Nhiều hơn số đã cho 5 đơn vị	8					
Gấp 5 lần số đã cho	15					



LUYỆN TẬP

1 Viết (theo mẫu) :

Số		Kết quả
4	gấp 6 lần	24
5	gấp 8 lần	
7	gấp 9 lần	
7	gấp 5 lần	
6	gấp 7 lần	
4	gấp 10 lần	

2 Tính :

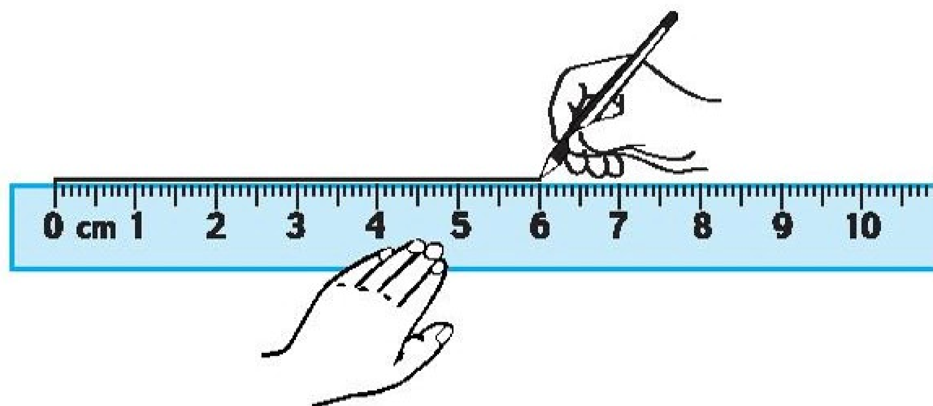
$$\begin{array}{r} 12 \\ \times\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ \times\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ \times\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ \times\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 44 \\ \times\ 6 \\ \hline \end{array}$$

3 Một buổi tập múa có 6 bạn nam, số bạn nữ gấp 3 lần số bạn nam. Hỏi buổi tập múa có bao nhiêu bạn nữ ?

4 a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 6cm.

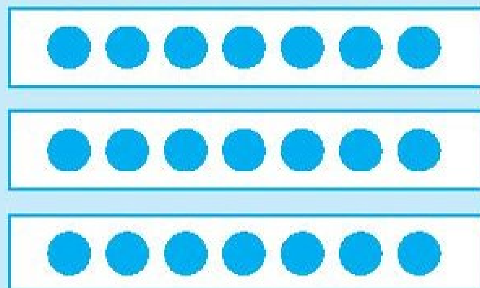
b) Vẽ đoạn thẳng CD dài gấp đôi (gấp 2 lần) đoạn thẳng AB.

c) Vẽ đoạn thẳng MN dài bằng $\frac{1}{3}$ đoạn thẳng AB.



BẢNG CHIA 7





$7 \times 3 = 21$

$21 : 7 = 3$



7 : 7 = 1
14 : 7 = 2
21 : 7 = 3
28 : 7 = 4
35 : 7 = ...
42 : 7 = ...
49 : 7 = ...
56 : 7 = ...
63 : 7 = ...
70 : 7 = ...

1 Tính nhẩm :

28 : 7 =	70 : 7 =	21 : 7 =	42 : 7 =
14 : 7 =	56 : 7 =	63 : 7 =	42 : 6 =
49 : 7 =	35 : 7 =	7 : 7 =	0 : 7 =

2 Tính nhẩm :

$7 \times 5 =$	$7 \times 6 =$	$7 \times 2 =$	$7 \times 4 =$
35 : 7 =	42 : 7 =	14 : 7 =	28 : 7 =
35 : 5 =	42 : 6 =	14 : 2 =	28 : 4 =

3 Có 56 học sinh xếp đều thành 7 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh ?

4 Có 56 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 7 học sinh. Hỏi xếp được bao nhiêu hàng ?



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) 7 × 8 =	7 × 9 =	7 × 6 =	7 × 7 =
56 : 7 =	63 : 7 =	42 : 7 =	49 : 7 =
b) 70 : 7 =	28 : 7 =	30 : 6 =	18 : 2 =
63 : 7 =	42 : 6 =	35 : 5 =	27 : 3 =
14 : 7 =	42 : 7 =	35 : 7 =	56 : 7 =

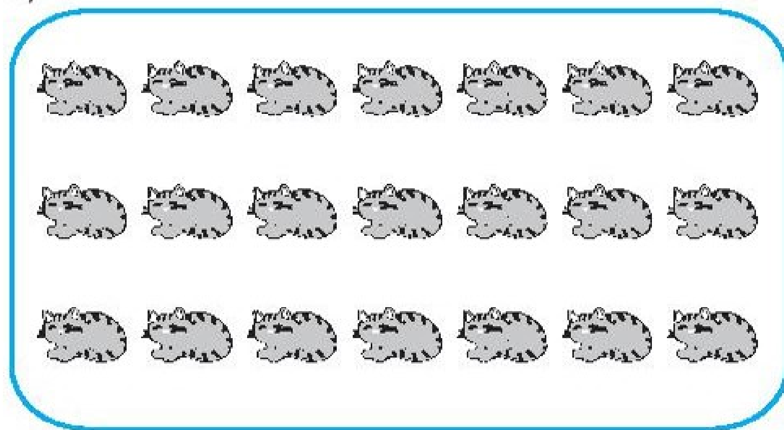
2 Tính :

28 | 7	35 | 7	21 | 7	14 | 7
42 | 7	42 | 6	25 | 5	49 | 7

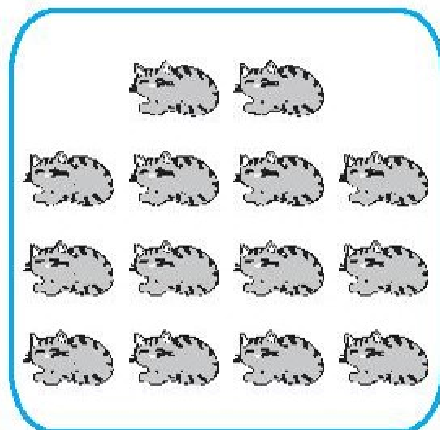
3 Cô giáo chia 35 học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm có 7 học sinh. Hỏi chia được bao nhiêu nhóm ?

4 Tìm $\frac{1}{7}$ số con mèo trong mỗi hình sau :

a)

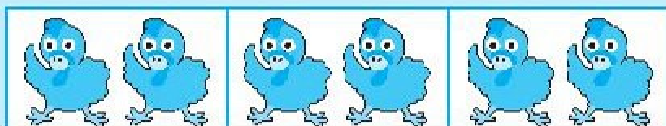


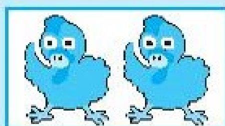
b)



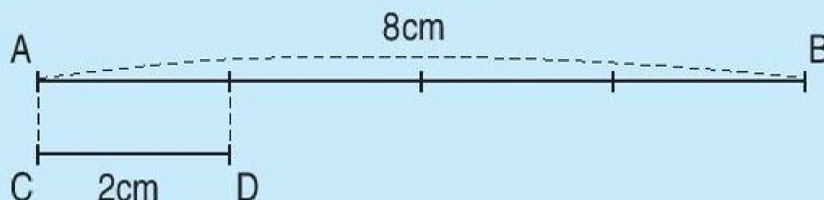
GIẢM ĐI MỘT SỐ LẦN







- Hàng trên : 6 con gà
  Hàng dưới : 6 : 3 = 2 (con gà)
  Số con gà ở hàng trên ***giảm 3 lần*** thì được số con gà ở hàng dưới.



- Độ dài đoạn thẳng AB : 8cm
  Độ dài đoạn thẳng CD : 8 : 4 = 2(cm)
  Độ dài đoạn thẳng AB ***giảm 4 lần*** thì được độ dài đoạn thẳng CD.
- ***Muốn giảm một số đi nhiều lần ta chia số đó cho số lần.***

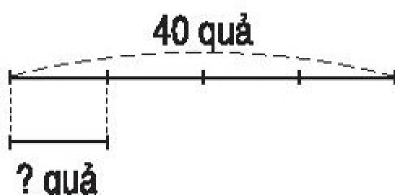
1 Viết (theo mẫu) :

Số đã cho	12	48	36	24
Giảm 4 lần	12 : 4 = 3			
Giảm 6 lần	12 : 6 = 2			

2 Giải bài toán (theo bài giải mẫu) :

a) Mẹ có 40 quả bưởi, sau khi đem bán thì số bưởi giảm đi 4 lần. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả bưởi ?

Tóm tắt



Bài giải (mẫu)

Số quả bưởi còn lại là :

40 : 4 = 10 (quả)

Đáp số : 10 quả bưởi.

b) Một công việc làm bằng tay hết 30 giờ, nếu làm bằng máy thì thời gian giảm 5 lần. Hỏi làm công việc đó bằng máy hết bao nhiêu giờ ?

3 Đoạn thẳng AB dài 8cm.

a) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài là độ dài của đoạn thẳng AB giảm đi 4 lần.

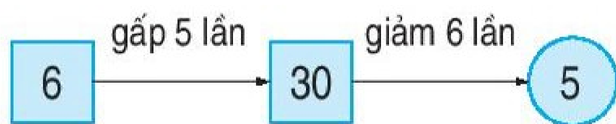
b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài là độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 4cm.

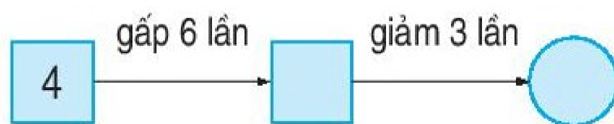


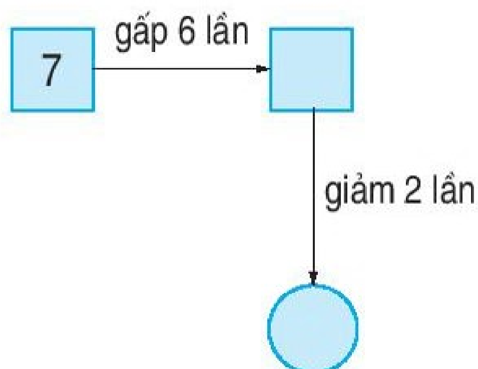
LUYỆN TẬP

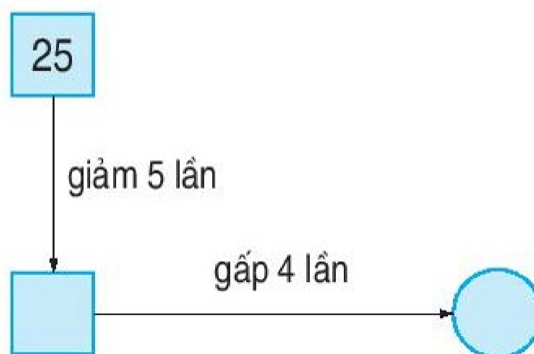
1 Viết (theo mẫu) :

Mẫu :









2 a) Một cửa hàng buổi sáng bán được $60l$ dầu, số lít dầu bán được trong buổi chiều giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu ?

b) Lúc đầu trong rổ có 60 quả cam. Sau một buổi bán hàng, trong rổ còn lại $\frac{1}{3}$ số cam. Hỏi trong rổ còn lại bao nhiêu quả cam ?

3 a) Đo độ dài đoạn thẳng AB.

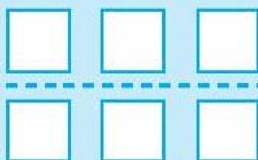
b) Giảm độ dài đoạn thẳng AB đi 5 lần thì được độ dài đoạn thẳng MN. Hãy vẽ đoạn thẳng MN đó.



TÌM SỐ CHIA



1) Nhận xét



Có phép chia :

6	:	2	=	3
Số bị chia		Số chia		Thương

Ta có : 2 = 6 : 3

2) Tìm số chia x chưa biết

$30 : x = 5$

$x = 30 : 5$

$x = 6$

Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

1 Tính nhẩm :

35 : 5 =	28 : 7 =	24 : 6 =	21 : 3 =
35 : 7 =	28 : 4 =	24 : 4 =	21 : 7 =

2 Tìm x :

a) $12 : x = 2$; b) $42 : x = 6$; c) $27 : x = 3$;

d) $36 : x = 4$; e) $x : 5 = 4$; g) $x \times 7 = 70$.

3 Trong phép chia hết, 7 chia cho mấy để được :

a) Thương lớn nhất ?

b) Thương bé nhất ?



LUYỆN TẬP

1 Tìm x :

a) $x + 12 = 36$; b) $x \times 6 = 30$;

c) $x - 25 = 15$; d) $x : 7 = 5$;

e) $80 - x = 30$; g) $42 : x = 7$.

2 Tính :

a) $\begin{array}{r} 35 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 26 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 32 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 20 \\ \times \quad 7 \\ \hline \end{array}$

b) $64 \,|\, \underline{2}$ $80 \,|\, \underline{4}$ $99 \,|\, \underline{3}$ $77 \,|\, \underline{7}$

3 Trong thùng có 36*l* dầu. Sau khi sử dụng, số dầu còn lại trong thùng bằng $\frac{1}{3}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

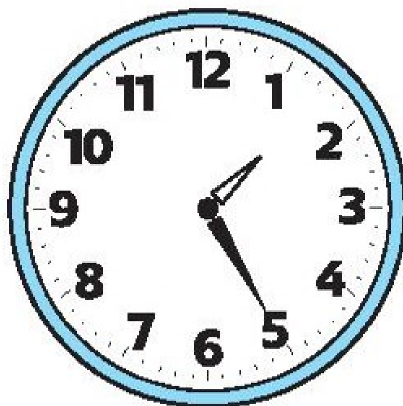
Đồng hồ chỉ :

A. 1 giờ 50 phút

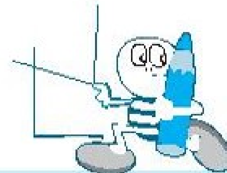
B. 1 giờ 25 phút

C. 2 giờ 25 phút

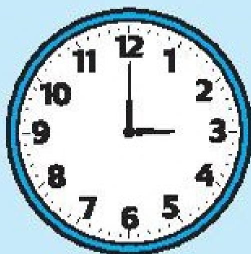
D. 5 giờ 10 phút

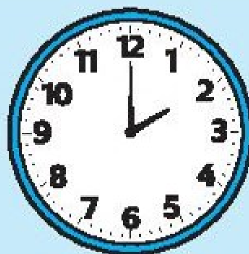


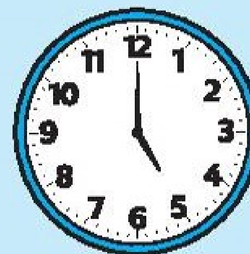
GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG



1) Làm quen với góc

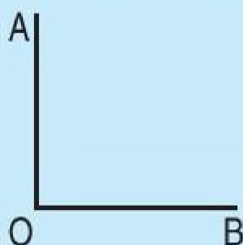




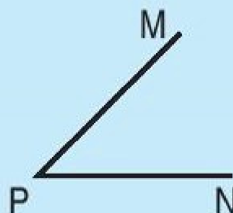


Hai kim đồng hồ ở mỗi hình trên tạo thành ***góc***.

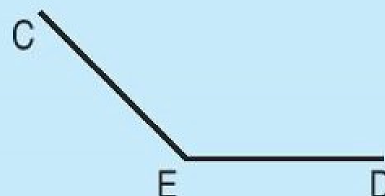
2) Góc vuông, góc không vuông



Góc vuông
đỉnh O ; cạnh OA, OB.

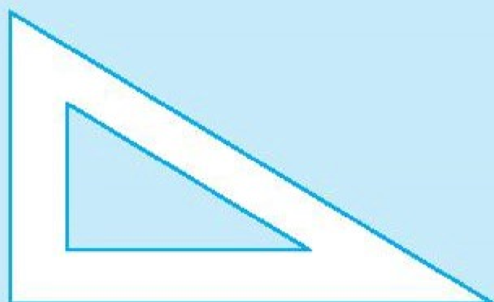


Góc không vuông
đỉnh P ; cạnh PM, PN.

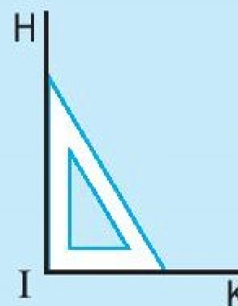


Góc không vuông
đỉnh E ; cạnh EC, ED.

3) Ê ke



Cái ê ke



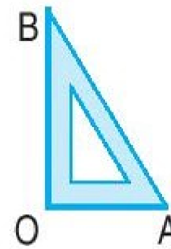
Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.

1 a) Dùng ê ke để nhận biết góc vuông của hình bên rồi đánh dấu góc vuông (theo mẫu).



b) Dùng ê ke để vẽ :

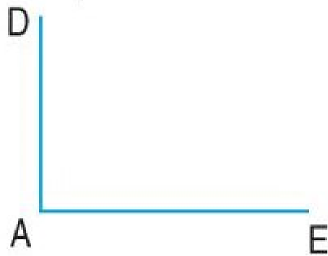
- Góc vuông đỉnh O ; cạnh OA, OB (theo mẫu).
- Góc vuông đỉnh M ; cạnh MC, MD.

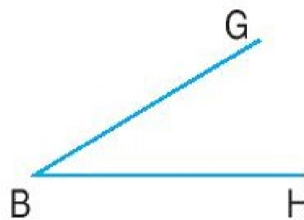


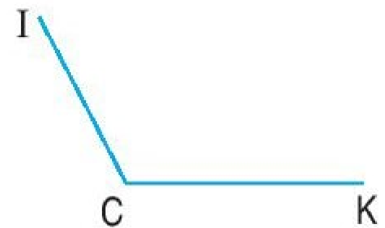
2 Trong các hình dưới đây :

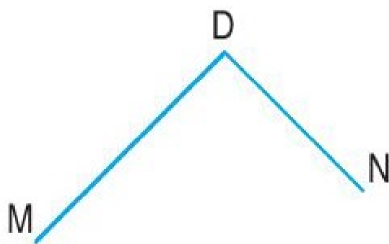
a) Nêu tên đỉnh và cạnh các góc vuông ;

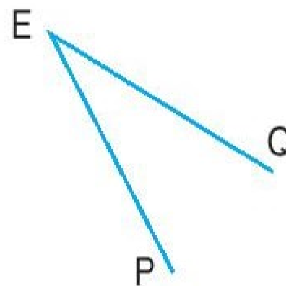
b) Nêu tên đỉnh và cạnh các góc không vuông.





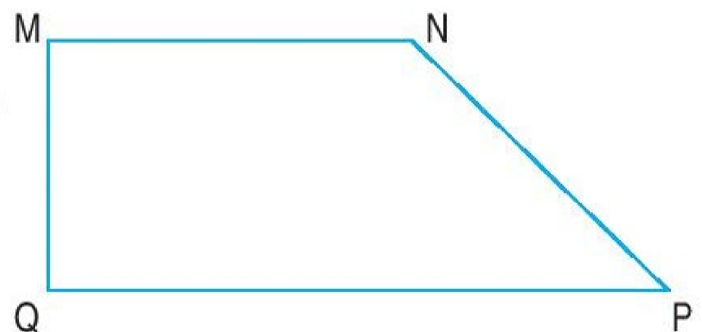








3 Trong hình tứ giác MNPQ, góc nào là góc vuông ? Góc nào là góc không vuông ?

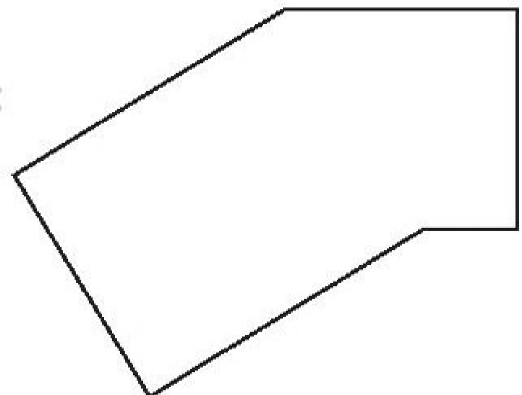


4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

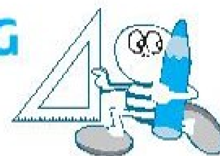
Số góc vuông trong hình bên là :

A. 1 C. 3

B. 2 D. 4



THỰC HÀNH NHẬN BIẾT VÀ VẼ GÓC VUÔNG BẰNG Ê KE



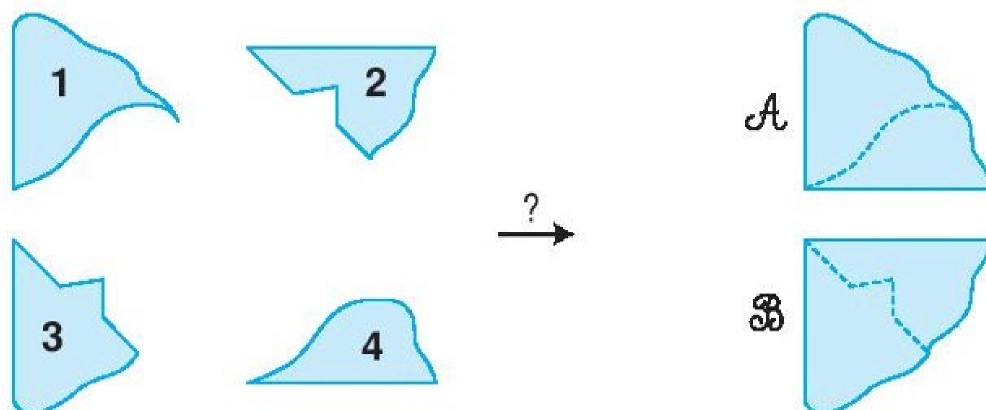
1 Dùng ê ke vẽ góc vuông biết đỉnh và một cạnh cho trước :



2 Dùng ê ke kiểm tra trong mỗi hình sau có mấy góc vuông :

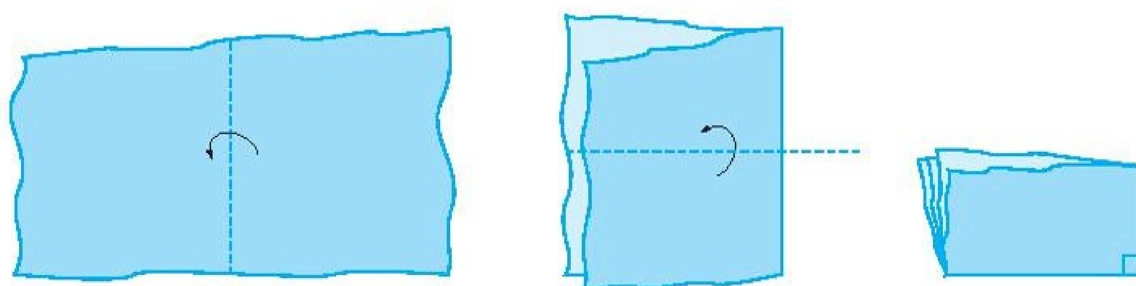


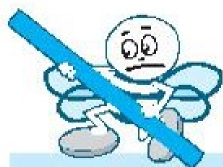
3 Hai miếng bìa nào có thể ghép lại được một góc vuông như hình $\mathcal{A}$ hoặc hình $\mathcal{B}$?



4 Thực hành :

Gấp mảnh giấy theo hình sau để được góc vuông :





ĐỀ-CA-MÉT. HÉC-TÔ-MÉT

- Đề-ca-mét là một đơn vị đo độ dài.

  Đề-ca-mét viết tắt là **dam**.

  1dam = 10m

- Héc-tô-mét là một đơn vị đo độ dài.

  Héc-tô-mét viết tắt là **hm**.

  1hm = 100m

  1hm = 10dam

1 Số ?

1hm = ... m

1dam = ... m

1hm = ... dam

1km = ... m

1m = ... dm

1m = ... cm

1cm = ... mm

1m = ... mm

2 a) 4dam = ... m

Nhận xét :

4dam = 1dam × 4

= 10m × 4

= 40m

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

Mẫu : 4dam = 40m

7dam = ... m

9dam = ... m

6dam = ... m

8hm = 800m

7hm = ... m

9hm = ... m

5hm = ... m

3 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : 2dam + 3dam = 5dam

25dam + 50dam =

8hm + 12hm =

36hm + 18hm =

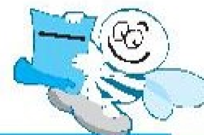
24dam – 10dam = 14dam

45dam – 16dam =

67hm – 25hm =

72hm – 48hm =

BẢNG ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI



Lớn hơn mét			Mét	Nhỏ hơn mét		
km	hm	dam	m	dm	cm	mm
1km = 10hm = 1000m	1hm = 10dam = 100m	1dam = 10m	1m = 10dm = 100cm = 1000mm	1dm = 10cm = 100mm	1cm = 10mm	1mm

1 Số ?

1km = ... hm
1km = ... m
1hm = ... dam
1hm = ... m
1dam = ... m

1m = ... dm
1m = ... cm
1m = ... mm
1dm = ... cm
1cm = ... mm

2 Số ?

8hm = ... m
9hm = ... m
7dam = ... m
3dam = ... m

8m = ... dm
6m = ... cm
8cm = ... mm
4dm = ... mm

3 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : 32dam × 3 = 96dam

96cm : 3 = 32cm

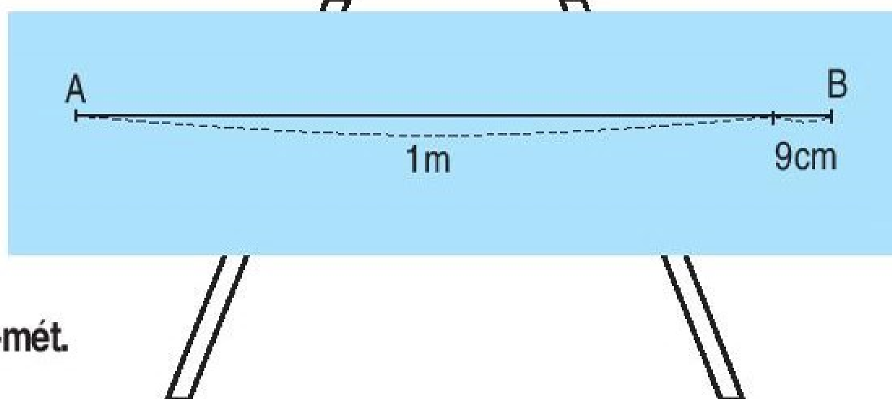
25m × 2 =
15km × 4 =
34cm × 6 =

36hm : 3 =
70km : 7 =
55dm : 5 =



LUYỆN TẬP

1 a)



Đoạn thẳng AB đo được
1m và 9cm,
viết tắt là **1m 9cm**,
đọc là **một mét chín xăng-ti-mét.**

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

Mẫu : 3m 2dm = 32dm

Cách làm :

3m 4dm = 30dm + 4dm = 34dm
3m 4cm = 300cm + 4cm = 304cm

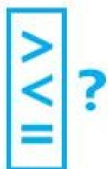
3m 2cm = ... cm
4m 7dm = ... dm
4m 7cm = ... cm
9m 3cm = ... cm
9m 3dm = ... dm

2 Tính :

a) 8dam + 5dam =
57hm − 28hm =
12km × 4 =

b) 720m + 43m =
403cm − 52cm =
27mm : 3 =

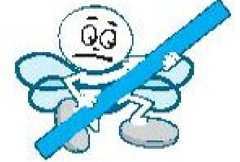
3



6m 3cm ... 7m
6m 3cm ... 6m
6m 3cm ... 630cm
6m 3cm ... 603cm

5m 6cm ... 5m
5m 6cm ... 6m
5m 6cm ... 506cm
5m 6cm ... 560cm

THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI



1 Hãy vẽ các đoạn thẳng có độ dài được nêu ở bảng sau :

Đoạn thẳng	Độ dài
AB	7cm
CD	12cm
EG	1dm 2cm

2 Thực hành

Đo độ dài rồi cho biết kết quả đo :

a) Chiều dài cái bút của em ;

b) Chiều dài mép bàn học của em ;

c) Chiều cao chân bàn học của em.

3 Ước lượng :

a) Bức tường lớp em cao khoảng bao nhiêu mét ?

b) Chân tường lớp em dài khoảng bao nhiêu mét ?

c) Mép bảng của lớp em dài khoảng bao nhiêu đề-xi-mét ?





THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI (tiếp theo)

1 a) Đọc bảng (theo mẫu) :

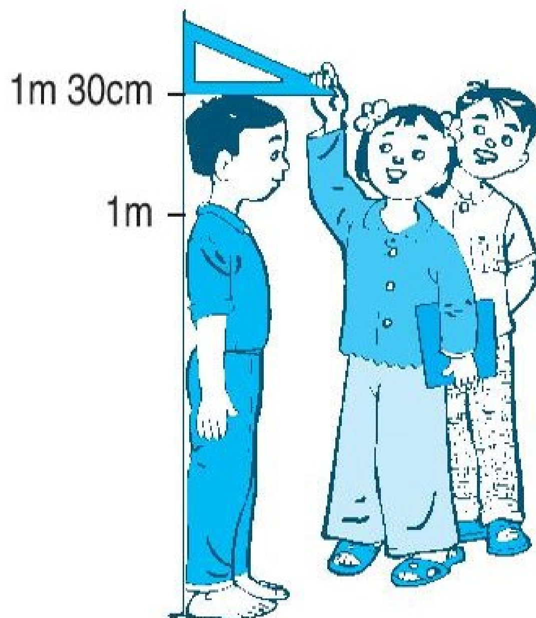
Tên	Chiều cao
Hương	1m 32cm
Nam	1m 15cm
Hằng	1m 20cm
Minh	1m 25cm
Tú	1m 20cm

Mẫu : Hương cao một mét ba mươi hai xăng-ti-mét.

b) Nêu chiều cao của bạn Minh và bạn Nam.

Trong 5 bạn trên, bạn nào cao nhất ? Bạn nào thấp nhất ?

2 a) Đo chiều cao của các bạn ở tổ em rồi viết kết quả đo vào bảng sau :



Tên	Chiều cao

b) Ở tổ em, bạn nào cao nhất ? Bạn nào thấp nhất ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

$6 \times 9 =$	$28 : 7 =$	$7 \times 7 =$	$56 : 7 =$
$7 \times 8 =$	$36 : 6 =$	$6 \times 3 =$	$48 : 6 =$
$6 \times 5 =$	$42 : 7 =$	$7 \times 5 =$	$40 : 5 =$

2 Tính :

a) $\begin{array}{r} 15 \\ \times \quad 7 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 30 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 28 \\ \times \quad 7 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 42 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$

b) $24 \,|\, \underline{2}$ $\qquad$ $93 \,|\, \underline{3}$ $\qquad$ $88 \,|\, \underline{4}$ $\qquad$ $69 \,|\, \underline{3}$

3 Số ?

4m 4dm = ... dm $\qquad$ 2m 14cm = ... cm

1m 6dm = ... dm $\qquad$ 8m 32cm = ... cm

4 Tổ Một trồng được 25 cây, tổ Hai trồng được gấp 3 lần số cây của tổ Một. Hỏi tổ Hai trồng được bao nhiêu cây ?

5 a) Đo độ dài đoạn thẳng AB :



b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{4}$ độ dài đoạn thẳng AB.

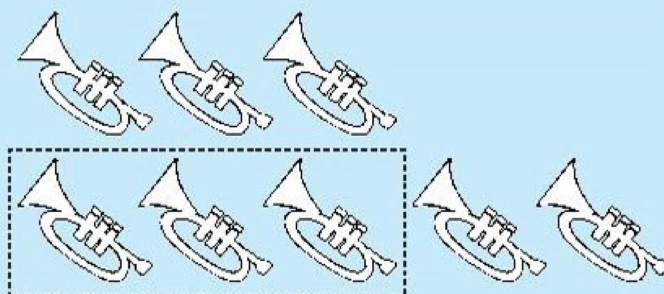


BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH

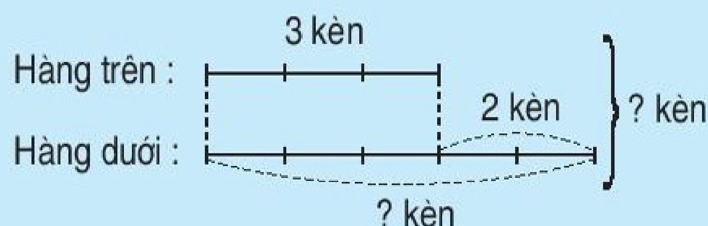
Bài toán 1 : Hàng trên có 3 cái kèn, hàng dưới có nhiều hơn hàng trên 2 cái kèn. Hỏi :

a) Hàng dưới có mấy cái kèn ?

b) Cả hai hàng có mấy cái kèn ?



Tóm tắt



Bài giải

a) Số kèn ở hàng dưới là :

3 + 2 = 5 (cái)

b) Số kèn ở cả hai hàng là :

3 + 5 = 8 (cái)

Đáp số : a) 5 cái kèn

b) 8 cái kèn.

Bài toán 2 : Bể thứ nhất có 4 con cá, bể thứ hai có nhiều hơn bể thứ nhất 3 con cá. Hỏi cả hai bể có bao nhiêu con cá ?

Tóm tắt



Bài giải

Số cá ở bể thứ hai là :

4 + 3 = 7 (con)

Số cá ở cả hai bể là :

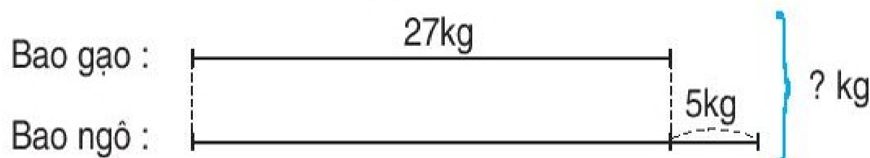
4 + 7 = 11 (con)

Đáp số : 11 con cá.

1 Anh có 15 tấm bưu ảnh, em có ít hơn anh 7 tấm bưu ảnh. Hỏi cả hai anh em có bao nhiêu tấm bưu ảnh ?

2 Thùng thứ nhất đựng 18*l* dầu, thùng thứ hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 6*l* dầu. Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít dầu ?

3 Nêu bài toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán đó :

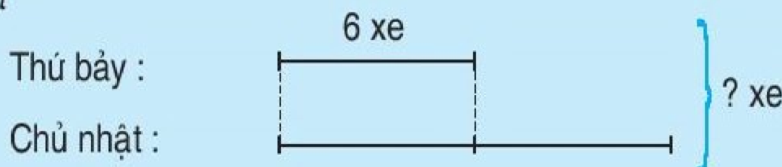


BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH (tiếp theo)



Bài toán : Một cửa hàng ngày thứ bảy bán được 6 xe đạp, ngày chủ nhật bán được số xe đạp gấp đôi số xe đạp trên. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu xe đạp ?

Tóm tắt



Bài giải

Số xe đạp bán trong ngày chủ nhật là :

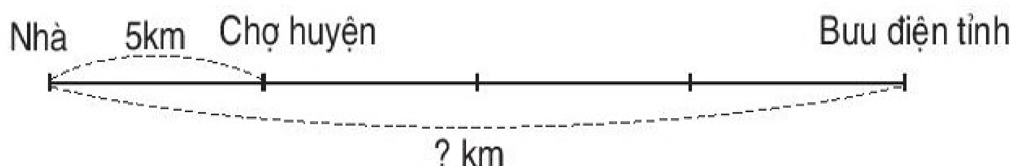
$6 \times 2 = 12$ (xe)

Số xe đạp bán trong cả hai ngày là :

$6 + 12 = 18$ (xe)

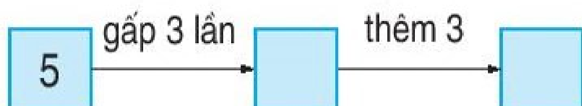
Đáp số : 18 xe đạp.

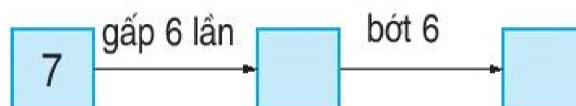
1 Quãng đường từ nhà đến chợ huyện dài 5km, quãng đường từ chợ huyện đến bưu điện tỉnh dài gấp 3 lần quãng đường từ nhà đến chợ huyện (theo sơ đồ sau). Hỏi quãng đường từ nhà đến bưu điện tỉnh dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

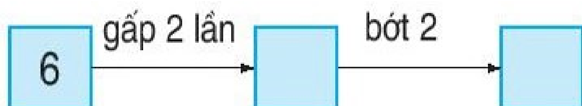


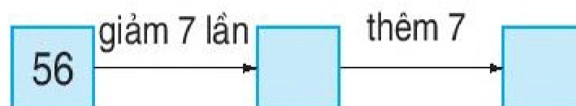
2 Một thùng đựng $24l$ mật ong, lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong đó. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong ?

3 **Số** ?









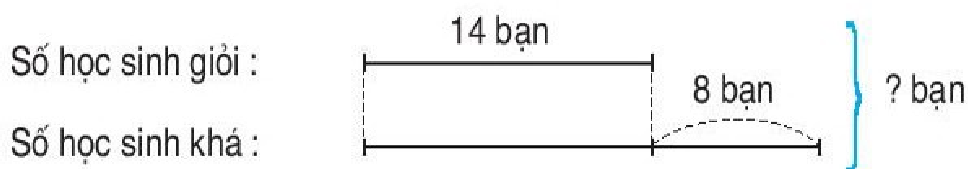


LUYỆN TẬP

1 Một bến xe có 45 ô tô. Lúc đầu có 18 ô tô rời bến, sau đó có thêm 17 ô tô nữa rời bến. Hỏi bến xe đó còn lại bao nhiêu ô tô ?

2 Bác An nuôi 48 con thỏ, bác đã bán đi $\frac{1}{6}$ số thỏ đó. Hỏi bác An còn lại bao nhiêu con thỏ ?

3 Nêu bài toán theo sơ đồ sau rồi giải bài toán đó :



4 Tính (theo mẫu) :

Mẫu :

Gấp 15 lên 3 lần, rồi cộng với 47 :
$15 \times 3 = 45$; $45 + 47 = 92$

a) Gấp 12 lên 6 lần, rồi bớt đi 25 ;

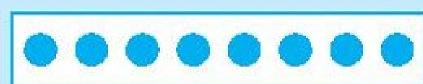
b) Giảm 56 đi 7 lần, rồi bớt đi 5 ;

c) Giảm 42 đi 6 lần, rồi thêm 37.

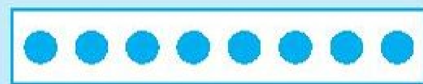
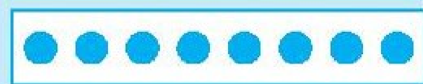


BẢNG NHÂN 8

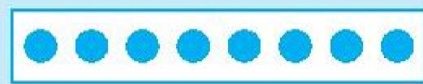
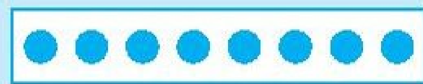
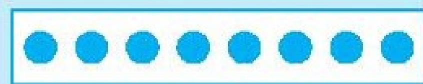




8 được lấy 1 lần, ta viết :
$8 \times 1 = 8$.

8 được lấy 2 lần, ta có :
$8 \times 2 = 8 + 8 = 16$
Vậy : **$8 \times 2 = 16$.**

8 được lấy 3 lần, ta có :
$8 \times 3 = 8 + 8 + 8 = 24$
Vậy : **$8 \times 3 = 24$.**

$8 \times 1 = ...$
$8 \times 2 = ...$
$8 \times 3 = ...$
$8 \times 4 = ...$
$8 \times 5 = ...$
$8 \times 6 = ...$
$8 \times 7 = ...$
$8 \times 8 = ...$
$8 \times 9 = ...$
$8 \times 10 = ...$

1 Tính nhẩm :

$8 \times 3 =$	$8 \times 2 =$	$8 \times 4 =$	$8 \times 1 =$
$8 \times 5 =$	$8 \times 6 =$	$8 \times 7 =$	$0 \times 8 =$
$8 \times 8 =$	$8 \times 10 =$	$8 \times 9 =$	$8 \times 0 =$

2 Mỗi can có 8*l* dầu. Hỏi 6 can như thế có bao nhiêu lít dầu ?

3 Đếm thêm 8 rồi điền số thích hợp vào ô trống :

8	16			40				72	



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) $8 \times 1 =$ $8 \times 5 =$ $8 \times 0 =$ $8 \times 8 =$

$8 \times 2 =$ $8 \times 4 =$ $8 \times 6 =$ $8 \times 9 =$

$8 \times 3 =$ $8 \times 7 =$ $8 \times 10 =$ $0 \times 8 =$

b) $8 \times 2 =$ $8 \times 4 =$ $8 \times 6 =$ $8 \times 7 =$

$2 \times 8 =$ $4 \times 8 =$ $6 \times 8 =$ $7 \times 8 =$

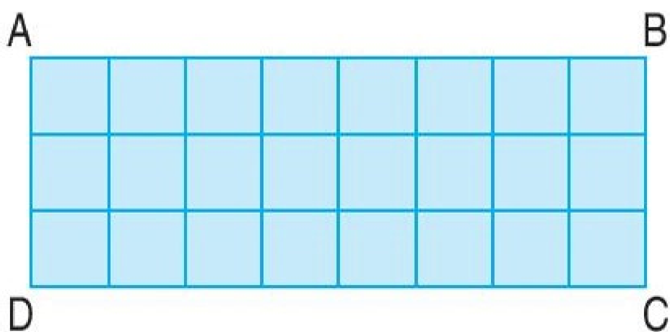
2 Tính :

a) $8 \times 3 + 8$ b) $8 \times 8 + 8$

$8 \times 4 + 8$ $8 \times 9 + 8$

3 Từ cuộn dây điện dài 50m người ta cắt lấy 4 đoạn, mỗi đoạn dài 8m. Hỏi cuộn dây điện đó còn lại bao nhiêu mét ?

4 Viết phép nhân thích hợp nào vào chỗ chấm ?



a) Có 3 hàng, mỗi hàng có 8 ô vuông. Số ô vuông trong hình chữ nhật ABCD là :

.... = 24 (ô vuông)

b) Có 8 cột, mỗi cột có 3 ô vuông. Số ô vuông trong hình chữ nhật ABCD là :

.... = 24 (ô vuông)

Nhận xét : .... = ...

NHÂN SỐ CÓ BA CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



a) **123 × 2 = ?**

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times \quad 2 \\ \hline 246 \end{array}$$

- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

123 × 2 = ...

b) **326 × 3 = ?**

$$\begin{array}{r} 326 \\ \times \quad 3 \\ \hline 978 \end{array}$$

- 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.

326 × 3 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 341 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 213 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 212 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 110 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 203 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 437 × 2 b) 319 × 3

205 × 4 171 × 5

3 Mỗi chuyến máy bay chở được 116 người. Hỏi 3 chuyến máy bay như thế chở được bao nhiêu người ?

4 Tìm x :

a) x : 7 = 101 ; b) x : 6 = 107.



LUYỆN TẬP

1 Số ?

Thừa số	423	210	105	241	170
Thừa số	2	3	8	4	5
Tích					

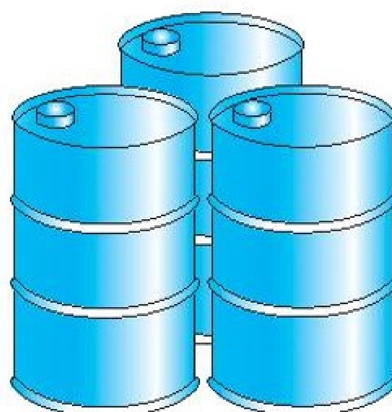
2 Tìm x :

a) $x : 3 = 212$;

b) $x : 5 = 141$.

3 Mỗi hộp có 120 cái kẹo. Hỏi 4 hộp như thế có bao nhiêu cái kẹo ?

4 Có 3 thùng dầu, mỗi thùng chứa 125l, người ta đã lấy ra 185l dầu từ các thùng đó. Hỏi còn lại bao nhiêu lít dầu ?



5 Viết (theo mẫu) :

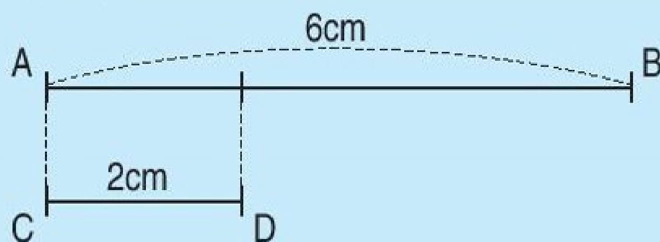
Số đã cho	6	12	24
Gấp 3 lần	$6 \times 3 = 18$		
Giảm 3 lần	$6 : 3 = 2$		

SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ



Bài toán : Đoạn thẳng AB dài 6cm, đoạn thẳng CD dài 2cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD ?

Tóm tắt



Bài giải

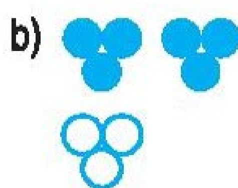
Độ dài đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD một số lần là :

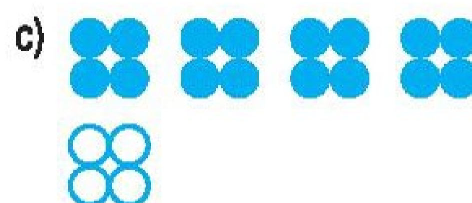
6 : 2 = 3 (lần)

Đáp số : 3 lần.

1 Trả lời câu hỏi : Trong mỗi hình dưới đây, số hình tròn màu xanh gấp mấy lần số hình tròn màu trắng ?

a) 

b) 

c) 

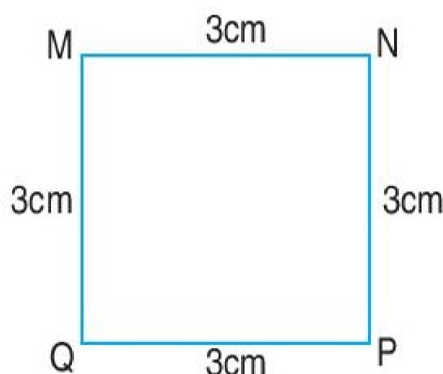
2 Trong vườn có 5 cây cau và 20 cây cam. Hỏi số cây cam gấp mấy lần số cây cau ?

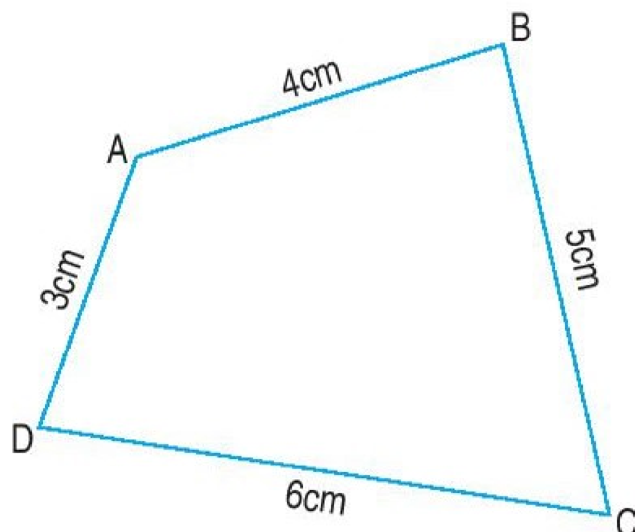
3 Một con lợn cân nặng 42kg, một con ngỗng cân nặng 6kg. Hỏi con lợn cân nặng gấp mấy lần con ngỗng ?

4 Tính chu vi :

a) Hình vuông MNPQ ;

b) Hình tứ giác ABCD.







LUYỆN TẬP

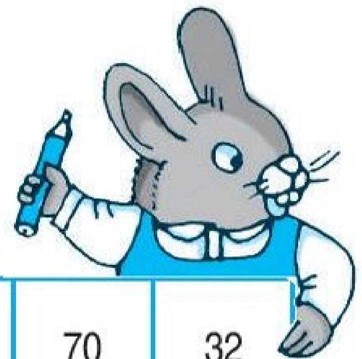
1 Trả lời các câu hỏi sau :

a) Sợi dây 18m dài gấp mấy lần sợi dây 6m ?

b) Bao gạo 35kg cân nặng gấp mấy lần bao gạo 5kg ?

2 Có 4 con trâu và 20 con bò. Hỏi số bò gấp mấy lần số trâu ?

3 Thu hoạch ở thửa ruộng thứ nhất được 127kg cà chua, ở thửa ruộng thứ hai được nhiều gấp 3 lần số cà chua ở thửa ruộng thứ nhất. Hỏi thu hoạch ở cả hai thửa ruộng được bao nhiêu ki-lô-gam cà chua ?

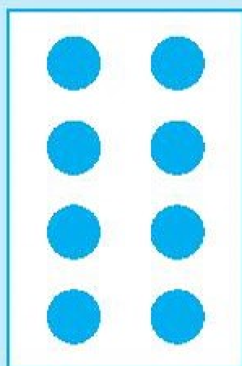
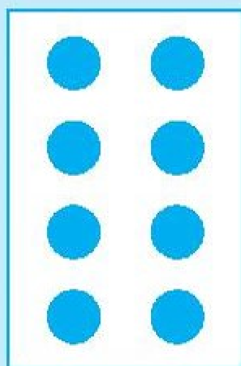
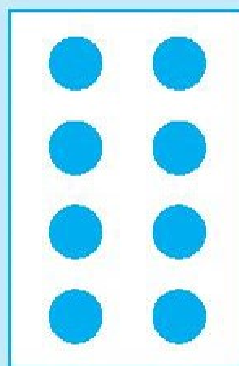


4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số lớn	15	30	42	42	70	32
Số bé	3	5	6	7	7	4
Số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị ?	12					
Số lớn gấp mấy lần số bé ?	5					

BẢNG CHIA 8



8 × 3 = 24

8 : 8 = 1
16 : 8 = 2
24 : 8 = 3
32 : 8 = 4
40 : 8 = ...
48 : 8 = ...
56 : 8 = ...
64 : 8 = ...
72 : 8 = ...
80 : 8 = ...

1 Tính nhẩm :

24 : 8 =	16 : 8 =	56 : 8 =	80 : 8 =
40 : 8 =	48 : 8 =	64 : 8 =	48 : 6 =
32 : 8 =	8 : 8 =	72 : 8 =	56 : 7 =

2 Tính nhẩm :

8 × 5 =	8 × 4 =	8 × 6 =	8 × 3 =
40 : 8 =	32 : 8 =	48 : 8 =	24 : 8 =
40 : 5 =	32 : 4 =	48 : 6 =	24 : 3 =

3 Một tấm vải dài 32m được cắt thành 8 mảnh bằng nhau. Hỏi mỗi mảnh dài mấy mét ?

4 Một tấm vải dài 32m được cắt thành các mảnh, mỗi mảnh dài 8m. Hỏi cắt được thành mấy mảnh vải ?



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) $8 \times 6 =$ $\quad$ $8 \times 7 =$ $\quad$ $8 \times 8 =$ $\quad$ $8 \times 9 =$

$48 : 8 =$ $\quad$ $56 : 8 =$ $\quad$ $64 : 8 =$ $\quad$ $72 : 8 =$

b) $16 : 8 =$ $\quad$ $24 : 8 =$ $\quad$ $32 : 8 =$ $\quad$ $40 : 8 =$

$16 : 2 =$ $\quad$ $24 : 3 =$ $\quad$ $32 : 4 =$ $\quad$ $40 : 5 =$

2 Tính nhẩm :

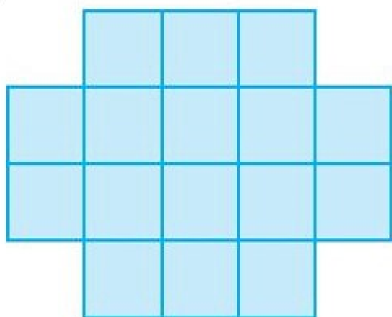
$32 : 8 =$ $\quad$ $24 : 8 =$ $\quad$ $40 : 5 =$ $\quad$ $16 : 8 =$

$42 : 7 =$ $\quad$ $36 : 6 =$ $\quad$ $48 : 8 =$ $\quad$ $48 : 6 =$

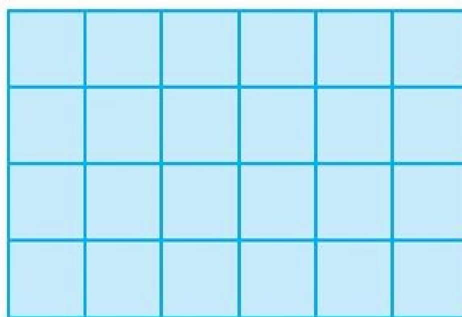
3 Một người nuôi 42 con thỏ. Sau khi đã bán đi 10 con, người đó nhốt đều số còn lại vào 8 chuồng. Hỏi mỗi chuồng đó nhốt mấy con thỏ ?

4 Tìm $\frac{1}{8}$ số ô vuông của mỗi hình :

a)



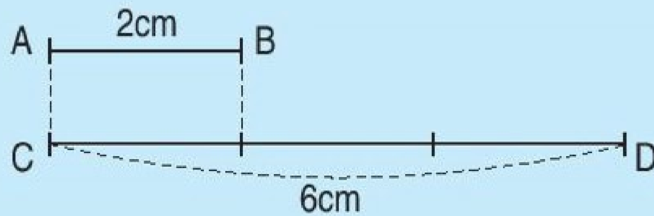
b)



SO SÁNH SỐ BÉ BẰNG MỘT PHẦN MẤY SỐ LỚN



1) Ví dụ



6 : 2 = 3 (lần)

Độ dài đoạn thẳng CD gấp 3 lần độ dài đoạn thẳng AB.

Ta nói rằng : Độ dài đoạn thẳng AB bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng CD.

2) Bài toán : Mẹ 30 tuổi, con 6 tuổi. Hỏi tuổi con bằng một phần mấy tuổi mẹ ?

Bài giải

Tuổi mẹ gấp tuổi con một số lần là :

30 : 6 = 5 (lần)

Vậy tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ.

Đáp số : $\frac{1}{5}$.

1 Viết vào ô trống (theo mẫu) :

Số lớn	Số bé	Số lớn gấp mấy lần số bé ?	Số bé bằng một phần mấy số lớn ?
8	2	4	$\frac{1}{4}$
6	3		
10	2		

2 Ngăn trên có 6 quyển sách, ngăn dưới có 24 quyển sách. Hỏi số sách ở ngăn trên bằng một phần mấy số sách ở ngăn dưới ?

3 Số ô vuông màu xanh bằng một phần mấy số ô vuông màu trắng ?

a) b) c)



LUYỆN TẬP

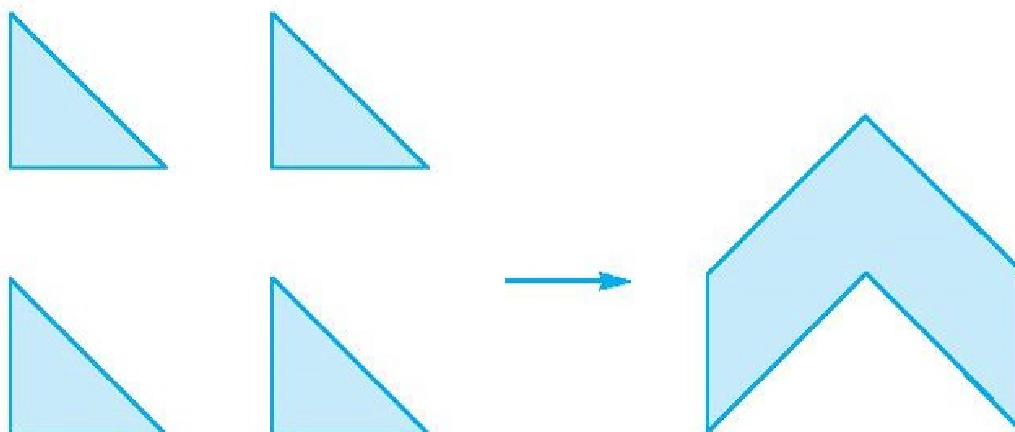
1 Viết vào ô trống (theo mẫu) :

Số lớn	12	18	32	35	70
Số bé	3	6	4	7	7
Số lớn gấp mấy lần số bé ?	4				
Số bé bằng một phần mấy số lớn ?	$\frac{1}{4}$				

2 Có 7 con trâu, số bò nhiều hơn số trâu là 28 con. Hỏi số trâu bằng một phần mấy số bò ?

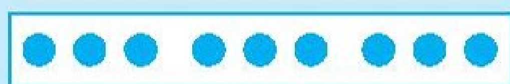
3 Đàn vịt có 48 con, trong đó có $\frac{1}{8}$ số vịt đang bơi ở dưới ao. Hỏi trên bờ có bao nhiêu con vịt ?

4 Xếp 4 hình tam giác thành hình sau (xem hình vẽ) :

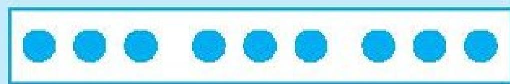
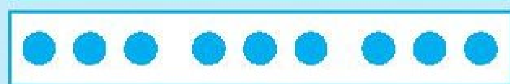


BẢNG NHÂN 9

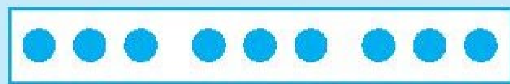
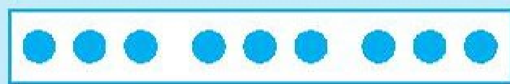
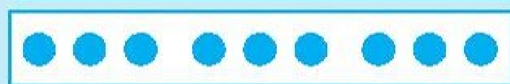




9 được lấy 1 lần, ta viết :
9 × 1 = 9.

9 được lấy 2 lần, ta có :
9 × 2 = 9 + 9 = 18
Vậy : **9 × 2 = 18.**

9 được lấy 3 lần, ta có :
9 × 3 = 9 + 9 + 9 = 27
Vậy : **9 × 3 = 27.**

9 × 1 = ...
9 × 2 = ...
9 × 3 = ...
9 × 4 = ...
9 × 5 = ...
9 × 6 = ...
9 × 7 = ...
9 × 8 = ...
9 × 9 = ...
9 × 10 = ...

1 Tính nhẩm :

9 × 4 =	9 × 2 =	9 × 5 =	9 × 10 =
9 × 1 =	9 × 7 =	9 × 8 =	0 × 9 =
9 × 3 =	9 × 6 =	9 × 9 =	9 × 0 =

2 Tính :

a) 9 × 6 + 17
9 × 3 × 2

b) 9 × 7 – 25
9 × 9 : 9

3 Lớp 3B có 3 tổ, mỗi tổ có 9 bạn. Hỏi lớp 3B có bao nhiêu bạn ?

4 Đếm thêm 9 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

9	18	27			54			81	



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) $9 \times 1 =$ $9 \times 5 =$ $9 \times 4 =$ $9 \times 10 =$

$9 \times 2 =$ $9 \times 7 =$ $9 \times 8 =$ $9 \times 0 =$

$9 \times 3 =$ $9 \times 9 =$ $9 \times 6 =$ $0 \times 9 =$

b) $9 \times 2 =$ $9 \times 5 =$ $9 \times 8 =$ $9 \times 10 =$

$2 \times 9 =$ $5 \times 9 =$ $8 \times 9 =$ $10 \times 9 =$

2 Tính :

a) $9 \times 3 + 9$

$9 \times 4 + 9$

b) $9 \times 8 + 9$

$9 \times 9 + 9$

3 Một công ti vận tải có bốn đội xe. Đội Một có 10 xe ô tô, 3 đội còn lại mỗi đội có 9 xe ô tô. Hỏi công ti đó có bao nhiêu xe ô tô ?

4 Viết kết quả phép nhân vào ô trống (theo mẫu) :

×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	6	12								
7										
8										
9										

GAM





Gam là một đơn vị đo khối lượng.

Gam viết tắt là g.

1000g = 1kg

Ngoài các quả cân 1kg, 2kg, 5kg còn có các quả cân :

1g, 2g, 5g

10g, 20g, 50g

100g, 200g, 500g.

1 a)



Hộp đường cân nặng bao nhiêu gam ?

b)



3 quả táo cân nặng bao nhiêu gam ?

c)



Gói mì chính cân nặng bao nhiêu gam ?

d)



Quả lê cân nặng bao nhiêu gam ?

2 a)



Quả đu đủ cân nặng bao nhiêu gam ?

b)



Bắp cải cân nặng bao nhiêu gam ?

3 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : 22g + 47g = 69g

a) 163g + 28g =

42g – 25g =

100g + 45g – 26g =

b) 50g × 2 =

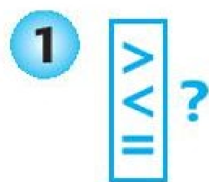
96g : 3 =

4 Cả hộp sữa cân nặng 455g, vỏ hộp cân nặng 58g. Hỏi trong hộp có bao nhiêu gam sữa ?

5 Mỗi túi mì chính cân nặng 210g. Hỏi 4 túi mì chính như thế cân nặng bao nhiêu gam ?



LUYỆN TẬP



1 >, <, = ?

744g ... 474g
305g ... 350g
400g + 8g ... 480g
450g ... 500g – 40g
1kg ... 900g + 5g
760g + 240g ... 1kg

2 Mẹ Hà mua 4 gói kẹo và 1 gói bánh, mỗi gói kẹo cân nặng 130g và gói bánh cân nặng 175g. Hỏi mẹ Hà đã mua tất cả bao nhiêu gam kẹo và bánh ?

3 Cô Lan có 1kg đường, cô đã dùng làm bánh hết 400g. Sau đó cô chia đều số đường còn lại vào 3 túi nhỏ. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu gam đường ?

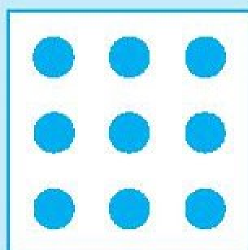
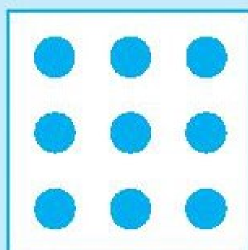
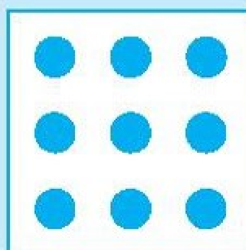
4 Thực hành :

Dùng cân để cân một vài đồ dùng học tập của em.





BẢNG CHIA 9

9 × 3 = 27
27 : 9 = 3

9 : 9 = 1
18 : 9 = 2
27 : 9 = 3
36 : 9 = 4
45 : 9 = ...
54 : 9 = ...
63 : 9 = ...
72 : 9 = ...
81 : 9 = ...
90 : 9 = ...

1 Tính nhẩm :

18 : 9 =	27 : 9 =	54 : 9 =	63 : 9 =
45 : 9 =	72 : 9 =	36 : 9 =	63 : 7 =
9 : 9 =	90 : 9 =	81 : 9 =	72 : 8 =

2 Tính nhẩm :

9 × 5 =	9 × 6 =	9 × 7 =	9 × 8 =
45 : 9 =	54 : 9 =	63 : 9 =	72 : 9 =
45 : 5 =	54 : 6 =	63 : 7 =	72 : 8 =

3 Có 45kg gạo, chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

4 Có 45kg gạo chia vào các túi, mỗi túi có 9kg. Hỏi có bao nhiêu túi gạo ?

LUYỆN TẬP



1 Tính nhẩm :

a) $9 \times 6 =$ $9 \times 7 =$ $9 \times 8 =$ $9 \times 9 =$

54 : 9 = 63 : 9 = 72 : 9 = 81 : 9 =

b) 18 : 9 = 27 : 9 = 36 : 9 = 45 : 9 =

18 : 2 = 27 : 3 = 36 : 4 = 45 : 5 =

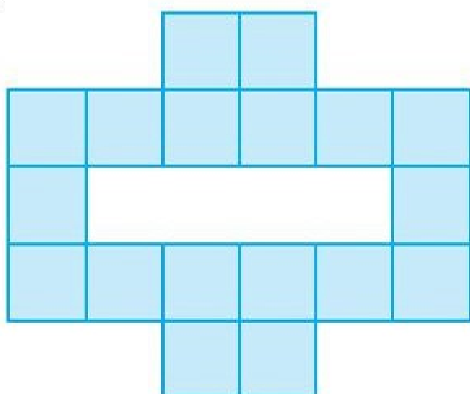
2 Số ?

Số bị chia	27	27		63		63
Số chia	9		9		9	9
Thương		3	3	7	7	

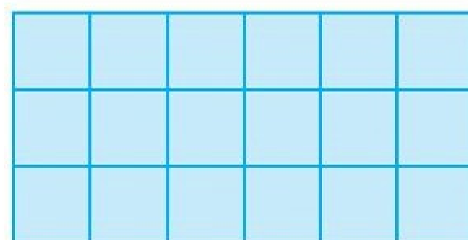
3 Một công ti dự định xây 36 ngôi nhà, đến nay đã xây được $\frac{1}{9}$ số nhà đó. Hỏi công ti còn phải xây tiếp bao nhiêu ngôi nhà nữa ?

4 Tìm $\frac{1}{9}$ số ô vuông của mỗi hình :

a)



b)





CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

a) **72 : 3 = ?**

```
72 | 3
 6 |24
 12
 12
  0
```

72 : 3 = ...

- 7 chia 3 được 2, viết 2.

  2 nhân 3 bằng 6 ; 7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 2, được 12 ; 12 chia 3 được 4, viết 4.

  4 nhân 3 bằng 12 ; 12 trừ 12 bằng 0.

b) **65 : 2 = ?**

```
65 | 2
 6 |32
 05
  4
  1
```

65 : 2 = ... (dư 1)

- 6 chia 2 được 3, viết 3.

  3 nhân 2 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 5 ; 5 chia 2 được 2, viết 2.

  2 nhân 2 bằng 4 ; 5 trừ 4 bằng 1.

1 Tính :

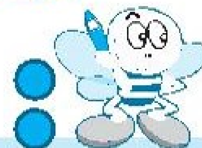
a) 84 | 3   96 | 6   90 | 5   91 | 7

b) 68 | 6   97 | 3   59 | 5   89 | 2

2 Mỗi giờ có 60 phút. Hỏi $\frac{1}{5}$ giờ có bao nhiêu phút ?

3 Có 31m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3m. Hỏi có thể may được nhiều nhất là mấy bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải ?

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(tiếp theo)



78 : 4 = ?

```
78 | 4
 4 |19
 --
 38
 36
 --
  2
```

- 7 chia 4 được 1, viết 1.

  1 nhân 4 bằng 4 ; 7 trừ 4 bằng 3.
- Hạ 8, được 38 ; 38 chia 4 được 9, viết 9.

  9 nhân 4 bằng 36 ; 38 trừ 36 bằng 2.

78 : 4 = ... (dư ...)

1 Tính :

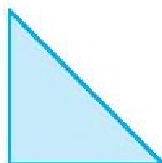
a) 77 | 2   87 | 3   86 | 6   99 | 4

b) 69 | 3   85 | 4   97 | 7   78 | 6

2 Một lớp học có 33 học sinh, phòng học của lớp đó chỉ có loại bàn 2 chỗ ngồi. Hỏi cần có ít nhất bao nhiêu bàn học như thế ?

3 Vẽ một hình tứ giác có 2 góc vuông.

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên :



Hãy xếp thành hình vuông :





CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

a) **648 : 3 = ?**

```
648 | 3
6   |216
--
04
 3
--
 18
 18
--
  0
```

- 6 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 4 ; 4 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 4 trừ 3 bằng 1.
- Hạ 8, được 18 ; 18 chia 3 được 6, viết 6.
  6 nhân 3 bằng 18 ; 18 trừ 18 bằng 0.

648 : 3 = ...

b) **236 : 5 = ?**

```
236 | 5
20  | 47
--
 36
 35
--
  1
```

- 23 chia 5 được 4, viết 4.
  4 nhân 5 bằng 20 ; 23 trừ 20 bằng 3.
- Hạ 6, được 36 ; 36 chia 5 được 7, viết 7.
  7 nhân 5 bằng 35 ; 36 trừ 35 bằng 1.

236 : 5 = ... (dư ...)

1 Tính :

a) 872 | 4   375 | 5   390 | 6   905 | 5

b) 457 | 4   578 | 3   489 | 5   230 | 6

2 Có 234 học sinh xếp hàng, mỗi hàng có 9 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu hàng ?

3 Viết (theo mẫu) :

Số đã cho	432m	888kg	600 giờ	312 ngày
Giảm 8 lần	432m : 8 = 54m			
Giảm 6 lần	432m : 6 = 72m			

CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)



a) **560 : 8 = ?**

```
560 | 8
56  |----
--- | 70
 00
  0
 ---
  0
```

- 56 chia 8 được 7, viết 7.
  7 nhân 8 bằng 56 ; 56 trừ 56 bằng 0.
- Hạ 0 ; 0 chia 8 được 0, viết 0.
  0 nhân 8 bằng 0 ; 0 trừ 0 bằng 0.

560 : 8 = ...

b) **632 : 7 = ?**

```
632 | 7
63  |----
--- | 90
 02
  0
 ---
  2
```

- 63 chia 7 được 9, viết 9.
  9 nhân 7 bằng 63 ; 63 trừ 63 bằng 0.
- Hạ 2 ; 2 chia 7 được 0, viết 0.
  0 nhân 7 bằng 0 ; 2 trừ 0 bằng 2.

632 : 7 = ... (dư ...)

1 Tính :

a) 350 | 7   420 | 6   260 | 2   480 | 4

b) 490 | 7   400 | 5   361 | 3   725 | 6

2 Một năm có 365 ngày, mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi năm đó gồm bao nhiêu tuần lễ và mấy ngày ?

3 Đ S ?

a)

```
185 | 6
18  |----
--- | 30   [ ]
 05
  0
 ---
  5
```

185 : 6 = 30 (dư 5)

b)

```
283 | 7
28  |----
--- | 4    [ ]
 03
```

283 : 7 = 4 (dư 3)



GIỚI THIỆU BẢNG NHÂN

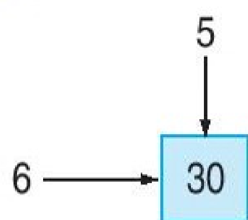
×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

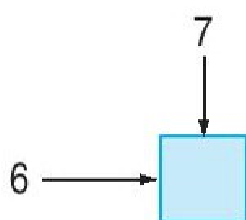
4 × 3 = ?

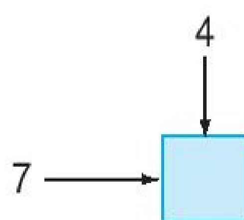
- Từ số 4 ở cột 1 theo chiều mũi tên sang phải.
- Từ số 3 ở hàng 1 theo chiều mũi tên xuống dưới.
- Hai mũi tên gặp nhau ở số 12.
- Ta có :

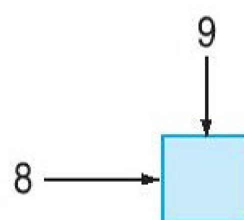
  4 × 3 = 12.

1 Dùng bảng nhân để tìm số thích hợp ở ô trống (theo mẫu) :









2 **Số** ?

Thừa số	2		2	7	7		10		
Thừa số	4	4		8		8	9	9	10
Tích		8	8		56	56		90	90

3 Trong Hội khoẻ Phù Đổng, đội tuyển của một tỉnh đã giành được 8 huy chương vàng, số huy chương bạc giành được nhiều gấp 3 lần số huy chương vàng. Hỏi đội tuyển đó đã giành được tất cả bao nhiêu huy chương ?

GIỚI THIỆU BẢNG CHIA



:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

12 : 4 = ?

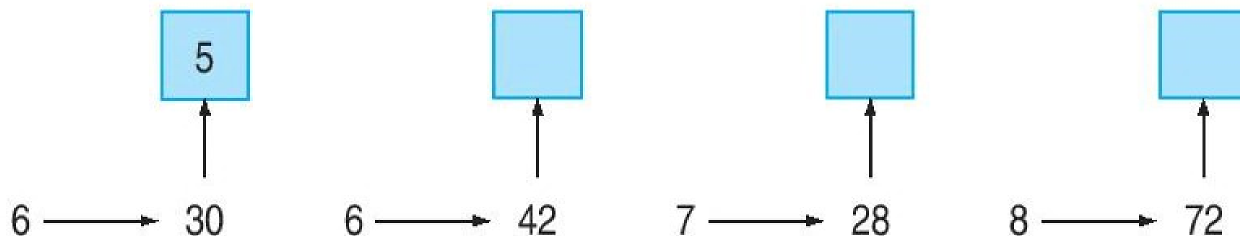
- Từ số 4 ở cột 1 theo chiều mũi tên sang phải đến số 12.
- Từ số 12 theo chiều mũi tên lên hàng 1 gặp số 3.
- Ta có :

  12 : 4 = 3

  Tương tự :

  12 : 3 = 4

1 Dùng bảng chia để tìm số thích hợp ở ô trống (theo mẫu) :

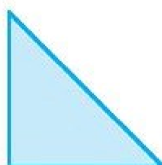


2 Số ?

Số bị chia	16	45	24		72		81	56	54
Số chia	4	5		7	9	9		7	
Thương			6	3		8	9		9

3 Minh có một quyển truyện dày 132 trang, Minh đã đọc được $\frac{1}{4}$ quyển truyện đó. Hỏi Minh còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì đọc xong quyển truyện ?

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên :



Hãy xếp thành hình chữ nhật :





LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính :

a) 213 × 3 ; b) 374 × 2 ; c) 208 × 4.

2 Đặt tính rồi tính (theo mẫu) :

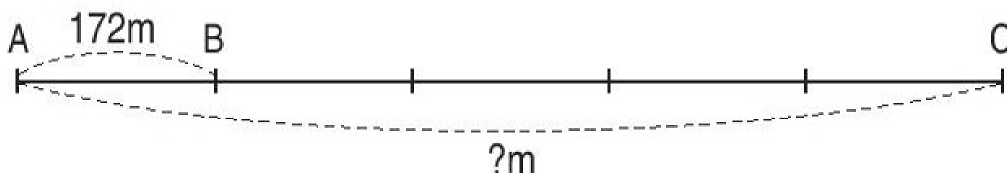
Mẫu :

```
948 | 4
14  |237
 28
  0
```

- 9 chia 4 được 2, viết 2.
  2 nhân 4 bằng 8 ; 9 trừ 8 bằng 1.
- Hạ 4, được 14 ; 14 chia 4 được 3, viết 3.
  3 nhân 4 bằng 12 ; 14 trừ 12 bằng 2.
- Hạ 8, được 28 ; 28 chia 4 được 7, viết 7.
  7 nhân 4 bằng 28 ; 28 trừ 28 bằng 0.

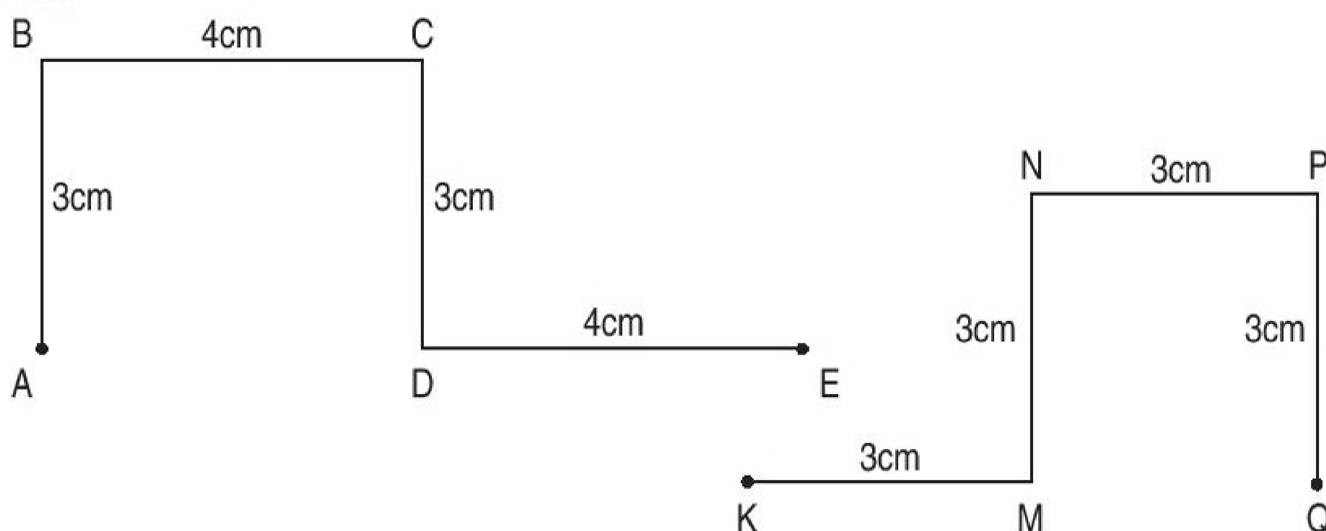
a) 396 : 3 ; b) 630 : 7 ; c) 457 : 4 ; d) 724 : 6.

3 Quãng đường AB dài 172m, quãng đường BC dài gấp 4 lần quãng đường AB. (xem hình vẽ). Hỏi quãng đường AC dài bao nhiêu mét ?



4 Theo kế hoạch, một tổ sản xuất phải dệt 450 chiếc áo len. Người ta đã làm được $\frac{1}{5}$ kế hoạch đó. Hỏi tổ đó còn phải dệt bao nhiêu chiếc áo len nữa ?

5 Tính độ dài mỗi đường gấp khúc ABCDE, KMNPQ :



LUYỆN TẬP CHUNG



1 Số ?

Thừa số	324	3	150	4
Thừa số	3		4	
Tích		972		600

2 Đặt tính rồi tính :

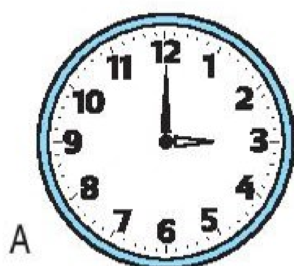
a) 684 : 6 ; b) 845 : 7 ; c) 630 : 9 ; d) 842 : 4.

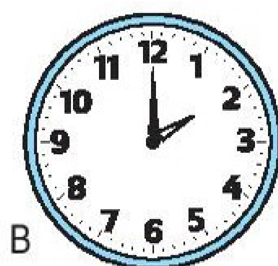
3 Một cửa hàng có 36 máy bơm, người ta đã bán $\frac{1}{9}$ số máy bơm đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu máy bơm ?

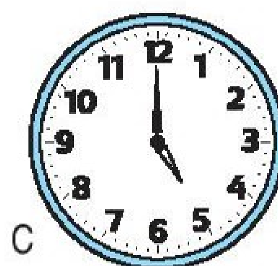
4 Số ?

Số đã cho	8	12	20	56	4
Thêm 4 đơn vị					
Gấp 4 lần					
Bớt 4 đơn vị					
Giảm 4 lần					

5 Đồng hồ nào có hai kim tạo thành : Góc vuông ? Góc không vuông ?


A


B


C



LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC

1) Ví dụ về biểu thức

126 + 51 ; 62 – 11 ; 13 × 3 ; 84 : 4 ; 125 + 10 – 4 ; 45 : 5 + 7 ; ...

là các *biểu thức*.

2) Giá trị của biểu thức

126 + 51 = 177. Giá trị của biểu thức 126 + 51 là 177.

125 + 10 – 4 = 131. Giá trị của biểu thức 125 + 10 – 4 là 131.

1 Tìm giá trị của mỗi biểu thức sau (theo mẫu) :

Mẫu :
284 + 10 = 294
Giá trị của biểu thức 284 + 10 là 294.

a) 125 + 18 ; b) 161 – 150 ; c) 21 × 4 ; d) 48 : 2.

2 Mỗi biểu thức sau có giá trị là số nào ?

a) 52 + 23 b) 84 – 32 c) 169 – 20 + 1

150 75 52 53 43 360

d) 86 : 2 e) 120 × 3 g) 45 + 5 + 3

TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC



- *Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.*

$$60 + 20 - 5 = 80 - 5 = 75.$$

- *Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.*

$$49 : 7 \times 5 = 7 \times 5 = 35.$$

1 Tính giá trị của biểu thức :

a) $205 + 60 + 3$ b) $462 - 40 + 7$

$268 - 68 + 17$ $387 - 7 - 80$

2 Tính giá trị của biểu thức :

a) $15 \times 3 \times 2$ b) $8 \times 5 : 2$

$48 : 2 : 6$ $81 : 9 \times 7$

3 

$55 : 5 \times 3 \ ... \ 32$

$47 \ ... \ 84 - 34 - 3$

$20 + 5 \ ... \ 40 : 2 + 6$

4 Mỗi gói mì cân nặng 80g, mỗi hộp sữa cân nặng 455g. Hỏi 2 gói mì và 1 hộp sữa cân nặng bao nhiêu gam ?



TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)

Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước ; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

- $60 + 35 : 5 = 60 + 7$
  $= 67.$
- $86 - 10 \times 4 = 86 - 40$
  $= 46.$

1 Tính giá trị của biểu thức :

a) $253 + 10 \times 4$
$41 \times 5 - 100$
$93 - 48 : 8$

b) $500 + 6 \times 7$
$30 \times 8 + 50$
$69 + 20 \times 4$

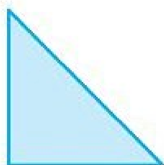
2 Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $37 - 5 \times 5 = 12$ ☐
$180 : 6 + 30 = 60$ ☐
$30 + 60 \times 2 = 150$ ☐
$282 - 100 : 2 = 91$ ☐

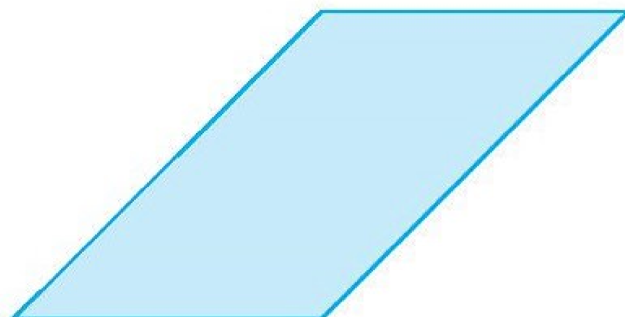
b) $13 \times 3 - 2 = 13$ ☐
$180 + 30 : 6 = 35$ ☐
$30 + 60 \times 2 = 180$ ☐
$282 - 100 : 2 = 232$ ☐

3 Mẹ hái được 60 quả táo, chị hái được 35 quả táo. Số táo của cả mẹ và chị được xếp đều vào 5 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu quả táo ?

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình dưới đây :



LUYỆN TẬP



1 Tính giá trị của biểu thức :

a) $125 - 85 + 80$ b) $68 + 32 - 10$

$21 \times 2 \times 4$ $147 : 7 \times 6$

2 Tính giá trị của biểu thức :

a) $375 - 10 \times 3$ b) $306 + 93 : 3$

$64 : 8 + 30$ $5 \times 11 - 20$

3 Tính giá trị của biểu thức :

a) $81 : 9 + 10$ b) $11 \times 8 - 60$

$20 \times 9 : 2$ $12 + 7 \times 9$

4 Mỗi số trong hình tròn là giá trị của biểu thức nào ?

Biểu thức	Số trong hình tròn
$80 : 2 \times 3$	90
$70 + 60 : 3$	39
$50 + 20 \times 4$	130
$11 \times 3 + 6$	120
$81 - 20 + 7$	68



TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)

Các biểu thức $(30 + 5) : 5$; $3 \times (20 - 10)$ ... là biểu thức có dấu ngoặc ( ).

Khi tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc ( ) thì trước tiên ta thực hiện các phép tính trong ngoặc.

- $(30 + 5) : 5 = 35 : 5$
  $= 7.$
- $3 \times (20 - 10) = 3 \times 10$
  $= 30.$

1 Tính giá trị của biểu thức :

a) 25 – (20 – 10)

80 – (30 + 25)

b) 125 + (13 + 7)

416 – (25 – 11)

2 Tính giá trị của biểu thức :

a) (65 + 15) × 2

48 : (6 : 3)

b) (74 – 14) : 2

81 : (3 × 3)

3 Có 240 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 4 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách, biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau ?



LUYỆN TẬP

1 Tính giá trị của biểu thức :

a) 238 – (55 – 35)

175 – (30 + 20)

b) 84 : (4 : 2)

(72 + 18) × 3

2 Tính giá trị của biểu thức :

a) (421 – 200) × 2

421 – 200 × 2

b) 90 + 9 : 9

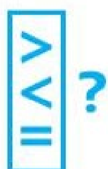
(90 + 9) : 9

c) 48 × 4 : 2

48 × (4 : 2)

d) 67 – (27 + 10)

67 – 27 + 10

3 

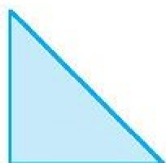
(12 + 11) × 3 ... 45

11 + (52 – 22) ... 41

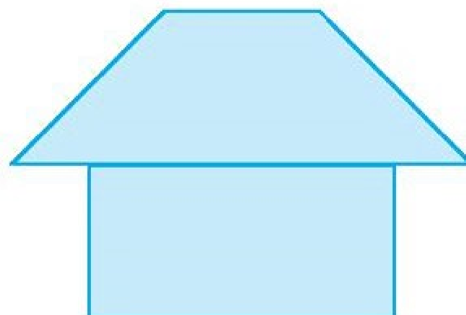
30 ... (70 + 23) : 3

120 ... 484 : (2 + 2)

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên :



Hãy xếp thành hình cái nhà :



LUYỆN TẬP CHUNG



1 Tính giá trị của biểu thức :

a) $324 - 20 + 61$

$188 + 12 - 50$

b) $21 \times 3 : 9$

$40 : 2 \times 6$

2 Tính giá trị của biểu thức :

a) $15 + 7 \times 8$

$201 + 39 : 3$

b) $90 + 28 : 2$

$564 - 10 \times 4$

3 Tính giá trị của biểu thức :

a) $123 \times (42 - 40)$

$(100 + 11) \times 9$

b) $72 : (2 \times 4)$

$64 : (8 : 4)$

4 Mỗi số trong ô vuông là giá trị của biểu thức nào ?

$86 - (81 - 31)$ | $90 + 70 \times 2$ | $142 - 42 : 2$

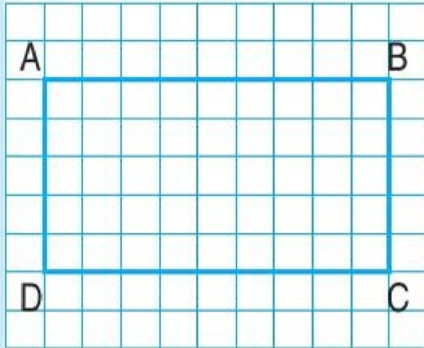
230 | 36 | 280 | 50 | 121

$56 \times (17 - 12)$ | $(142 - 42) : 2$

5 Người ta xếp 800 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp 4 cái. Sau đó xếp các hộp vào thùng, mỗi thùng 5 hộp. Hỏi có bao nhiêu thùng bánh ?



HÌNH CHỮ NHẬT



- Hình chữ nhật ABCD có :

- 4 góc đỉnh A, B, C, D đều là các góc vuông.
- 4 cạnh gồm : 2 cạnh dài là AB và CD, 2 cạnh ngắn là AD và BC.

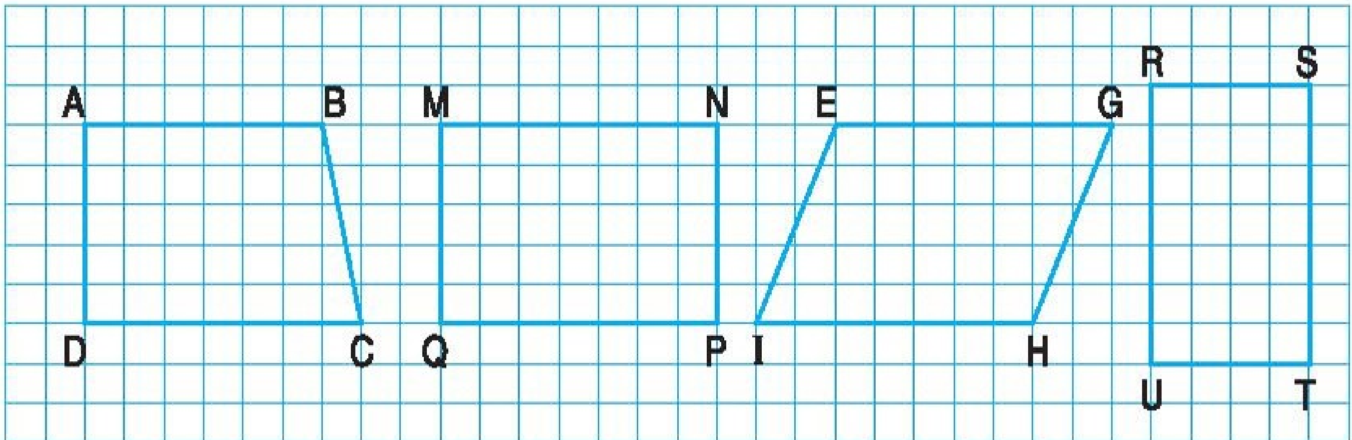
Hai cạnh dài có độ dài bằng nhau, viết là : AB = CD.

Hai cạnh ngắn có độ dài bằng nhau, viết là : AD = BC.

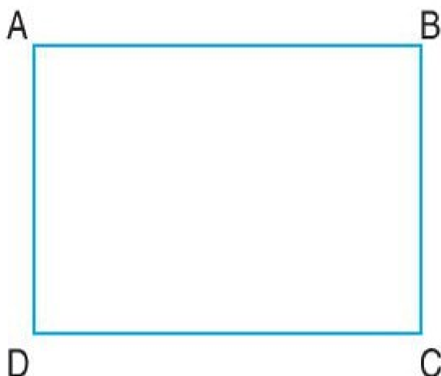
- ***Hình chữ nhật có 4 góc vuông, có 2 cạnh dài bằng nhau và 2 cạnh ngắn bằng nhau.***

- Độ dài cạnh dài gọi là *chiều dài*, độ dài cạnh ngắn gọi là *chiều rộng*.

1 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình chữ nhật ?

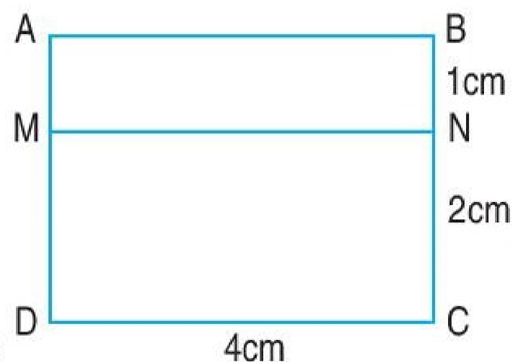


2 Đo rồi cho biết độ dài các cạnh của mỗi hình chữ nhật sau :

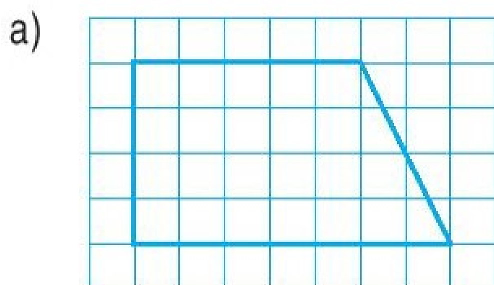


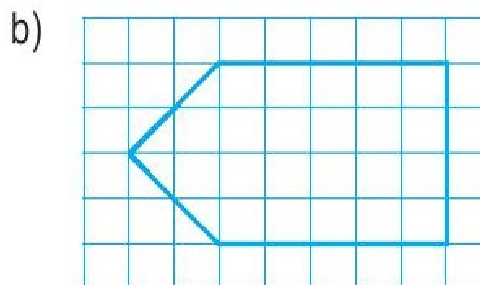


3 Tìm chiều dài, chiều rộng của mỗi hình chữ nhật có trong hình vẽ bên (DC = 4cm, BN = 1cm, NC = 2cm).



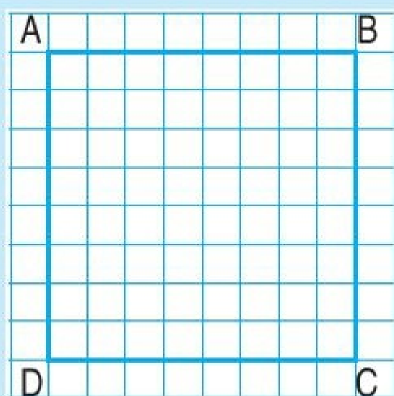
4 Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình chữ nhật :

a) 

b) 

HÌNH VUÔNG





- Hình vuông ABCD có :

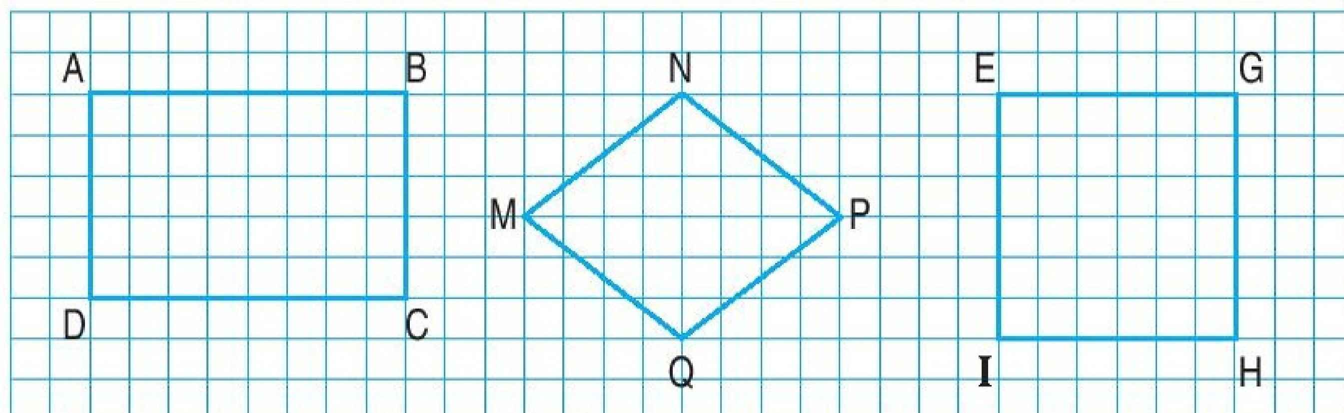
- 4 góc đỉnh A, B, C, D đều là các góc vuông.

- 4 cạnh có độ dài bằng nhau :

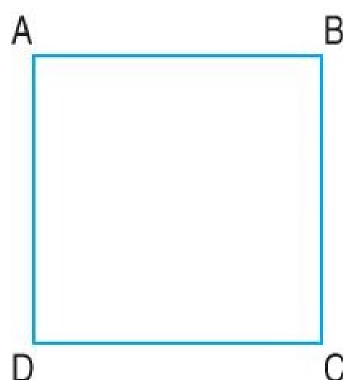
AB = BC = CD = DA.

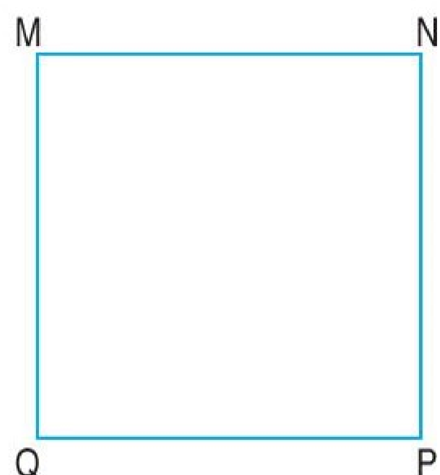
- ***Hình vuông có 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau.***

1 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình vuông ?



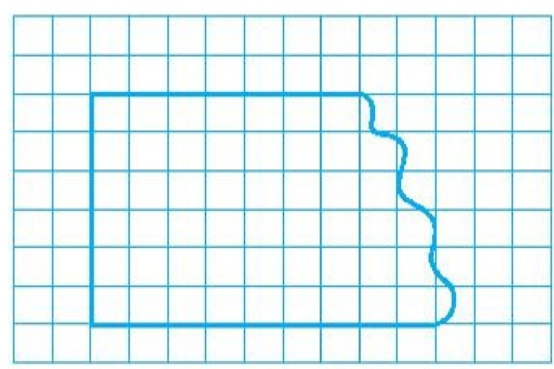
2 Đo rồi cho biết độ dài cạnh của mỗi hình vuông sau :



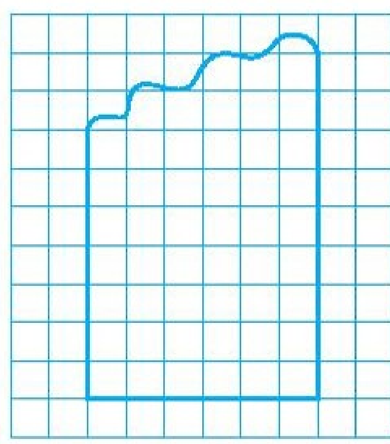


3 Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình vuông :

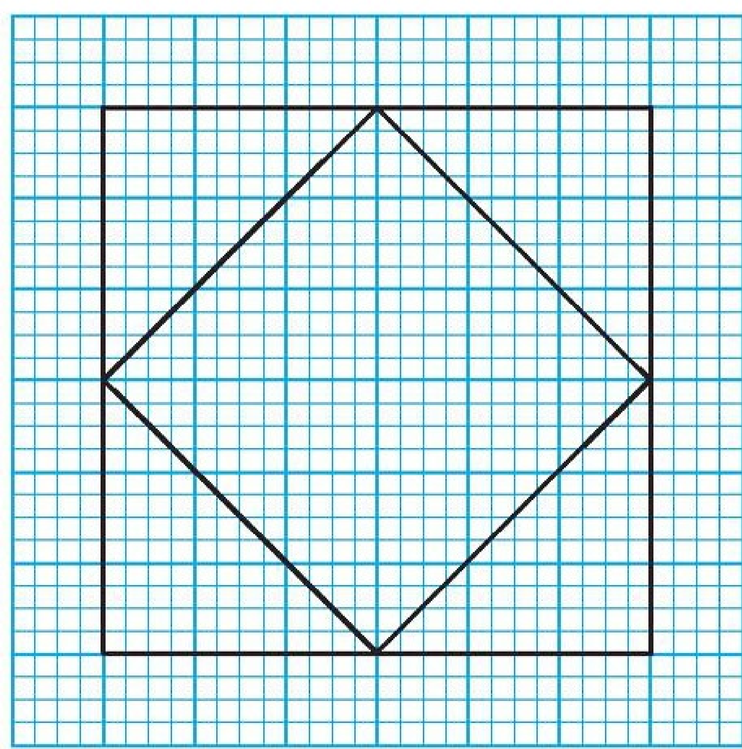
a)



b)

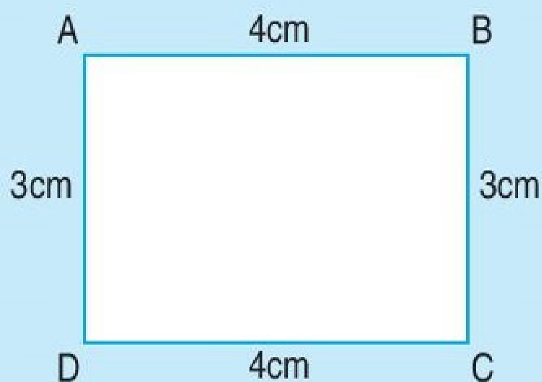


4 Vẽ theo mẫu :



CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT





- Chu vi hình chữ nhật ABCD là :

$4 + 3 + 4 + 3 = 14$ (cm)

hoặc $(4 + 3) \times 2 = 14$ (cm).

- ***Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng** (cùng đơn vị đo) **rồi nhân với 2.***

1 Tính chu vi hình chữ nhật có :

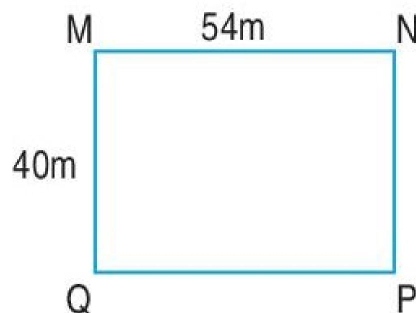
a) Chiều dài 10cm, chiều rộng 5cm ;

b) Chiều dài 2dm, chiều rộng 13cm.

2 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng 20m. Tính chu vi mảnh đất đó.

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

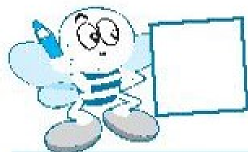




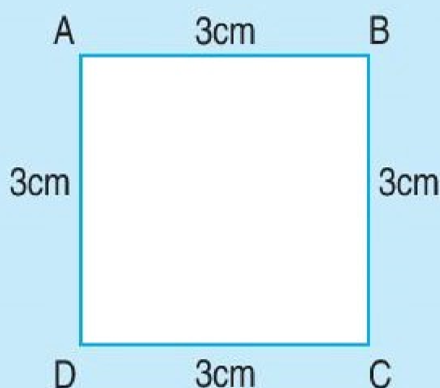
A. Chu vi hình chữ nhật ABCD *lớn hơn* chu vi hình chữ nhật MNPQ.

B. Chu vi hình chữ nhật ABCD *bé hơn* chu vi hình chữ nhật MNPQ.

C. Chu vi hình chữ nhật ABCD *bằng* chu vi hình chữ nhật MNPQ.



CHU VI HÌNH VUÔNG



- Chu vi hình vuông ABCD là :

  3 + 3 + 3 + 3 = 12 (cm)

  hoặc 3 × 4 = 12 (cm).

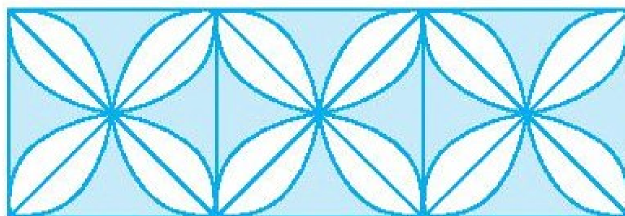
- ***Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.***

1 Viết vào ô trống (theo mẫu) :

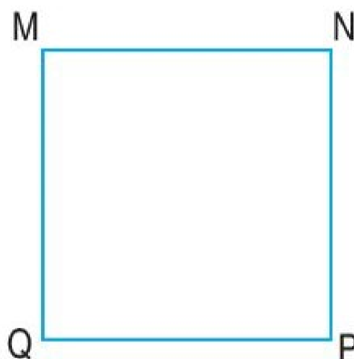
Cạnh hình vuông	8cm	12cm	31cm	15cm
Chu vi hình vuông	8 × 4 = 32 (cm)			

2 Người ta uốn một đoạn dây thép vừa đủ thành một hình vuông cạnh 10cm. Tính độ dài đoạn dây đó.

3 Mỗi viên gạch hình vuông có cạnh 20cm. Tính chu vi hình chữ nhật ghép bởi 3 viên gạch như thế (xem hình vẽ).



4 Đo độ dài cạnh rồi tính chu vi hình vuông MNPQ :





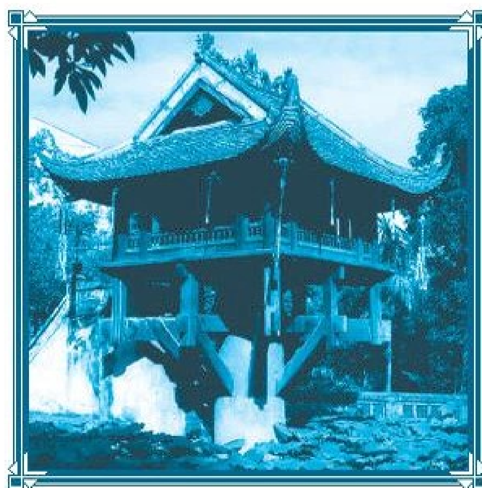
LUYỆN TẬP

1 Tính chu vi hình chữ nhật có :

a) Chiều dài 30m và chiều rộng 20m ;

b) Chiều dài 15cm và chiều rộng 8cm.

2 Khung của một bức tranh là hình vuông có cạnh 50cm. Hỏi chu vi của khung bức tranh đó bằng bao nhiêu mét ?

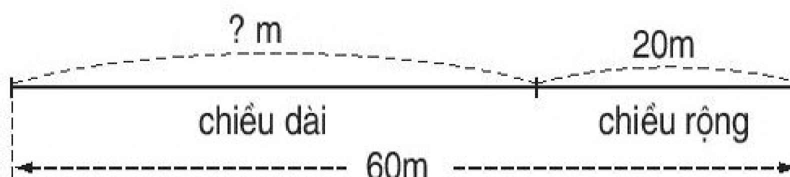


3 Tính cạnh hình vuông, biết chu vi hình vuông là 24cm.

4 Tính chiều dài hình chữ nhật, biết nửa chu vi hình chữ nhật là 60m và chiều rộng là 20m.

Tóm tắt

Nửa chu vi :





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

$9 \times 5 =$	$63 : 7 =$	$8 \times 8 =$	$5 \times 7 =$	$8 \times 7 =$
$3 \times 8 =$	$40 : 5 =$	$5 \times 5 =$	$7 \times 5 =$	$7 \times 8 =$
$6 \times 4 =$	$45 : 9 =$	$7 \times 7 =$	$35 : 5 =$	$56 : 8 =$
$2 \times 8 =$	$81 : 9 =$	$9 \times 9 =$	$35 : 7 =$	$56 : 7 =$

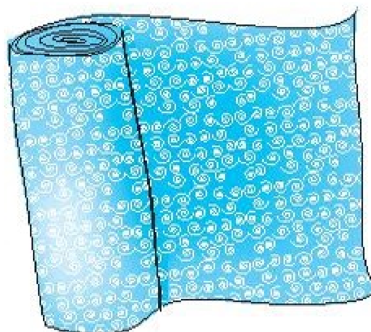
2 Tính :

a) $\begin{array}{r} 47 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 281 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 108 \\ \times \quad 8 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 75 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 419 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$

b) $872 \;|\; 2$ $\quad$ $261 \;|\; 3$ $\quad$ $945 \;|\; 5$ $\quad$ $842 \;|\; 7$

3 Tính chu vi của một vườn cây ăn quả hình chữ nhật có chiều dài là 100m, chiều rộng là 60m.

4 Một cuộn vải dài 81m, đã bán được $\frac{1}{3}$ cuộn vải.
Hỏi cuộn vải còn lại bao nhiêu mét ?



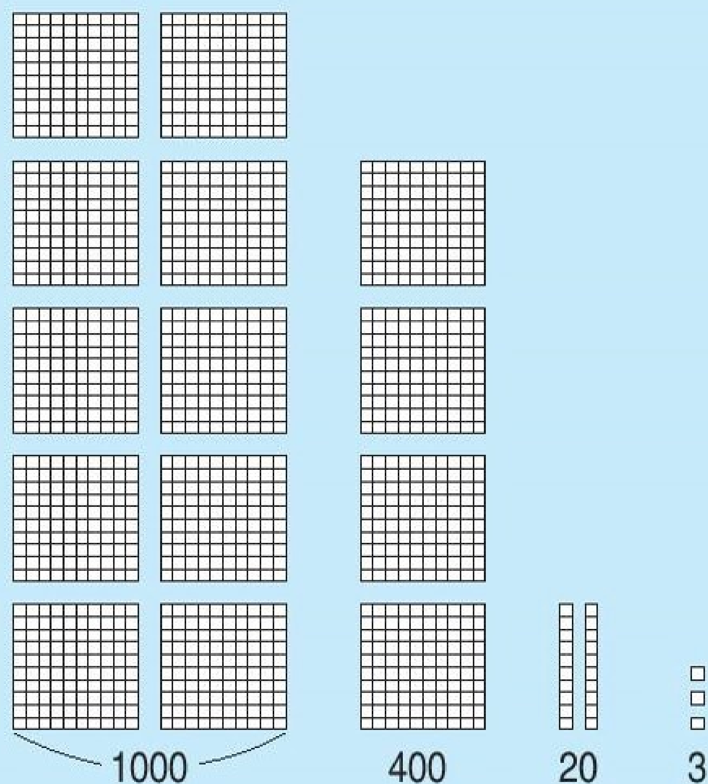
5 Tính giá trị của biểu thức :

a) $25 \times 2 + 30$; $\quad$ b) $75 + 15 \times 2$; $\quad$ c) $70 + 30 : 3$.

3. CÁC SỐ ĐẾN 10 000

CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ





HÀNG			
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
1000	100 100 100 100	10 10	1 1 1
1	4	2	3

Số gồm **1 nghìn, 4 trăm, 2 chục, 3 đơn vị.**

Viết là : 1423. Đọc là : *Một nghìn bốn trăm hai mươi ba.*

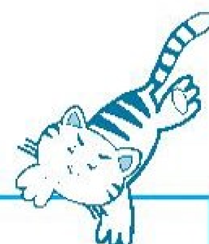
1 Viết (theo mẫu) :

a) Mẫu :

HÀNG			
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
1000 1000 1000 1000	100 100	10 10 10	1
4	2	3	1

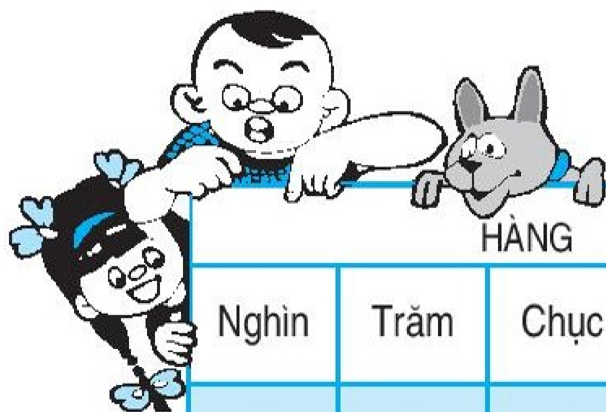
Viết số : 4231. Đọc số : Bốn nghìn hai trăm ba mươi mốt.

b)



HÀNG			
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
1000 1000 1000	100 100 100 100	10 10 10 10	1 1

2 Viết (theo mẫu) :



HÀNG				VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
8	5	6	3	8563	tám nghìn năm trăm sáu mươi ba
5	9	4	7		
9	1	7	4		
2	8	3	5		

3 Số ?

a) 1984 → 1985 → ☐ → ☐ → 1988 → ☐

b) 2681 → 2682 → ☐ → ☐ → ☐ → 2686

c) 9512 → ☐ → 9514 → ☐ → ☐ → 9517



LUYỆN TẬP

1 Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số
Tám nghìn năm trăm hai mươi bảy	8527
Chín nghìn bốn trăm sáu mươi hai	
Một nghìn chín trăm năm mươi tư	
Bốn nghìn bảy trăm sáu mươi lăm	
Một nghìn chín trăm mười một	
Năm nghìn tám trăm hai mươi mốt	

2 Viết (theo mẫu) :

Viết số	Đọc số
1942	một nghìn chín trăm bốn mươi hai
6358	
4444	
8781	
	chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu
7155	



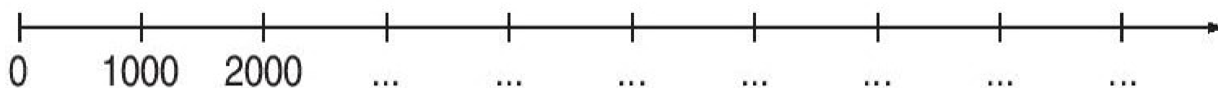
3 **Số** ?

a) 8650 ; 8651 ; 8652 ; ... ; 8654 ; ... ; ... .

b) 3120 ; 3121 ; ... ; ... ; ... ; ... ; ... .

c) 6494 ; 6495 ; ... ; ... ; ... ; ... ; ... .

4 Vẽ tia số rồi viết tiếp số tròn nghìn thích hợp vào dưới mỗi vạch của tia số :



CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ (tiếp theo)



HÀNG				VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
2	0	0	0	2000	hai nghìn
2	7	0	0		
2	7	5	0		
2	0	2	0		
2	4	0	2		
2	0	0	5		

1 Đọc các số : 7800 ; 3690 ; 6504 ; 4081 ; 5005 (theo mẫu).

Mẫu : 7800 đọc là bảy nghìn tám trăm

2 Số ?

a) 5616 → 5617 → ☐ → ☐ → ☐ → ☐

b) 8009 → 8010 → 8011 → ☐ → ☐ → ☐

c) 6000 → 6001 → 6002 → ☐ → ☐ → ☐

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 3000 ; 4000 ; 5000 ; ... ; ... ; ... .

b) 9000 ; 9100 ; 9200 ; ... ; ... ; ... .

c) 4420 ; 4430 ; 4440 ; ... ; ... ; ... .



CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ (tiếp theo)

Viết số thành tổng :

5247 = 5000 + 200 + 40 + 7

9683 = ... + ... + ... + ...

3095 = 3000 + 0 + 90 + 5 = 3000 + 90 + 5

7070 = ... + ... + ... + ... = ...

8102 = ... + ... + ... + ... = ...

6790 = ... + ... + ... + ... = ...

4400 = ... + ... + ... + ... = ...

2005 = ... + ... + ... + ... = ...



1 Viết các số (theo mẫu) :

a) 9731 ; 1952 ; 6845 ; 5757 ; 9999.

Mẫu : 9731 = 9000 + 700 + 30 + 1

b) 6006 ; 2002 ; 4700 ; 8010 ; 7508.

Mẫu : 6006 = 6000 + 6

2 Viết các tổng (theo mẫu) :

a) 4000 + 500 + 60 + 7
3000 + 600 + 10 + 2
7000 + 900 + 90 + 9
8000 + 100 + 50 + 9
5000 + 500 + 50 + 5

Mẫu : 4000 + 500 + 60 + 7 = 4567

b) 9000 + 10 + 5
4000 + 400 + 4
6000 + 10 + 2
2000 + 20
5000 + 9

Mẫu : 9000 + 10 + 5 = 9015

3 Viết số, biết số đó gồm :

a) Tám nghìn, năm trăm, năm chục, năm đơn vị ;
b) Tám nghìn, năm trăm, năm chục ;
c) Tám nghìn, năm trăm.

4 Viết các số có bốn chữ số, các chữ số của mỗi số đều giống nhau.

SỐ 10 000 – LUYỆN TẬP



1000		1000		1000	1000
1000		1000	1000	1000	1000
1000	1000	1000	1000	1000	1000
1000	1000	1000	1000	1000	1000
1000	1000	1000	1000	1000	1000
8000		...		10 000	

10 000 đọc là mười nghìn hoặc một vạn

1 Viết các số tròn nghìn từ 1000 đến 10 000.

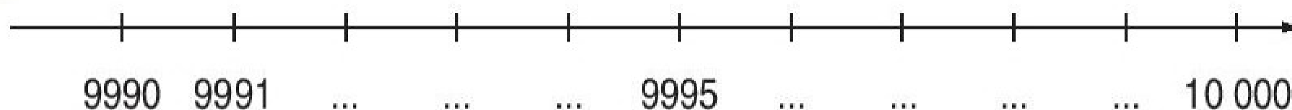
2 Viết các số tròn trăm từ 9300 đến 9900.

3 Viết các số tròn chục từ 9940 đến 9990.

4 Viết các số từ 9995 đến 10 000.

5 Viết số liền trước, số liền sau của mỗi số : 2665 ; 2002 ; 1999 ; 9999 ; 6890.

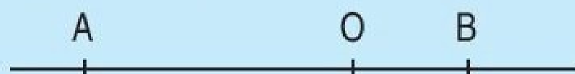
6 Viết tiếp số thích hợp vào dưới mỗi vạch :





ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

1) Điểm ở giữa



- A, O, B là ba điểm thẳng hàng.
  O là *điểm ở giữa* hai điểm A và B.

2) Trung điểm của đoạn thẳng



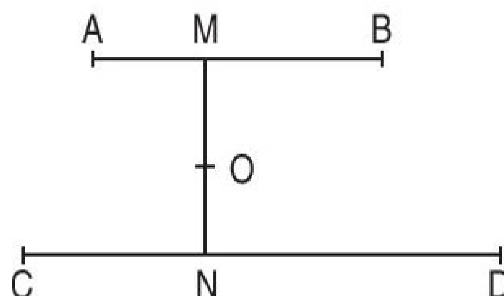
- M là điểm ở giữa hai điểm A và B.
  Độ dài đoạn thẳng AM bằng độ dài đoạn thẳng MB.
  Viết là : AM = MB.

M được gọi là *trung điểm* của đoạn thẳng AB.

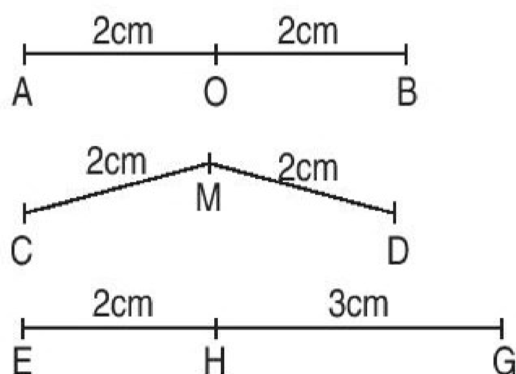
1 Trong hình bên :

a) Ba điểm thẳng hàng là ba điểm nào ?

b) M là điểm ở giữa hai điểm nào ?
N là điểm ở giữa hai điểm nào ?
O là điểm ở giữa hai điểm nào ?



2 Câu nào đúng, câu nào sai ?



a) O là trung điểm của đoạn thẳng AB.

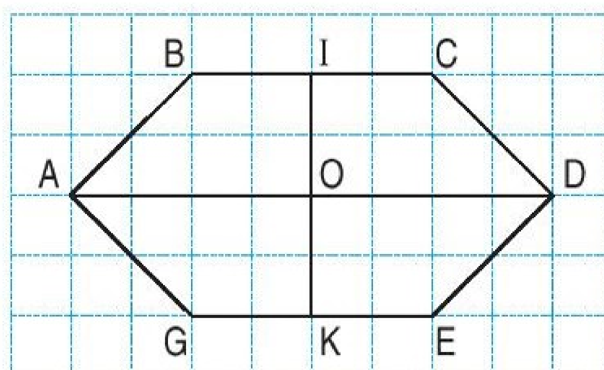
b) M là trung điểm của đoạn thẳng CD.

c) H là trung điểm của đoạn thẳng EG.

d) M là điểm ở giữa hai điểm C và D.

e) H là điểm ở giữa hai điểm E và G.

3 Nêu tên trung điểm của các đoạn thẳng BC, GE, AD, IK.





LUYỆN TẬP

1 Xác định trung điểm của đoạn thẳng (theo mẫu) :

a) Mẫu : Xác định trung điểm của đoạn thẳng AB.



- Đo độ dài đoạn thẳng AB : AB = 4cm.
- Chia đôi độ dài của đoạn thẳng AB : 4 : 2 = 2 (cm).
- Đặt thước sao cho vạch 0cm trùng với điểm A. Đánh dấu điểm M trên AB ứng với vạch 2cm của thước.
- M là trung điểm của đoạn thẳng AB.

Nhận xét : Độ dài đoạn thẳng AM bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đoạn thẳng AB. Viết là :

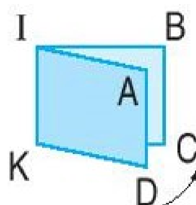
$$AM = \frac{1}{2} AB.$$

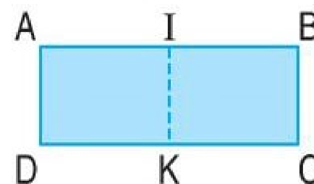
b) Xác định trung điểm của đoạn thẳng CD.



2 Thực hành. Gấp tờ giấy hình chữ nhật ABCD (theo hình vẽ) rồi đánh dấu trung điểm I của đoạn thẳng AB và trung điểm K của đoạn thẳng DC.







(Gấp tờ giấy để đoạn thẳng AD trùng với đoạn thẳng BC)



SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

1) *Trong hai số :*

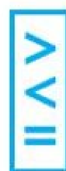
- *Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn. Ví dụ :* 999 < 1000.
- *Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn. Ví dụ :* 10 000 > 9999.

2) *Nếu hai số có cùng số chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải.*

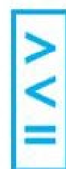
Ví dụ 1 : 9000 > 8999 vì ở hàng nghìn có 9 > 8.

Ví dụ 2 : 6579 < 6580 vì các chữ số hàng nghìn đều là 6, các chữ số hàng trăm đều là 5, nhưng ở hàng chục có 7 < 8.

3) *Nếu hai số có cùng số chữ số và từng cặp chữ số ở cùng một hàng đều giống nhau thì hai số đó bằng nhau.*

1  ?

a) 1942 ... 998	b) 9650 ... 9651
1999 ... 2000	9156 ... 6951
6742 ... 6722	1965 ... 1956
900 + 9 ... 9009	6591 ... 6591

2  ?

a) 1km ... 985m	b) 60 phút ... 1 giờ
600cm ... 6m	50 phút ... 1 giờ
797mm ... 1m	70 phút ... 1 giờ

3 a) Tìm số lớn nhất trong các số :

4375 ; 4735 ; 4537 ; 4753.

b) Tìm số bé nhất trong các số :

6091 ; 6190 ; 6901 ; 6019.



LUYỆN TẬP

1 

a) 7766 ... 7676
8453 ... 8435
9102 ... 9120
5005 ... 4905

b) 1000g ... 1kg
950g ... 1kg
1km ... 1200m
100 phút ... 1 giờ 30 phút

2 Viết các số 4208 ; 4802 ; 4280 ; 4082 :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn ;

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

3 Viết :

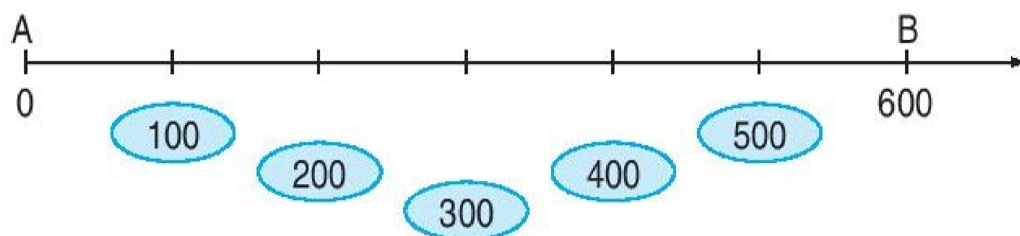
a) Số bé nhất có ba chữ số ;

b) Số bé nhất có bốn chữ số ;

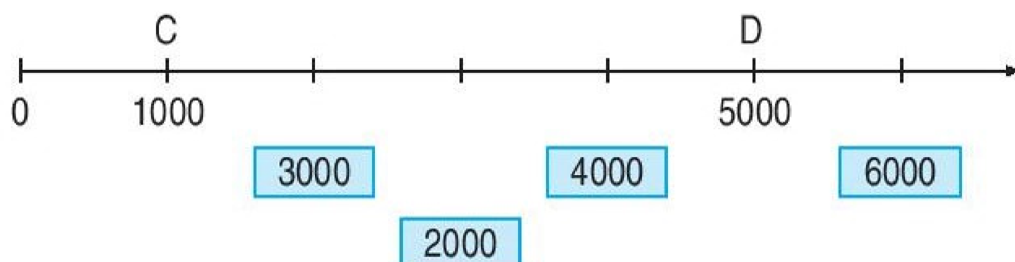
c) Số lớn nhất có ba chữ số ;

d) Số lớn nhất có bốn chữ số.

4 a) Trung điểm của đoạn thẳng AB ứng với số nào ?



b) Trung điểm của đoạn thẳng CD ứng với số nào ?





PHÉP CỘNG CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

3526 + 2759 = ?

$$\begin{array}{r} 3526 \\ +\ 2759 \\ \hline 6285 \end{array}$$

3526 + 2759 = ...

- 6 cộng 9 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 2 cộng 5 bằng 7, thêm 1 bằng 8, viết 8.
- 5 cộng 7 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 5341 \\ +\ 1488 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7915 \\ +\ 1346 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 4507 \\ +\ 2568 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 8425 \\ +\ 618 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 2634 + 4848

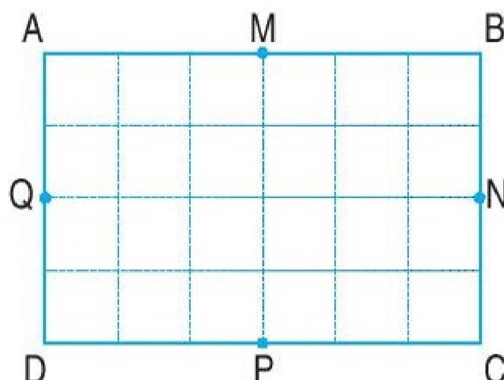
1825 + 455

b) 5716 + 1749

707 + 5857

3 Đội Một trồng được 3680 cây, đội Hai trồng được 4220 cây. Hỏi cả hai đội trồng được bao nhiêu cây ?

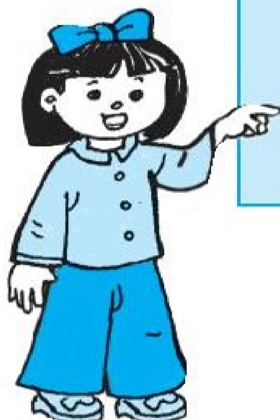
4 Nêu tên trung điểm mỗi cạnh của hình chữ nhật ABCD.





LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :



4000 + 3000 = ?

Nhẩm : 4 nghìn + 3 nghìn = 7 nghìn

Vậy : 4000 + 3000 = 7000

5000 + 1000 =

6000 + 2000 =

4000 + 5000 =

8000 + 2000 =

2 Tính nhẩm (theo mẫu) :

Mẫu : 6000 + 500 = 6500

2000 + 400 =

9000 + 900 =

300 + 4000 =

600 + 5000 =

7000 + 800 =

3 Đặt tính rồi tính :

a) 2541 + 4238

5348 + 936

b) 4827 + 2634

805 + 6475

4 Một cửa hàng buổi sáng bán được 432*l* dầu, buổi chiều bán được gấp đôi buổi sáng. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu ?



PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

8652 – 3917 = ?

```
  8652
– 3917
  ----
  4735
```

- 2 không trừ được 7, lấy 12 trừ 7 bằng 5, viết 5 nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2 ; 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.
- 6 không trừ được 9, lấy 16 trừ 9 bằng 7, viết 7 nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4 ; 8 trừ 4 bằng 4, viết 4.

8652 – 3917 = ...

1 Tính :

```
  6385      7563      8090      3561
– 2927    – 4908    – 7131    –  924
  ----      ----      ----      ----
```

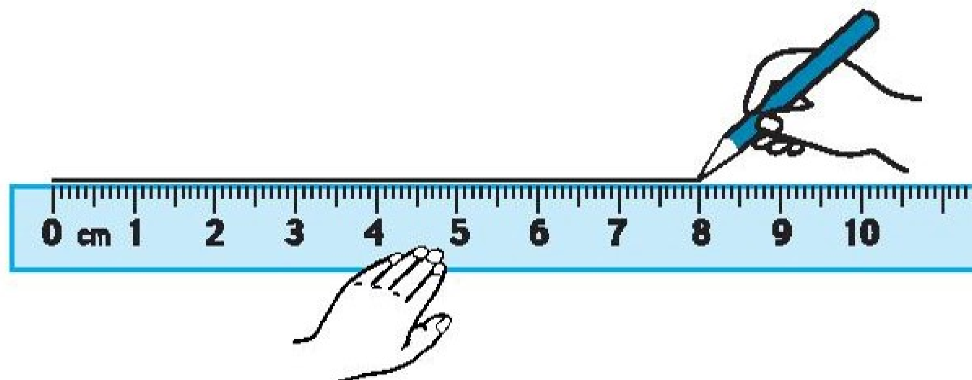
2 Đặt tính rồi tính :

a) 5482 – 1956
8695 – 2772

b) 9996 – 6669
2340 – 512

3 Một cửa hàng có 4283m vải, đã bán được 1635m vải. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải ?

4 Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 8cm rồi xác định trung điểm O của đoạn thẳng đó.



LUYỆN TẬP



1 Tính nhẩm :

8000 – 5000 = ?
Nhẩm : 8 nghìn – 5 nghìn = 3 nghìn
Vậy : 8000 – 5000 = 3000

7000 – 2000 =

6000 – 4000 =

9000 – 1000 =

10000 – 8000 =

2 Tính nhẩm (theo mẫu) :

Mẫu : 5700 – 200 = 5500

8400 – 3000 = 5400

3600 – 600 =

7800 – 500 =

9500 – 100 =

6200 – 4000 =

4100 – 1000 =

5800 – 5000 =

3 Đặt tính rồi tính :

a) 7284 – 3528

9061 – 4503

b) 6473 – 5645

4492 – 833

4 Một kho có 4720kg muối, lần đầu chuyển đi 2000kg muối, lần sau chuyển đi 1700kg muối. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam muối ? (Giải bằng hai cách).



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

a) 5200 + 400 = 6300 + 500 = 8600 + 200 =

5600 – 400 = 6800 – 500 = 8800 – 200 =

b) 4000 + 3000 = 6000 + 4000 = 9000 + 1000 =

7000 – 4000 = 10000 – 6000 = 10000 – 9000 =

7000 – 3000 = 10000 – 4000 = 10000 – 1000 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 6924 + 1536 b) 8493 – 3667

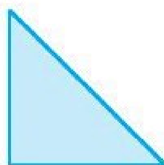
5718 + 636 4380 – 729

3 Một đội trồng cây đã trồng được 948 cây, sau đó trồng thêm được bằng $\frac{1}{3}$ số cây đã trồng. Hỏi đội đó đã trồng được tất cả bao nhiêu cây ?

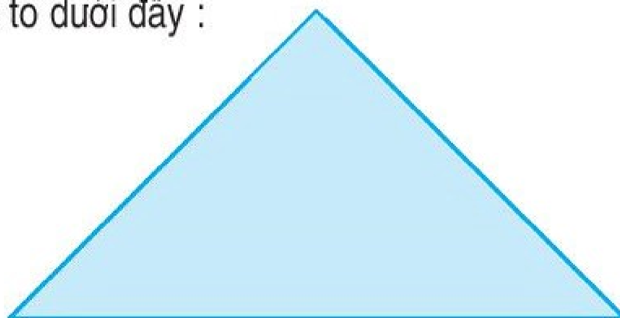
4 Tìm x :

a) x + 1909 = 2050 ; b) x – 586 = 3705 ; c) 8462 – x = 762.

5 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên :



Hãy xếp thành hình tam giác to dưới đây :





LỊCH NĂM 2005

Tháng 1

Thứ hai		3	10	17	24	31
Thứ ba		4	11	18	25	
Thứ tư		5	12	19	26	
Thứ năm		6	13	20	27	
Thứ sáu		7	14	21	28	
Thứ bảy	1	8	15	22	29	
Chủ nhật	2	9	16	23	30	

Tháng 2

Thứ hai		7	14	21	28
Thứ ba	1	8	15	22	
Thứ tư	2	9	16	23	
Thứ năm	3	10	17	24	
Thứ sáu	4	11	18	25	
Thứ bảy	5	12	19	26	
Chủ nhật	6	13	20	27	

Tháng 3

Thứ hai		7	14	21	28
Thứ ba	1	8	15	22	29
Thứ tư	2	9	16	23	30
Thứ năm	3	10	17	24	31
Thứ sáu	4	11	18	25	
Thứ bảy	5	12	19	26	
Chủ nhật	6	13	20	27	

Tháng 4

Thứ hai		4	11	18	25
Thứ ba		5	12	19	26
Thứ tư		6	13	20	27
Thứ năm		7	14	21	28
Thứ sáu	1	8	15	22	29
Thứ bảy	2	9	16	23	30
Chủ nhật	3	10	17	24	

Tháng 5

Thứ hai		2	9	16	23	30
Thứ ba		3	10	17	24	31
Thứ tư		4	11	18	25	
Thứ năm		5	12	19	26	
Thứ sáu		6	13	20	27	
Thứ bảy		7	14	21	28	
Chủ nhật	1	8	15	22	29	

Tháng 6

Thứ hai		6	13	20	27
Thứ ba		7	14	21	28
Thứ tư	1	8	15	22	29
Thứ năm	2	9	16	23	30
Thứ sáu	3	10	17	24	
Thứ bảy	4	11	18	25	
Chủ nhật	5	12	19	26	

Tháng 7

Thứ hai		4	11	18	25	
Thứ ba		5	12	19	26	
Thứ tư		6	13	20	27	
Thứ năm		7	14	21	28	
Thứ sáu	1	8	15	22	29	
Thứ bảy	2	9	16	23	30	
Chủ nhật	3	10	17	24	31	

Tháng 8

Thứ hai	1	8	15	22	29
Thứ ba	2	9	16	23	30
Thứ tư	3	10	17	24	31
Thứ năm	4	11	18	25	
Thứ sáu	5	12	19	26	
Thứ bảy	6	13	20	27	
Chủ nhật	7	14	21	28	

Tháng 9

Thứ hai		5	12	19	26
Thứ ba		6	13	20	27
Thứ tư		7	14	21	28
Thứ năm	1	8	15	22	29
Thứ sáu	2	9	16	23	30
Thứ bảy	3	10	17	24	
Chủ nhật	4	11	18	25	

Tháng 10

Thứ hai		3	10	17	24	31
Thứ ba		4	11	18	25	
Thứ tư		5	12	19	26	
Thứ năm		6	13	20	27	
Thứ sáu		7	14	21	28	
Thứ bảy	1	8	15	22	29	
Chủ nhật	2	9	16	23	30	

Tháng 11

Thứ hai		7	14	21	28
Thứ ba	1	8	15	22	29
Thứ tư	2	9	16	23	30
Thứ năm	3	10	17	24	
Thứ sáu	4	11	18	25	
Thứ bảy	5	12	19	26	
Chủ nhật	6	13	20	27	

Tháng 12

Thứ hai		5	12	19	26
Thứ ba		6	13	20	27
Thứ tư		7	14	21	28
Thứ năm	1	8	15	22	29
Thứ sáu	2	9	16	23	30
Thứ bảy	3	10	17	24	31
Chủ nhật	4	11	18	25	

- Một năm có 12 tháng là : Tháng Một, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một, tháng Mười hai.

- Số ngày trong từng tháng là :

THÁNG 1 31 ngày	THÁNG 2 28 hoặc 29 ngày	THÁNG 3 31 ngày	THÁNG 4 30 ngày	THÁNG 5 31 ngày	THÁNG 6 30 ngày
THÁNG 7 31 ngày	THÁNG 8 31 ngày	THÁNG 9 30 ngày	THÁNG 10 31 ngày	THÁNG 11 30 ngày	THÁNG 12 31 ngày

1 Trả lời các câu hỏi sau :

Tháng này là tháng mấy ? Tháng sau là tháng mấy ?
Tháng 1 có bao nhiêu ngày ?
Tháng 3 có bao nhiêu ngày ?
Tháng 6 có bao nhiêu ngày ?
Tháng 7 có bao nhiêu ngày ?
Tháng 10 có bao nhiêu ngày ?
Tháng 11 có bao nhiêu ngày ?

2 Đây là tờ lịch tháng 8 năm 2005 :

8	Thứ hai	1	8	15	22	29
	Thứ ba	2	9	16	23	30
	Thứ tư	3	10	17	24	31
	Thứ năm	4	11	18	25	
	Thứ sáu	5	12	19	26	
	Thứ bảy	6	13	20	27	
	CHỦ NHẬT	7	14	21	28	



Xem tờ lịch trên rồi trả lời các câu hỏi sau :
Ngày 19 tháng 8 là thứ mấy ?
Ngày cuối cùng của tháng 8 là thứ mấy ?
Tháng 8 có mấy ngày chủ nhật ?
Chủ nhật cuối cùng của tháng 8 là ngày nào ?



LUYỆN TẬP

1 Đây là tờ lịch tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2004 :

Tháng 1

Thứ hai		5	12	19	26
Thứ ba		6	13	20	27
Thứ tư		7	14	21	28
Thứ năm	1	8	15	22	29
Thứ sáu	2	9	16	23	30
Thứ bảy	3	10	17	24	31
Chủ nhật	4	11	18	25	

Tháng 2

Thứ hai		2	9	16	23
Thứ ba		3	10	17	24
Thứ tư		4	11	18	25
Thứ năm		5	12	19	26
Thứ sáu		6	13	20	27
Thứ bảy		7	14	21	28
Chủ nhật	1	8	15	22	29

Tháng 3

Thứ hai	1	8	15	22	29
Thứ ba	2	9	16	23	30
Thứ tư	3	10	17	24	31
Thứ năm	4	11	18	25	
Thứ sáu	5	12	19	26	
Thứ bảy	6	13	20	27	
Chủ nhật	7	14	21	28	

Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

a) Ngày 3 tháng 2 là thứ mấy ?
Ngày 8 tháng 3 là thứ mấy ?
Ngày đầu tiên của tháng 3 là thứ mấy ?
Ngày cuối cùng của tháng 1 là thứ mấy ?

b) Thứ hai đầu tiên của tháng 1 là ngày nào ?
Chủ nhật cuối cùng của tháng 3 là ngày nào ?
Tháng 2 có mấy ngày thứ bảy ?
Đó là các ngày nào ?

c) Tháng 2 năm 2004 có bao nhiêu ngày ?

2 Xem lịch năm 2005 rồi cho biết :

a) Ngày Quốc tế thiếu nhi 1 tháng 6 là thứ mấy ?
Ngày Quốc khánh 2 tháng 9 là thứ mấy ?
Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là thứ mấy ?
Ngày cuối cùng của năm 2005 là thứ mấy ?
Sinh nhật em là ngày nào ? Tháng nào ? Hôm đó là thứ mấy ?

b) Thứ hai đầu tiên của năm 2005 là ngày nào ? Thứ hai cuối cùng của năm 2005 là ngày nào ?
Các ngày chủ nhật trong tháng 10 là những ngày nào ?

3 Trong một năm :

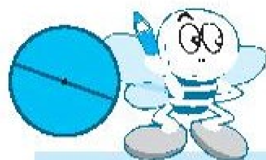
a) Những tháng nào có 30 ngày ?

b) Những tháng nào có 31 ngày ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

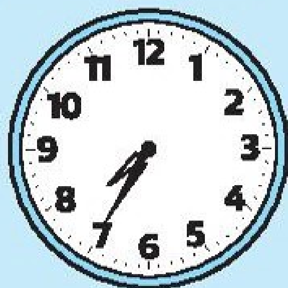
Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là :

A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

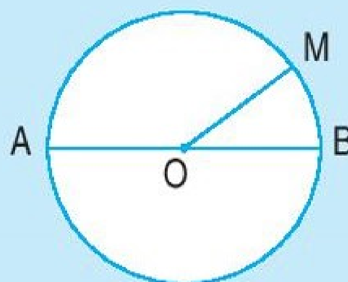


HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH

1) Giới thiệu hình tròn



Mặt đồng hồ hình tròn.



Hình tròn tâm O,
bán kính OM, đường kính AB.

Nhận xét : Trong một hình tròn

- Tâm O là trung điểm của đường kính AB.
- Độ dài đường kính gấp hai lần độ dài bán kính.

2) Vẽ hình tròn

Dùng com pa vẽ hình tròn bán kính 2cm.



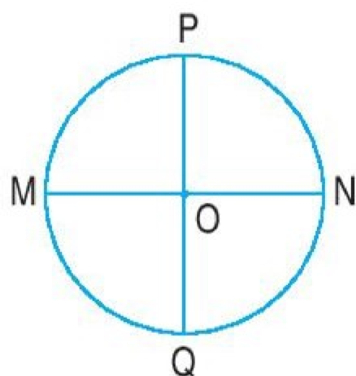
Đây là cái com pa



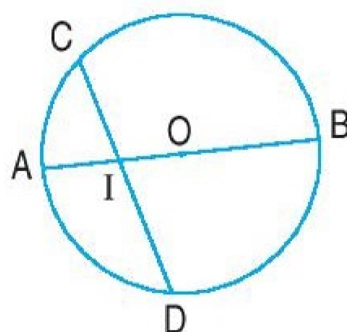


1 Nêu tên các bán kính, đường kính có trong mỗi hình tròn :

a)



b)



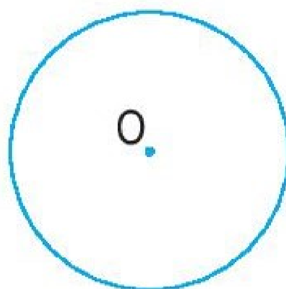
2 Em hãy vẽ hình tròn có :

a) Tâm O, bán kính 2cm ;

b) Tâm I, bán kính 3cm.



3 a) Vẽ bán kính OM, đường kính CD trong hình tròn sau :

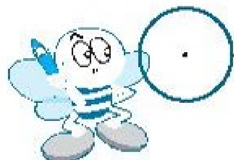


b) Câu nào đúng, câu nào sai ?

– Độ dài đoạn thẳng OC *dài hơn* độ dài đoạn thẳng OD.

– Độ dài đoạn thẳng OC *ngắn hơn* độ dài đoạn thẳng OM.

– Độ dài đoạn thẳng OC *bằng một phần hai* độ dài đoạn thẳng CD.

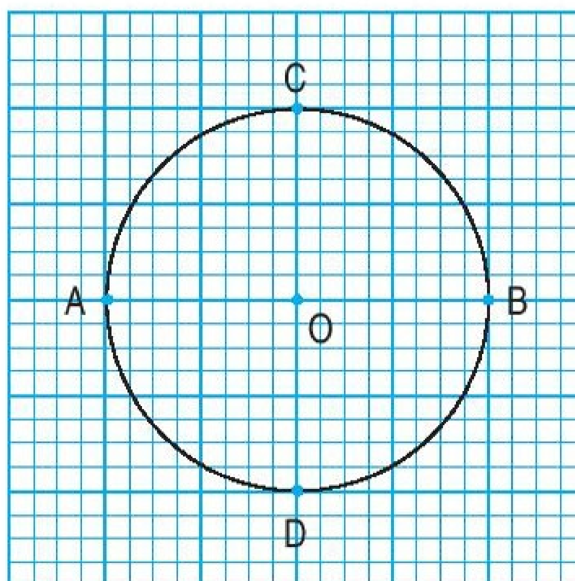


VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

1 Vẽ hình theo các bước sau :

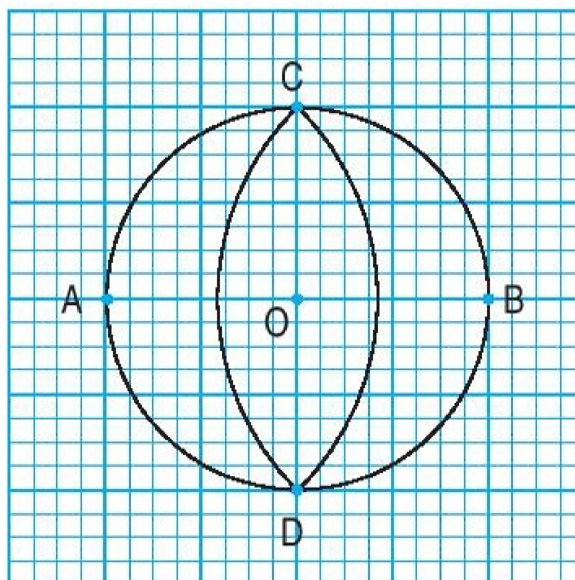
Bước 1 : Vẽ hình tròn tâm O, bán kính OA.

Mẫu :



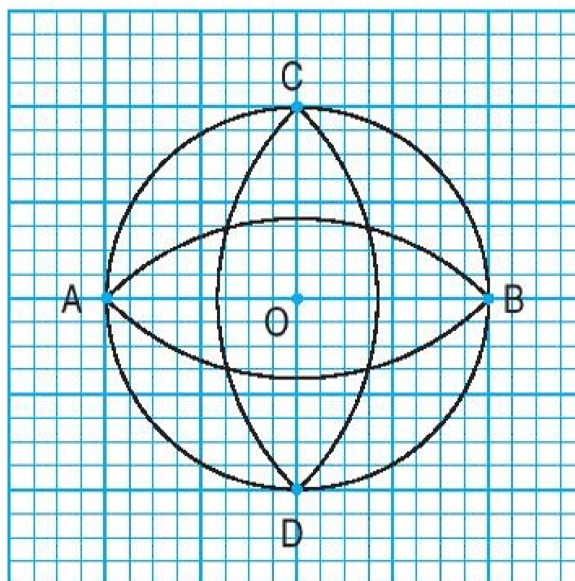
Bước 2 : Vẽ trang trí hình tròn (tâm A, bán kính AC ; tâm B, bán kính BC).

Mẫu :



Bước 3 : Vẽ trang trí hình tròn (tâm C, bán kính CA ; tâm D, bán kính DA).

Mẫu :



2 Tô màu hình đã vẽ trong bài 1.

NHÂN SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



a) **1034 × 2 = ?**

```
   1034
×
      2
 ------
   2068
```

- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.
- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 0 bằng 0, viết 0.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

1034 × 2 = ...

b) **2125 × 3 = ?**

```
   2125
×
      3
 ------
   6375
```

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.
- 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.

2125 × 3 = ...

1 Tính :

```
   1234        4013        2116        1072
×    2      ×    2      ×    3      ×    4
 -----       -----       -----       -----
```

2 Đặt tính rồi tính :

a) 1023 × 3　　　　b) 1212 × 4

1810 × 5　　　　2005 × 4

3 Xây một bức tường hết 1015 viên gạch. Hỏi xây 4 bức tường như thế hết bao nhiêu viên gạch ?

4 Tính nhẩm :

2000 × 3 = ?
Nhẩm : 2 nghìn × 3 = 6 nghìn
Vậy : 2000 × 3 = 6000

a) 2000 × 2 =　　　　b) 20 × 5 =

4000 × 2 =　　　　200 × 5 =

3000 × 2 =　　　　2000 × 5 =



LUYỆN TẬP

1 Viết thành phép nhân và ghi kết quả :

a) 4129 + 4129 =

b) 1052 + 1052 + 1052 =

c) 2007 + 2007 + 2007 + 2007 =

2 Số ?

Số bị chia	423			
Số chia	3	3	4	5
Thương		141	2401	1071

3 Có 2 thùng, mỗi thùng chứa 1025*l* dầu. Người ta đã lấy ra 1350*l* dầu từ các thùng đó. Hỏi còn lại bao nhiêu lít dầu ?

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :



Số đã cho	113	1015	1107	1009
Thêm 6 đơn vị	119			
Gấp 6 lần	678			

NHÂN SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(tiếp theo)



1427 × 3 = ?

$$\begin{array}{r} \times \begin{array}{r} 1427 \\ 3 \end{array} \\ \hline 4281 \end{array}$$

- 3 nhân 7 bằng 21, viết 1 nhớ 2.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 2 bằng 8, viết 8.
- 3 nhân 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

1427 × 3 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} \times \begin{array}{r} 2318 \\ 2 \end{array} \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} \times \begin{array}{r} 1092 \\ 3 \end{array} \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} \times \begin{array}{r} 1317 \\ 4 \end{array} \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} \times \begin{array}{r} 1409 \\ 5 \end{array} \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 1107 × 6 b) 1106 × 7

2319 × 4 1218 × 5

3 Mỗi xe chở 1425kg gạo. Hỏi 3 xe như thế chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?



4 Tính chu vi khu đất hình vuông có cạnh là 1508m.



LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính :

a) 1324×2 b) 2308×3

1719×4 1206×5

2 An mua 3 cái bút, mỗi cái bút giá 2500 đồng.
An đưa cho cô bán hàng 8000 đồng.
Hỏi cô bán hàng phải trả lại cho An bao nhiêu tiền ?

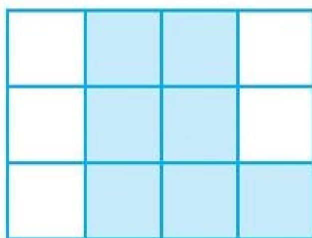


3 Tìm x :

a) $x : 3 = 1527$; b) $x : 4 = 1823$.

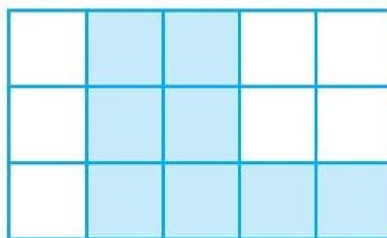
4 Viết số thích hợp nào vào mỗi chỗ chấm ?

a)



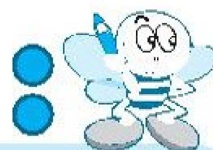
- Có ... ô vuông đã tô màu trong hình.
- Tô màu thêm ... ô vuông để thành một hình vuông có tất cả 9 ô vuông.

b)



- Có ... ô vuông đã tô màu trong hình.
- Tô màu thêm ... ô vuông để thành một hình chữ nhật có tất cả 12 ô vuông.

CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



a) **6369 : 3 = ?**

```
6369 | 3
03   |----
 06  | 2123
  09
   0
```

6369 : 3 = ...

- 6 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 3 ; 3 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 3 trừ 3 bằng 0.
- Hạ 6 ; 6 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 9 ; 9 chia 3 được 3, viết 3.
  3 nhân 3 bằng 9 ; 9 trừ 9 bằng 0.

b) **1276 : 4 = ?**

```
1276 | 4
 07  |----
  36 | 319
   0
```

1276 : 4 = ...

- 12 chia 4 được 3, viết 3.
  3 nhân 4 bằng 12 ; 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 7 ; 7 chia 4 được 1, viết 1.
  1 nhân 4 bằng 4 ; 7 trừ 4 bằng 3.
- Hạ 6 được 36 ; 36 chia 4 được 9, viết 9.
  9 nhân 4 bằng 36 ; 36 trừ 36 bằng 0.

1 Tính :

```
4862 | 2        3369 | 3        2896 | 4
     |----           |----           |----
     |               |               |
```

2 Có 1648 gói bánh được chia đều vào 4 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu gói bánh ?

3 Tìm x :

a) $x \times 2 = 1846$;　　　　b) $3 \times x = 1578$.



CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)

a) **9365 : 3 = ?**

```
9365 | 3
03   |3121
 06
  05
   2
```

9365 : 3 = ... (dư ...)

- 9 chia 3 được 3, viết 3.
  3 nhân 3 bằng 9 ; 9 trừ 9 bằng 0.
- Hạ 3 ; 3 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 3 trừ 3 bằng 0.
- Hạ 6 ; 6 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6 ; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 5 ; 5 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 5 trừ 3 bằng 2.

b) **2249 : 4 = ?**

```
2249 | 4
 24  | 562
  09
   1
```

2249 : 4 = ... (dư ...)

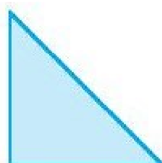
- 22 chia 4 được 5, viết 5.
  5 nhân 4 bằng 20 ; 22 trừ 20 bằng 2.
- Hạ 4, được 24 ; 24 chia 4 được 6, viết 6.
  6 nhân 4 bằng 24 ; 24 trừ 24 bằng 0.
- Hạ 9 ; 9 chia 4 được 2, viết 2.
  2 nhân 4 bằng 8 ; 9 trừ 8 bằng 1.

1 Tính :

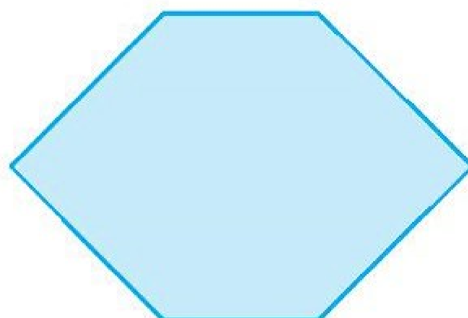
2469 | 2   6487 | 3   4159 | 5

2 Người ta lắp bánh xe vào ô tô, mỗi ô tô cần phải lắp 4 bánh xe. Hỏi có 1250 bánh xe thì lắp được nhiều nhất bao nhiêu ô tô như thế và còn thừa mấy bánh xe ?

3 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình dưới đây :



CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(tiếp theo)



a) **4218 : 6 = ?**

4218	6
01	703
18	
0	

- 42 chia 6 được 7, viết 7.
  7 nhân 6 bằng 42 ; 42 trừ 42 bằng 0.
- Hạ 1 ; 1 chia 6 được 0, viết 0.
  0 nhân 6 bằng 0 ; 1 trừ 0 bằng 1.
- Hạ 8 được 18 ; 18 chia 6 được 3, viết 3.
- 3 nhân 6 bằng 18 ; 18 trừ 18 bằng 0.

4218 : 6 = ...

b) **2407 : 4 = ?**

2407	4
00	601
07	
3	

- 24 chia 4 được 6, viết 6.
  6 nhân 4 bằng 24 ; 24 trừ 24 bằng 0.
- Hạ 0 ; 0 chia 4 được 0, viết 0.
  0 nhân 4 bằng 0, 0 trừ 0 bằng 0.
- Hạ 7 ; 7 chia 4 được 1, viết 1.
  1 nhân 4 bằng 4 ; 7 trừ 4 bằng 3.

2407 : 4 = ... (dư ...)

1 Đặt tính rồi tính :

a) 3224 : 4   b) 2819 : 7

1516 : 3   1865 : 6

2 Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 1215m, đội đã sửa được $\frac{1}{3}$ quãng đường. Hỏi đội công nhân đó còn phải sửa bao nhiêu mét đường nữa ?

3 Đ/S ?

a)

2156	7
05	308
56	
0	

☐

b)

1608	4
008	42
0	

☐

c)

2526	5
026	51
1	

☐



LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính :

a) 1608 : 4
   2105 : 3

b) 2035 : 5
   2413 : 4

c) 4218 : 6
   3052 : 5

2 Tìm x :

a) $x \times 7 = 2107$; b) $8 \times x = 1640$; c) $x \times 9 = 2763$.

3 Một cửa hàng có 2024kg gạo, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

4 Tính nhẩm :

	6000 : 3 = ?
Nhẩm :	6 nghìn : 3 = 2 nghìn
Vậy :	6000 : 3 = 2000

6000 : 2 =
8000 : 4 =
9000 : 3 =



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính :

a) 821×4
   3284 : 4

b) 1012×5
   5060 : 5

c) 308×7
   2156 : 7

d) 1230×6
   7380 : 6

2 Đặt tính rồi tính :

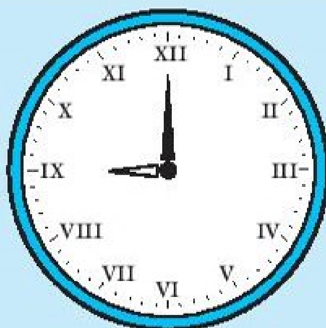
a) 4691 : 2 ; b) 1230 : 3 ; c) 1607 : 4 ; d) 1038 : 5.

3 Có 5 thùng sách, mỗi thùng đựng 306 quyển sách. Số sách đó chia đều cho 9 thư viện trường học. Hỏi mỗi thư viện được chia bao nhiêu quyển sách ?

4 Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng 95m và chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi sân vận động đó.

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ





Đồng hồ chỉ 9 giờ

1) Các số ở mặt đồng hồ bên được ghi bằng một số *chữ số La Mã* thường dùng sau :

I : một | V : năm | X : mười

2) Với các chữ số La Mã trên, ta có một vài số như sau :

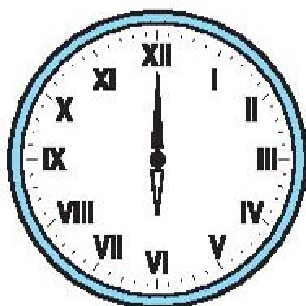
I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	XX	XXI
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	20	21

1 Đọc các số viết bằng chữ số La Mã sau đây :

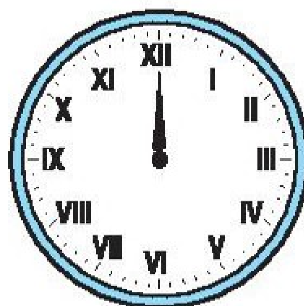
I ; III ; V ; VII ; IX ; XI ; XXI ;

II ; IV ; VI ; VIII ; X ; XII ; XX.

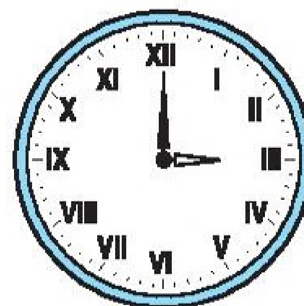
2 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C

3 Hãy viết các số II, VI, V, VII, IV, IX, XI :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn ;

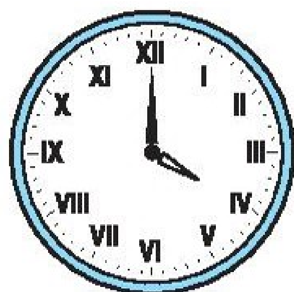
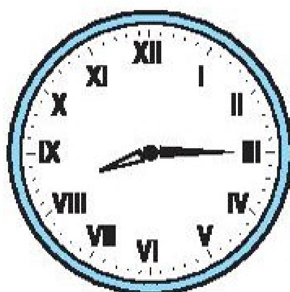
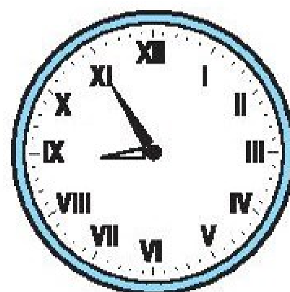
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

4 Viết các số từ 1 đến 12 bằng chữ số La Mã.



LUYỆN TẬP

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

A B C

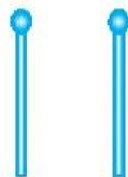
2 Đọc các số sau :

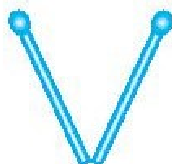
I ; III ; IV ; VI ; VII ; IX ; XI ; VIII ; XII.

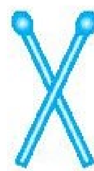
3 Đúng ghi Đ, sai ghi S :

III	: ba	☐	VII	: bảy	☐
VI	: sáu	☐	VIIII	: chín	☐
IIII	: bốn	☐	IX	: chín	☐
IV	: bốn	☐	XII	: mười hai	☐

4 Dùng các que diêm có thể xếp thành các số như sau :


2


5

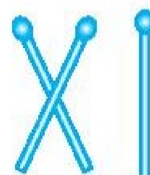

10

a) Có 5 que diêm, hãy xếp thành số 8, số 21.

b) Có 6 que diêm, hãy xếp thành số 9.

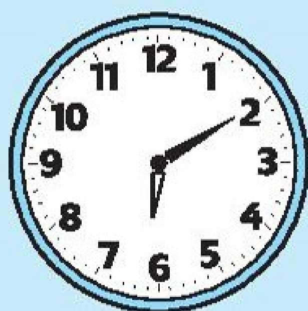
c) Với 3 que diêm có thể xếp được những số nào ?

5 Có 3 que diêm xếp thành số 11 như hình bên.
Hãy nhấc một que diêm và xếp lại để được số 9.

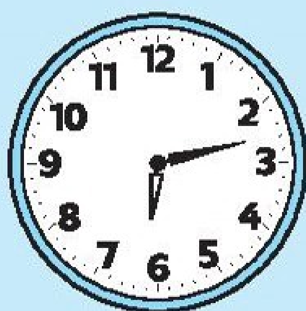


THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

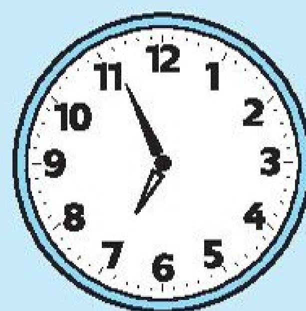




6 giờ 10 phút

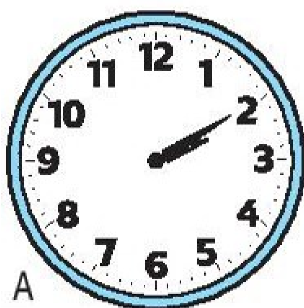


6 giờ 13 phút

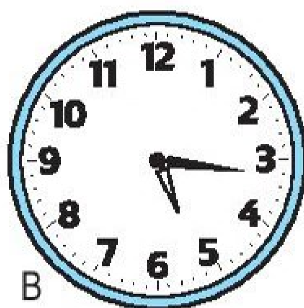


6 giờ 56 phút
hoặc 7 giờ kém 4 phút

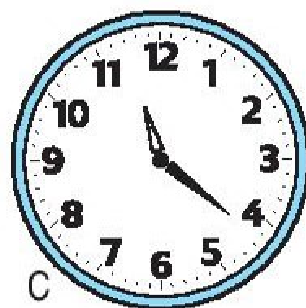
1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



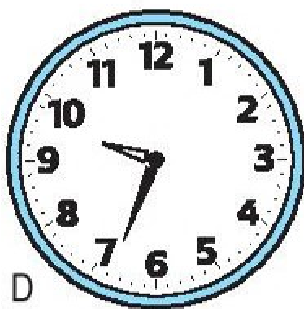
A



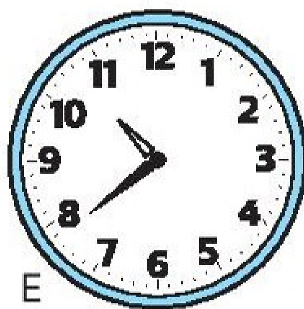
B



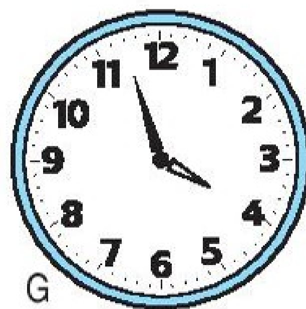
C



D



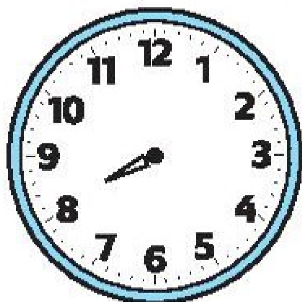
E

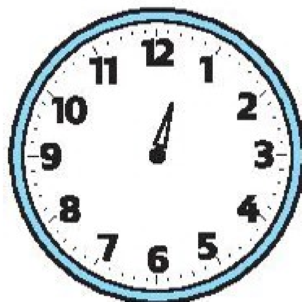


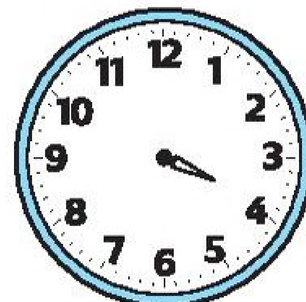
G

2 Đặt thêm kim phút để đồng hồ chỉ :

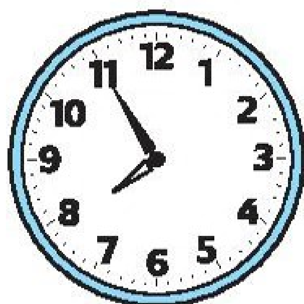
a) 8 giờ 7 phút ; b) 12 giờ 34 phút ; c) 4 giờ kém 13 phút.







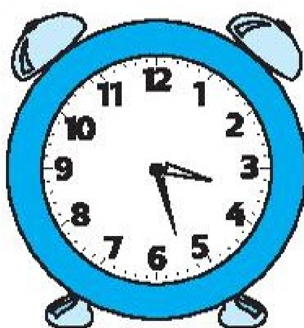
3 Đồng hồ nào ứng với mỗi thời gian đã cho dưới đây ?


A

3 giờ 27 phút

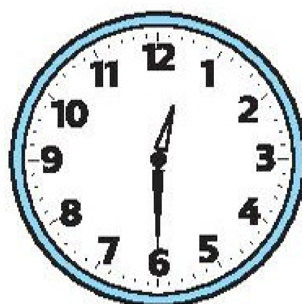
12 giờ rưỡi

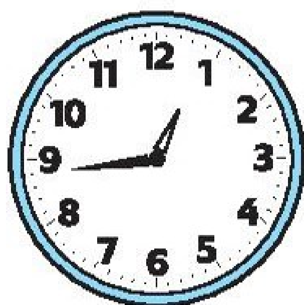

E


B

1 giờ kém 16 phút

7 giờ 55 phút

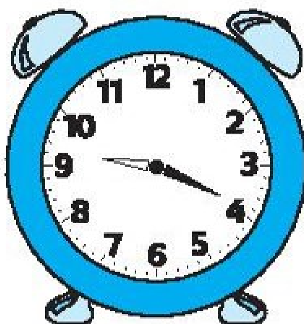

G


C

5 giờ kém 23 phút

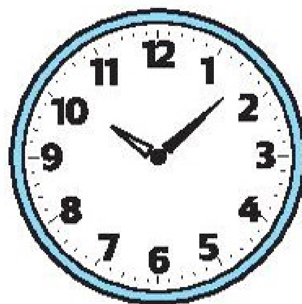
10 giờ 8 phút


H


D

8 giờ 50 phút

9 giờ 19 phút


I

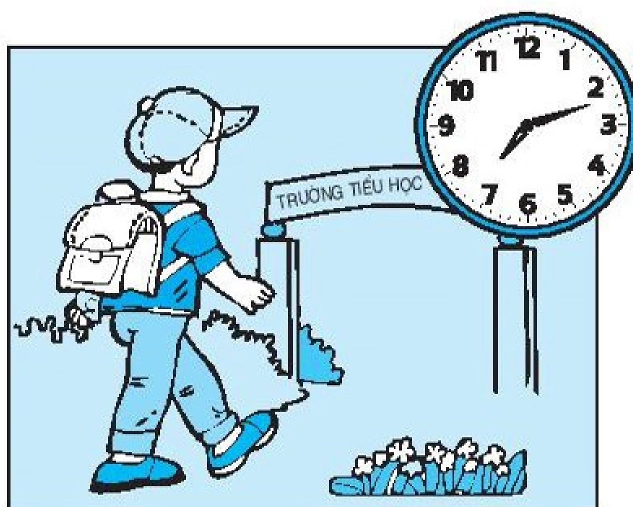
THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (tiếp theo)



1 Xem tranh rồi trả lời các câu hỏi sau :



a) An tập thể dục lúc mấy giờ ?



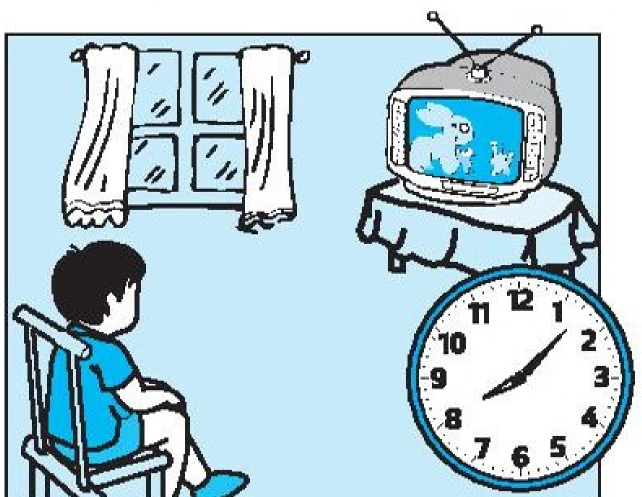
b) An đến trường lúc mấy giờ ?



c) An đang học bài ở lớp lúc mấy giờ ?



d) An ăn cơm chiều lúc mấy giờ ?



e) An đang xem truyền hình lúc mấy giờ ?



g) An đang ngủ lúc mấy giờ ?

2 Vào buổi chiều hoặc buổi tối, hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian ?

19:03 H

A 13:25 I D

B 20:17 K E

C 21:05 L G

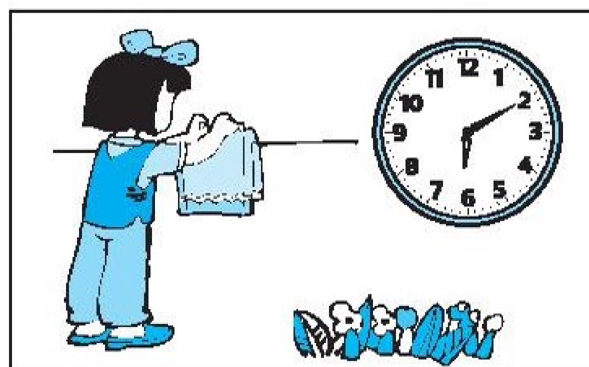
17:50 M

14:41 N

3 Trả lời các câu hỏi sau :

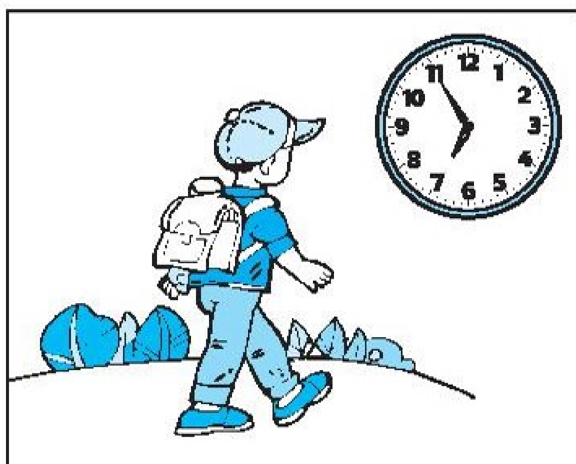
a)

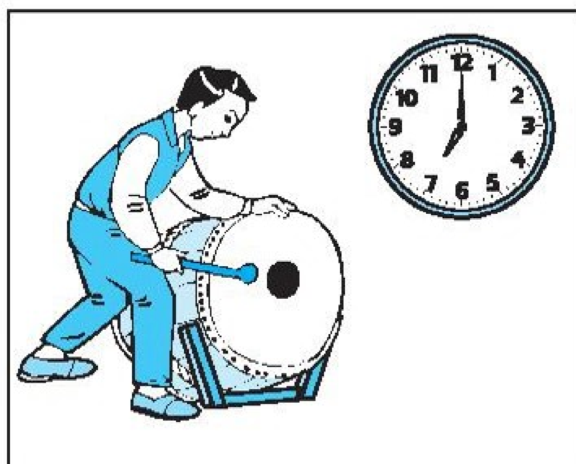




Hà đánh răng và rửa mặt trong bao nhiêu phút ?

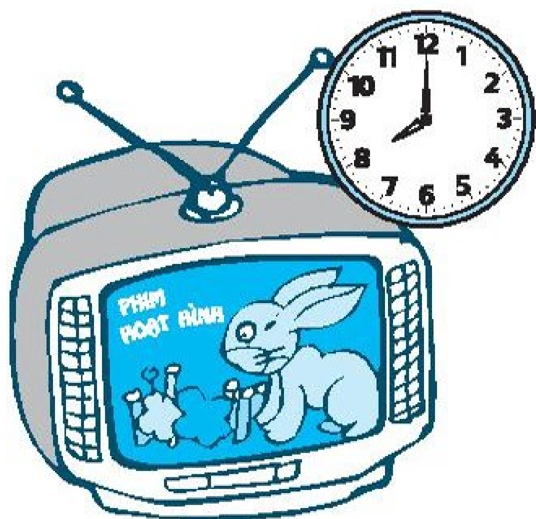
b)

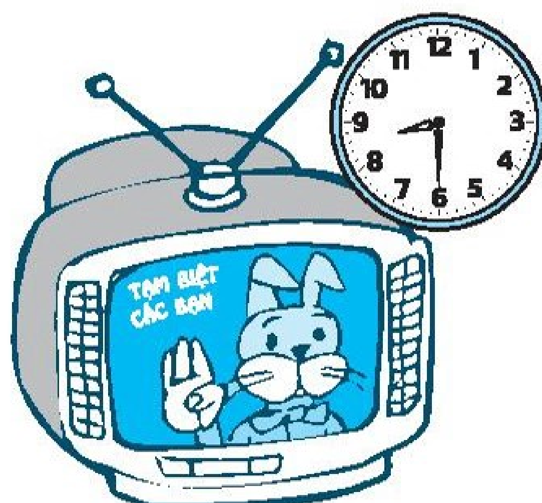




Từ 7 giờ kém 5 phút đến 7 giờ là bao nhiêu phút ?

c)





Bắt đầu

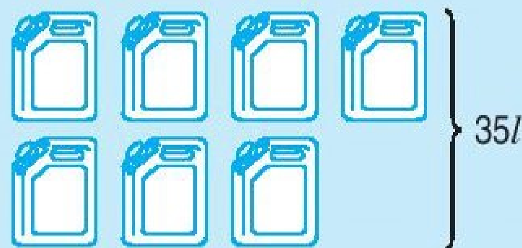
Kết thúc

Chương trình phim hoạt hình kéo dài trong bao nhiêu phút ?



BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ

Bài toán 1 : Có 35l mật ong chia đều vào 7 can. Hỏi mỗi can có mấy lít mật ong ?



Bài giải

Số lít mật ong trong mỗi can là :

35 : 7 = 5 (l)

Đáp số: 5l mật ong.

Bài toán 2 : Có 35l mật ong chia đều vào 7 can. Hỏi 2 can có mấy lít mật ong ?

Tóm tắt : 7 can : 35l

2 can : ... l ?

Bài giải

Số lít mật ong trong mỗi can là :

35 : 7 = 5 (l)

Số lít mật ong trong 2 can là :

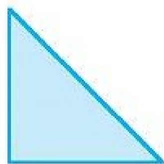
$5 \times 2 = 10$ (l)

Đáp số : 10l mật ong.

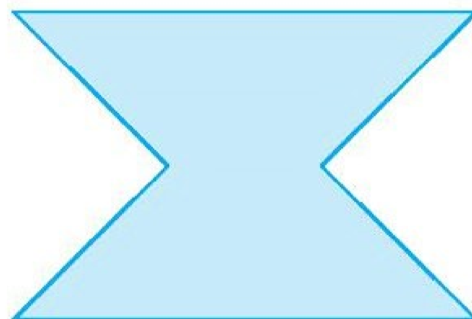
1 Có 24 viên thuốc chứa đều trong 4 vỉ. Hỏi 3 vỉ thuốc đó có bao nhiêu viên thuốc ?

2 Có 28kg gạo đựng đều trong 7 bao. Hỏi 5 bao đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

3 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình dưới đây :





LUYỆN TẬP

1 Trong vườn ươm, người ta đã ươm 2032 cây giống trên 4 lô đất, các lô đều có số cây như nhau. Hỏi mỗi lô đất có bao nhiêu cây giống ?

2 Có 2135 quyển vở được xếp đều vào 7 thùng. Hỏi 5 thùng đó có bao nhiêu quyển vở ?

3 Lập đề toán theo tóm tắt, rồi giải bài toán đó :

Tóm tắt : 4 xe : 8520 viên gạch
3 xe : ... viên gạch ?

4 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 25m, chiều rộng kém chiều dài 8m. Tính chu vi mảnh đất đó.



LUYỆN TẬP

1 Mua 5 quả trứng hết 4500 đồng. Hỏi nếu mua 3 quả trứng như thế thì hết bao nhiêu tiền ?

2 Muốn lát nền 6 căn phòng như nhau cần 2550 viên gạch. Hỏi muốn lát nền 7 căn phòng như thế cần bao nhiêu viên gạch ?

3 **Số ?**

Một người đi bộ mỗi giờ được 4km.

Thời gian đi	1 giờ	2 giờ	4 giờ	3 giờ	... giờ
Quãng đường đi	4km	... km	... km	... km	20km

4 Viết biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức :

a) 32 chia 8 nhân 3 ; b) 45 nhân 2 nhân 5 ;

c) 49 nhân 4 chia 7 ; d) 234 chia 6 chia 3.



TIỀN VIỆT NAM



Hai nghìn đồng



Năm nghìn đồng



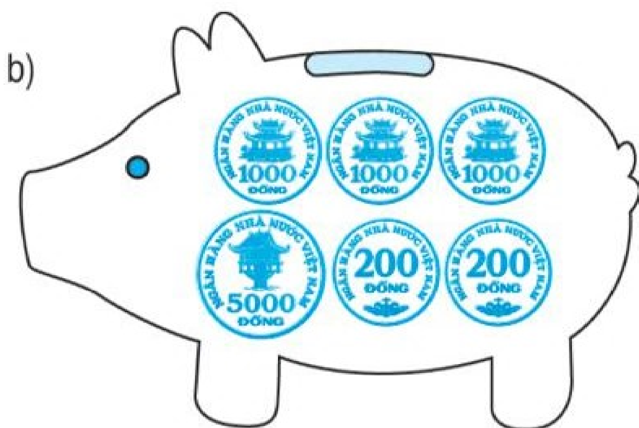
Mười nghìn đồng

1 Trong mỗi chú lợn có bao nhiêu tiền ?

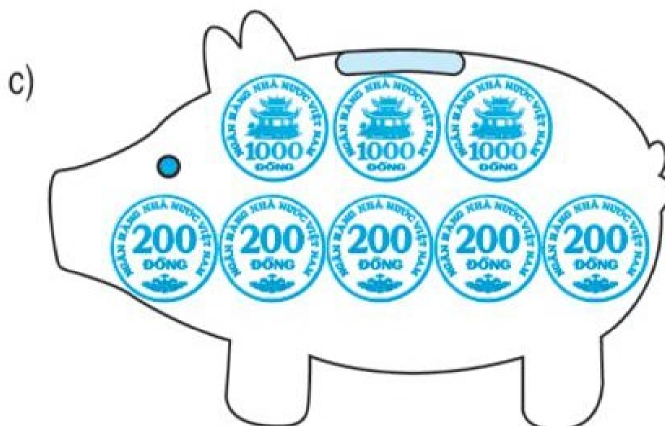
a)



b)



c)



2 Phải lấy các tờ giấy bạc nào để được số tiền ở bên phải ?

a)

1000 đồng	1000 đồng	1000 đồng	1000 đồng	—	2000 đồng

b)

5000 đồng	5000 đồng	5000 đồng	—	10 000 đồng
5000 đồng	5000 đồng			

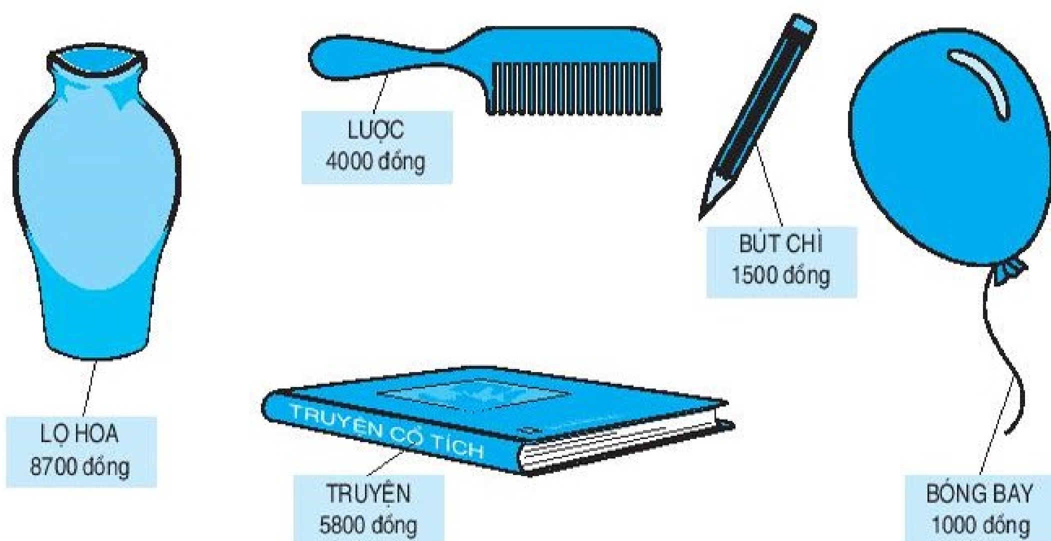
c)

2000 đồng	2000 đồng	2000 đồng	—	10 000 đồng
2000 đồng	2000 đồng	2000 đồng		

d)

2000 đồng	2000 đồng	2000 đồng	—	5000 đồng
1000 đồng	1000 đồng	1000 đồng		

3 Xem tranh rồi trả lời các câu hỏi sau :



a) Trong các đồ vật trên, đồ vật nào có giá tiền ít nhất ? Đồ vật nào có giá tiền nhiều nhất ?

b) Mua một quả bóng bay và một chiếc bút chì thì hết bao nhiêu tiền ?

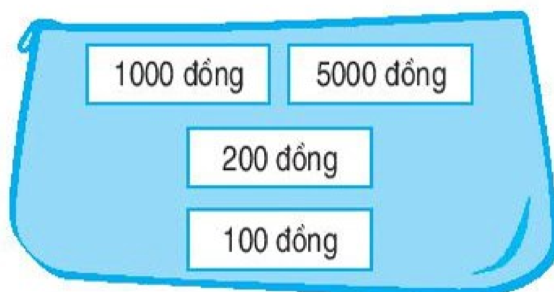
c) Giá tiền một lọ hoa nhiều hơn giá tiền một cái lược là bao nhiêu ?



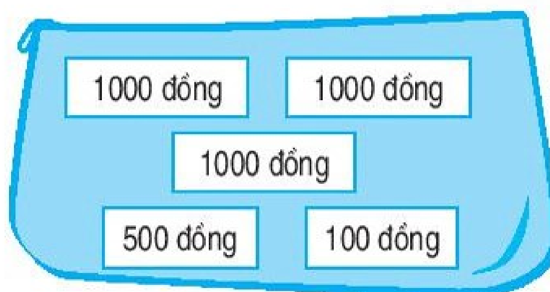
LUYỆN TẬP

1 Chiếc ví nào có nhiều tiền nhất ?

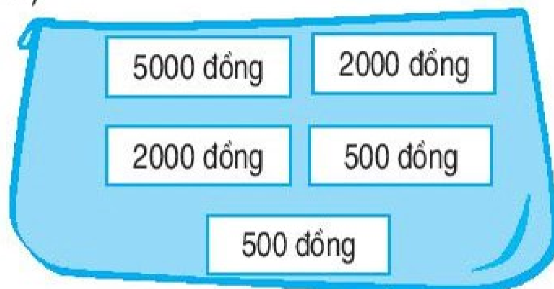
a)



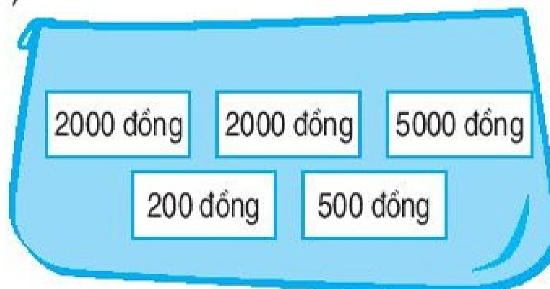
b)



c)



d)



2 Phải lấy ra các tờ giấy bạc nào để được số tiền ở bên phải ?

a)



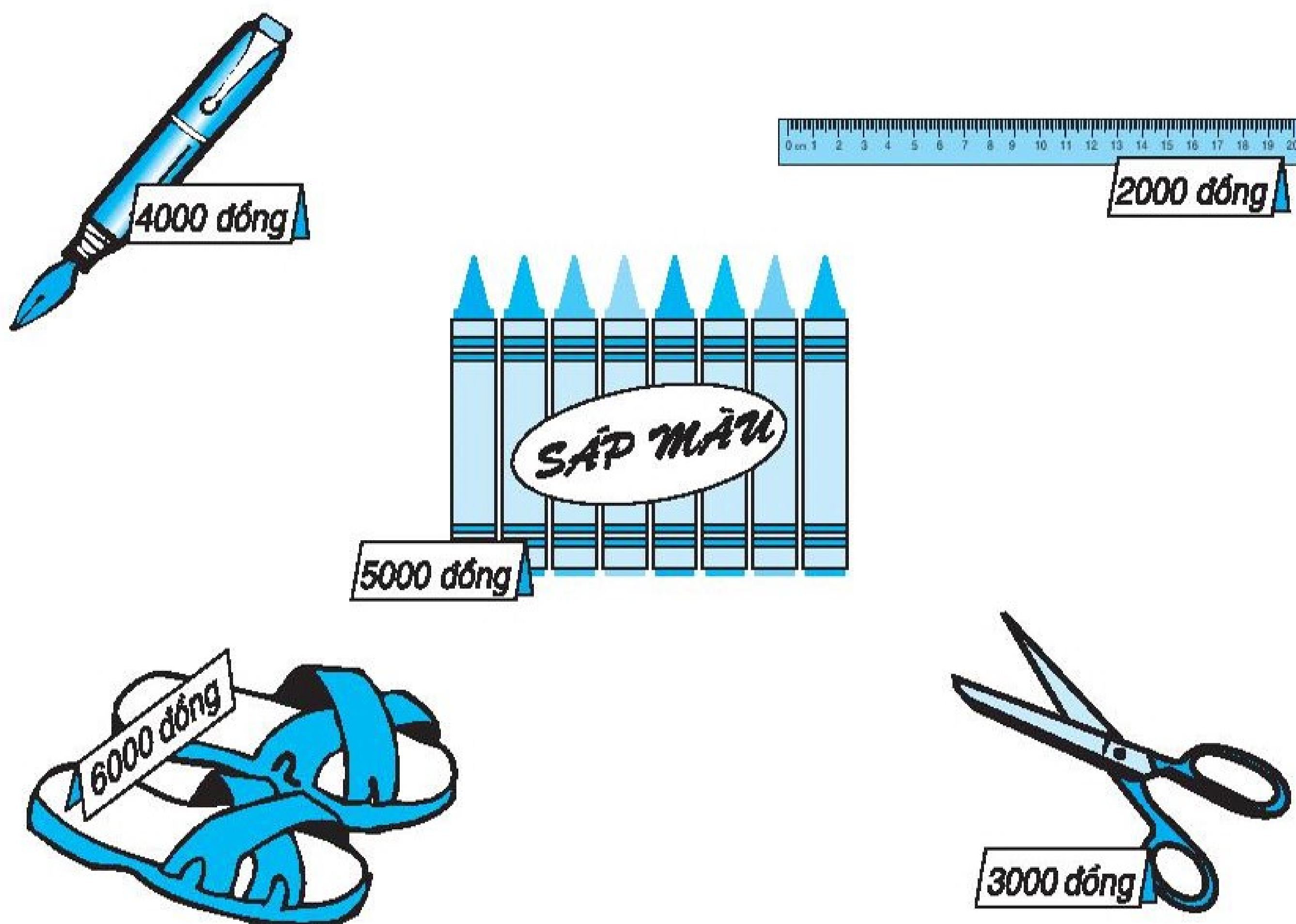
b)



c)



3 Xem tranh rồi trả lời các câu hỏi sau :



a) Mai có 3000 đồng, Mai có *vừa đủ tiền* để mua được một đồ vật nào ?

b) Nam có 7000 đồng, Nam có *vừa đủ tiền* để mua được những đồ vật nào ?

4 Mẹ mua một hộp sữa hết 6700 đồng và một gói kẹo hết 2300 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng 10 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại bao nhiêu tiền ?



LÀM QUEN VỚI THỐNG KÊ SỐ LIỆU

Đo chiều cao của bốn bạn Anh, Phong, Ngân, Minh ta có các số liệu sau :

Anh	Phong	Ngân	Minh
cao 122cm	cao 130cm	cao 127cm	cao 118cm

Viết các số đo chiều cao của bốn bạn ta được *dãy số liệu* :

122cm ; 130cm ; 127cm ; 118cm.

Nhìn vào dãy số liệu trên ta biết :

Số thứ nhất là 122cm, số thứ hai là 130cm, số thứ ba là 127cm, số thứ tư là 118cm.

Dãy số liệu trên có 4 số.

1 Bốn bạn Dũng, Hà, Hùng, Quân có chiều cao theo thứ tự là :

129cm ; 132cm ; 125cm ; 135cm.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Hùng cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?
Dũng cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?
Hà cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?
Quân cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

b) Dũng cao hơn Hùng bao nhiêu xăng-ti-mét ?
Hà thấp hơn Quân bao nhiêu xăng-ti-mét ?
Hùng và Hà, ai cao hơn ? Dũng và Quân, ai thấp hơn ?

2 Dãy các chủ nhật của tháng 2 năm 2004 là các ngày : 1 ; 8 ; 15 ; 22 ; 29.

Nhìn vào dãy trên, hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Tháng 2 năm 2004 có mấy ngày chủ nhật ?

b) Chủ nhật đầu tiên là ngày nào ?

c) Ngày 22 là chủ nhật thứ mấy trong tháng ?

3 Số ki-lô-gam gạo trong mỗi bao được ghi dưới đây :



Hãy viết dãy số ki-lô-gam gạo của 5 bao gạo trên :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn ;

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

4 Cho dãy số liệu sau :

5 ; 10 ; 15 ; 20 ; 25 ; 30 ; 35 ; 40 ; 45.

Nhìn vào dãy trên hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Dãy trên có tất cả bao nhiêu số ? Số 25 là số thứ mấy trong dãy ?

b) Số thứ ba trong dãy là số nào ? Số này lớn hơn số thứ nhất trong dãy bao nhiêu đơn vị ?

c) Số thứ hai lớn hơn số thứ mấy trong dãy ?



LÀM QUEN VỚI THỐNG KÊ SỐ LIỆU (tiếp theo)

Đây là bảng thống kê số con của ba gia đình :

Gia đình	Cô Mai	Cô Lan	Cô Hồng
Số con	2	1	2

Bảng này có 2 hàng :

- Hàng trên ghi tên các gia đình.
- Hàng dưới ghi số con của mỗi gia đình.

Nhìn vào bảng trên ta biết :

- Ba gia đình được ghi trong bảng là : gia đình cô Mai, gia đình cô Lan, gia đình cô Hồng.
- Gia đình cô Mai có 2 con, gia đình cô Lan có 1 con, gia đình cô Hồng có 2 con.

1 Đây là bảng thống kê số học sinh giỏi của các lớp 3 ở một trường tiểu học :

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số học sinh giỏi	18	13	25	15

Dựa vào bảng trên hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Lớp 3B có bao nhiêu học sinh giỏi ? Lớp 3D có bao nhiêu học sinh giỏi ?

b) Lớp 3C có nhiều hơn lớp 3A bao nhiêu học sinh giỏi ?

c) Lớp nào có nhiều học sinh giỏi nhất ? Lớp nào có ít học sinh giỏi nhất ?

2 Đây là bảng thống kê số cây đã trồng được của các lớp khối 3 :

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số cây	40	25	45	28

Nhìn vào bảng trên hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất ? Lớp nào trồng được ít cây nhất ?

b) Hai lớp 3A và 3C trồng được tất cả bao nhiêu cây ?

c) Lớp 3D trồng được ít hơn lớp 3A bao nhiêu cây và nhiều hơn lớp 3B bao nhiêu cây ?

3 Dưới đây là bảng thống kê số mét vải của một cửa hàng đã bán được trong ba tháng đầu năm :

Tháng / Vải	1	2	3
Trắng	1240m	1040m	1475m
Hoa	1875m	1140m	1575m

Nhìn vào bảng trên, hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Tháng 2 cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải mỗi loại ?

b) Trong tháng 3, vải hoa bán được nhiều hơn vải trắng bao nhiêu mét ?

c) Mỗi tháng cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải hoa ?



LUYỆN TẬP

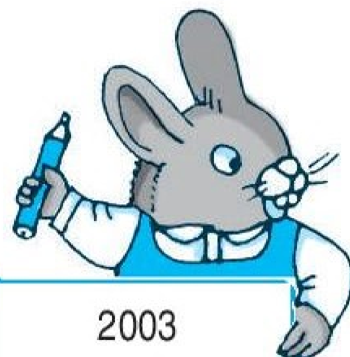
1 Số thóc gia đình chị Út thu hoạch được trong 3 năm như sau :

Năm 2001 : 4200kg ;

Năm 2002 : 3500kg ;

Năm 2003 : 5400kg.

Hãy điền số liệu thích hợp vào ô trống trong bảng sau :



Năm	2001	2002	2003
Số thóc			

2 Dưới đây là bảng thống kê số cây của bản Na đã trồng được trong 4 năm :

Năm / Loại cây	2000	2001	2002	2003
Thông	1875 cây	2167 cây	1980 cây	2540 cây
Bạch đàn	1745 cây	2040 cây	2165 cây	2515 cây

Dựa vào bảng trên hãy trả lời các câu hỏi dưới đây (theo mẫu) :

a) Năm 2002 bản Na trồng được nhiều hơn năm 2000 bao nhiêu cây bạch đàn ?

Mẫu : Số cây bạch đàn bản Na trồng năm 2002 nhiều hơn năm 2000 là :

2165 – 1745 = 420 (cây).

b) Năm 2003 bản Na trồng được tất cả bao nhiêu cây thông và cây bạch đàn ?

3 Nhìn vào dãy số liệu sau, hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

90 ; 80 ; 70 ; 60 ; 50 ; 40 ; 30 ; 20 ; 10.

a) Dãy trên có tất cả là :

A. 9 số

B. 18 số

C. 10 số

D. 81 số



b) Số thứ tư trong dãy là :

A. 4

B. 0

C. 60

D. 40

4 Trong các cuộc thi chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, các bạn khối lớp 3 đã đạt được các giải sau đây :

Văn nghệ : 3 giải nhất và 2 giải ba.

Kể chuyện : 2 giải nhất, 1 giải nhì và 4 giải ba.

Cờ vua : 1 giải nhất và 2 giải nhì.

Hãy viết số thích hợp vào bảng thống kê các giải của khối lớp 3 đạt được (theo mẫu) :

Môn / Giải	Văn nghệ	Kể chuyện	Cờ vua
Nhất	3		
Nhì	0		
Ba	2		

4. CÁC SỐ ĐẾN 100 000



CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ

HÀNG				
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
10 000 10 000 10 000 10 000	1000 1000	100 100 100	10	1 1 1 1 1 1
4	2	3	1	6

Viết số : 42 316.

Đọc số : *Bốn mươi hai nghìn ba trăm mười sáu.*

1 Viết (theo mẫu) :

a) Mẫu :

HÀNG				
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
10 000 10 000 10 000	1000 1000 1000	100 100	10	1 1 1 1
3	3	2	1	4

Viết số : 33 214.

Đọc số : *Ba mươi ba nghìn hai trăm mười bốn.*

b)

HÀNG				
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
10 000 10 000	1000 1000 1000 1000	100 100 100	10	1 1

2 Viết (theo mẫu) :

HÀNG					VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
6	8	3	5	2	68 352	sáu mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai
3	5	1	8	7		
9	4	3	6	1		
5	7	1	3	6		
1	5	4	1	1		

3 Đọc các số : 23 116 ; 12 427 ; 3116 ; 82 427.

4 Số ?

60 000 → 70 000 → ☐ → ☐

23 000 → 24 000 → ☐ → ☐ → ☐

23 000 → 23 100 → 23 200 → ☐ → ☐



LUYỆN TẬP

1 Viết (theo mẫu) :

HÀNG					VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
6	3	4	5	7	63 457	sáu mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi bảy
4	5	9	1	3		
6	3	7	2	1		
4	7	5	3	5		

2 Viết (theo mẫu) :

Viết số	Đọc số
31 942	ba mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi hai
97 145	
	hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi lăm
63 211	
	tám mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi mốt

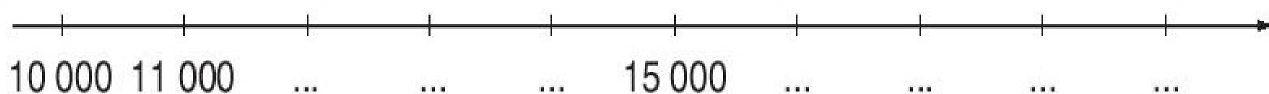
3 **Số** ?

a) 36 520 ; 36 521 ; ... ; ... ; ... ; 36 525 ; ... .

b) 48 183 ; 48 184 ; ... ; ... ; 48 187 ; ... ; ... .

c) 81 317 ; ... ; ... ; ... ; 81 321 ; ... ; ... .

4 Viết tiếp số thích hợp vào dưới mỗi vạch :



CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ (tiếp theo)



HÀNG					VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
3	0	0	0	0	30 000	ba mươi nghìn
3	2	0	0	0		
3	2	5	0	0		
3	2	5	6	0		
3	2	5	0	5		
3	2	0	5	0		
3	0	0	5	0		
3	0	0	0	5		

1 Viết (theo mẫu) :

Viết số	Đọc số
86 030	tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi
62 300	
	năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một
42 980	
	bảy mươi nghìn không trăm ba mươi mốt
60 002	

2 **Số** ?

a) 18 301 ; 18 302 ; ... ; ... ; ... ; 18 306 ; ... .

b) 32 606 ; 32 607 ; ... ; ... ; ... ; 32 611 ; ... .

c) 92 999 ; 93 000 ; 93 001 ; ... ; ... ; 93 004 ; ... .

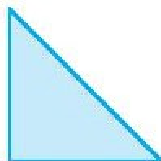
3 **Số** ?

a) 18 000 ; 19 000 ; ... ; ... ; ... ; ... ; 24 000.

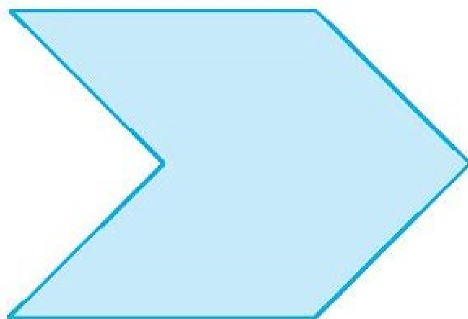
b) 47 000 ; 47 100 ; 47 200 ; ... ; ... ; ... ; ... .

c) 56 300 ; 56 310 ; 56 320 ; ... ; ... ; ... ; ... .

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình bên :



Hãy xếp thành hình dưới đây :







LUYỆN TẬP

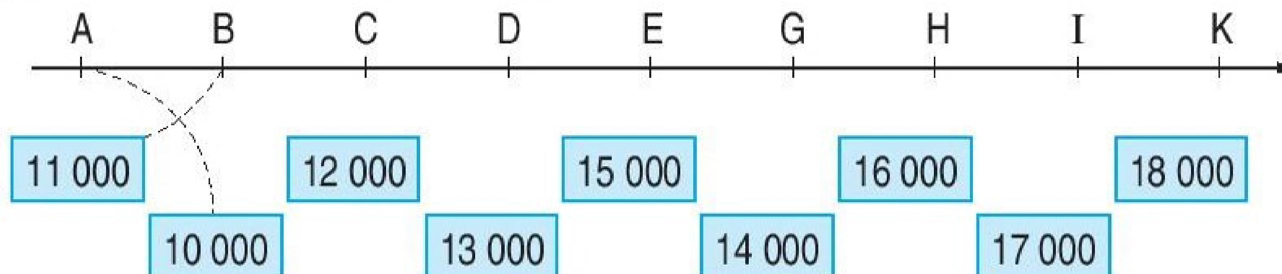
1 Viết (theo mẫu) :

Viết số	Đọc số
16 305	mười sáu nghìn ba trăm linh năm
16 500	
62 007	
62 070	
71 010	
71 001	

2 Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số
Tám mươi bảy nghìn một trăm mười lăm	87 115
Tám mươi bảy nghìn một trăm linh năm	
Tám mươi bảy nghìn không trăm linh một	
Tám mươi bảy nghìn năm trăm	
Tám mươi bảy nghìn	

3 Mỗi số ứng với vạch thích hợp nào ?



4 Tính nhẩm :

a) 4000 + 500 =

6500 − 500 =

300 + 2000 × 2 =

1000 + 6000 : 2 =

b) 4000 − (2000 − 1000) =

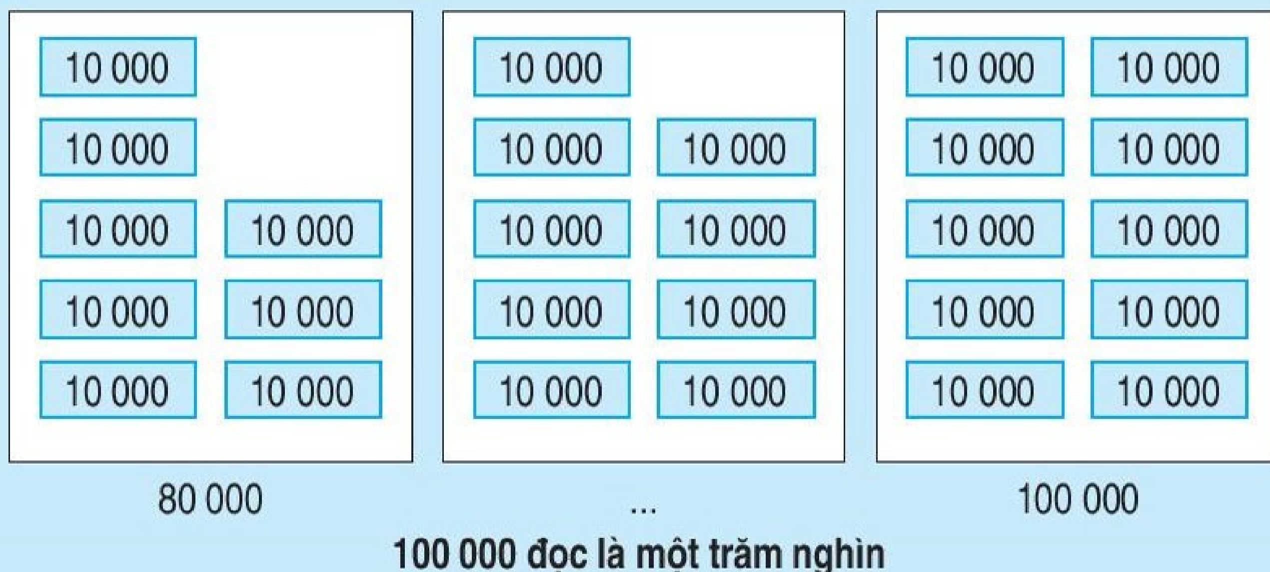
4000 − 2000 + 1000 =

8000 − 4000 × 2 =

(8000 − 4000) × 2 =



SỐ 100 000 – LUYỆN TẬP



100 000 đọc là một trăm nghìn

1 Số ?

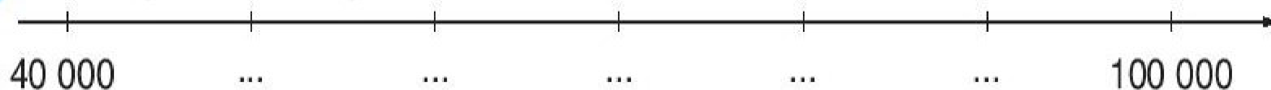
a) 10 000 ; 20 000 ; ... ; ... ; 50 000 ; ... ; ... ; 80 000 ; ... ; 100 000.

b) 10 000 ; 11 000 ; 12 000 ; ... ; ... ; ... ; 16 000 ; ... ; ... ; ... ; ... .

c) 18 000 ; 18 100 ; 18 200 ; ... ; ... ; ... ; ... ; 18 700 ; ... ; ... ; ... .

d) 18 235 ; 18 236 ; ... ; ... ; ... ; ... .

2 Viết tiếp số thích hợp vào dưới mỗi vạch :



3 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	12 534	
	43 905	
	62 370	
	39 999	
	99 999	

4 Một sân vận động có 7000 chỗ ngồi, đã có 5000 người đến xem bóng đá. Hỏi sân vận động đó còn bao nhiêu chỗ chưa có người ngồi ?

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



Ví dụ 1 : So sánh 100 000 và 99 999.
Vì 100 000 có nhiều chữ số hơn nên
100 000 > 99 999.

100 000 > 99 999
99 999 < 100 000

Ví dụ 2 : So sánh 76 200 và 76 199.
- Vì hai số này có số chữ số bằng nhau, nên ta so sánh các cặp chữ số cùng hàng kể từ trái qua phải.
- Các cặp chữ số hàng chục nghìn, hàng nghìn như nhau.
- Ở hàng trăm có 2 > 1.

Vậy : 76 200 > 76 199.

76 200 > 76 199
76 199 < 76 200

1 

4589 ... 10 001
8000 ... 7999 + 1
3527 ... 3519

35 276 ... 35 275
99 999 ... 100 000
86 573 ... 96 573

2 

89 156 ... 98 516
69 731 ... 69 713
79 650 ... 79 650

67 628 ... 67 728
89 999 ... 90 000
78 659 ... 76 860

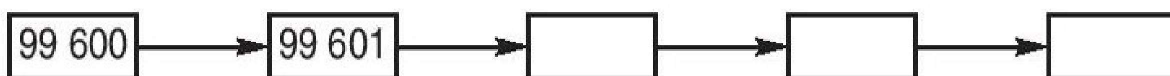
3 a) Tìm số lớn nhất trong các số sau : 83 269 ; 92 368 ; 29 863 ; 68 932.
b) Tìm số bé nhất trong các số sau : 74 203 ; 100 000 ; 54 307 ; 90 241.

4 a) Viết các số 30 620 ; 8258 ; 31 855 ; 16 999 theo thứ tự từ bé đến lớn.
b) Viết các số 65 372 ; 56 372 ; 76 253 ; 56 327 theo thứ tự từ lớn đến bé.



LUYỆN TẬP

1 Số ?







2 > < = ?

a) 8357 ... 8257
36 478 ... 36 488
89 429 ... 89 420
8398 ... 10 010

b) 3000 + 2 ... 3200
6500 + 200 ... 6621
8700 – 700 ... 8000
9000 + 900 ... 10 000

3 Tính nhẩm :

a) 8000 – 3000 =
6000 + 3000 =
7000 + 500 =
9000 + 900 + 90 =

b) 3000 × 2 =
7600 – 300 =
200 + 8000 : 2 =
300 + 4000 × 2 =

4 a) Tìm số lớn nhất có năm chữ số.
b) Tìm số bé nhất có năm chữ số.

5 Đặt tính rồi tính :

a) 3254 + 2473
8326 – 4916

b) 8460 : 6
1326 × 3



LUYỆN TẬP

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 3897 ; 3898 ; ... ; ... ; ... ; ... .

b) 24 686 ; 24 687 ; ... ; ... ; ... ; ... .

c) 99 995 ; 99 996 ; ... ; ... ; ... ; ... .

2 Tìm x :

a) $x + 1536 = 6924$;

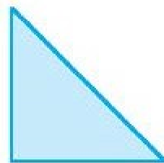
b) $x - 636 = 5618$;

c) $x \times 2 = 2826$;

d) $x : 3 = 1628$.

3 Một đội thuỷ lợi đào được 315m mương trong 3 ngày. Hỏi trong 8 ngày, đội đó đào được bao nhiêu mét mương, biết số mét mương đào trong mỗi ngày là như nhau ?

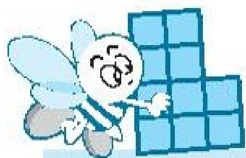
4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



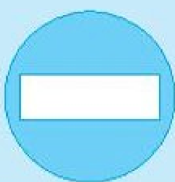
Hãy xếp thành hình dưới đây :



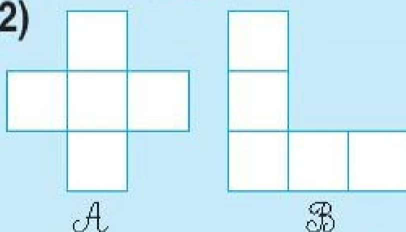




DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH

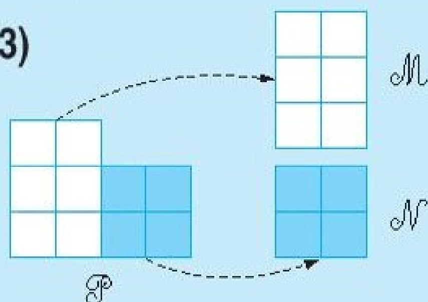
1) 

● Hình chữ nhật nằm hoàn toàn trong hình tròn. Ta nói : Diện tích hình chữ nhật bé hơn diện tích hình tròn.

2) 

● Hình 𝒜 gồm 5 ô vuông như nhau. Hình ℬ cũng gồm 5 ô vuông như thế.

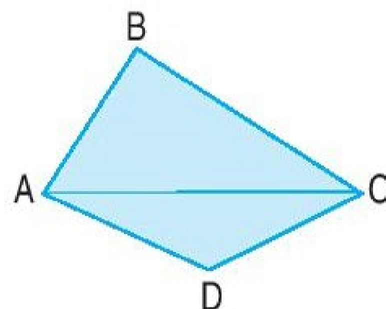
Ta nói : Diện tích hình 𝒜 bằng diện tích hình ℬ.

3) 

● Hình 𝒫 gồm 10 ô vuông như nhau được tách thành hình ℳ gồm 6 ô vuông và hình 𝒩 gồm 4 ô vuông.

Ta nói : Diện tích hình 𝒫 bằng tổng diện tích hình ℳ và hình 𝒩.

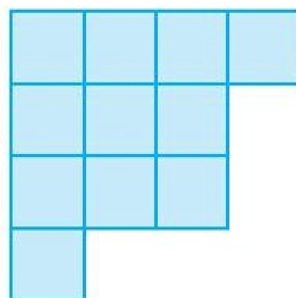
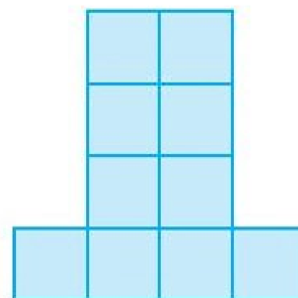
1 Câu nào đúng, câu nào sai ?



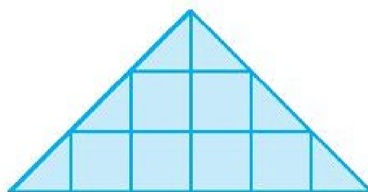
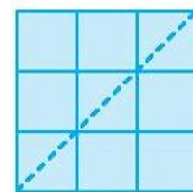
a) Diện tích hình tam giác ABC *lớn hơn* diện tích hình tứ giác ABCD.
b) Diện tích hình tam giác ABC *bé hơn* diện tích hình tứ giác ABCD.
c) Diện tích hình tam giác ABC *bằng* diện tích hình tứ giác ABCD.

2 a) Hình 𝒫 gồm bao nhiêu ô vuông ?
Hình 𝒬 gồm bao nhiêu ô vuông ?

b) So sánh diện tích hình 𝒫 với diện tích hình 𝒬.

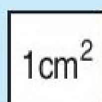



3 So sánh diện tích hình 𝒜 với diện tích hình ℬ.

ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG





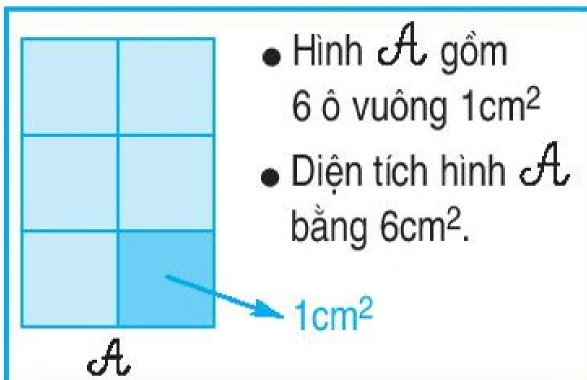
- Để đo diện tích ta dùng đơn vị đo diện tích, chẳng hạn : **xăng-ti-mét vuông**.
- Xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm. Xăng-ti-mét vuông viết tắt là cm^2.

1 Viết (theo mẫu) :

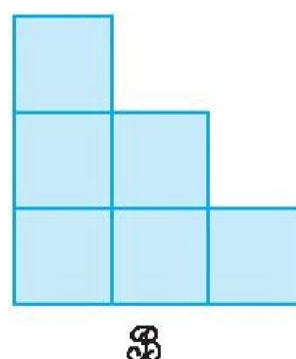
Đọc	Viết
Năm xăng-ti-mét vuông	$5cm^2$
Một trăm hai mươi xăng-ti-mét vuông	
	$1500cm^2$
Mười nghìn xăng-ti-mét vuông	

2 a) Viết vào chỗ chấm (theo mẫu) :

Mẫu :



- Hình 𝒜 gồm 6 ô vuông $1cm^2$
- Diện tích hình 𝒜 bằng $6cm^2$.



- Hình ℬ gồm ... ô vuông $1cm^2$.
- Diện tích hình ℬ bằng ...

b) So sánh diện tích hình 𝒜 với diện tích hình ℬ.

3 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : $3cm^2 + 5cm^2 = 8cm^2$ $\qquad$ $3cm^2 \times 2 = 6cm^2$

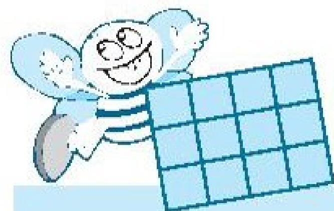
a) $18cm^2 + 26cm^2 =$

$40cm^2 - 17cm^2 =$

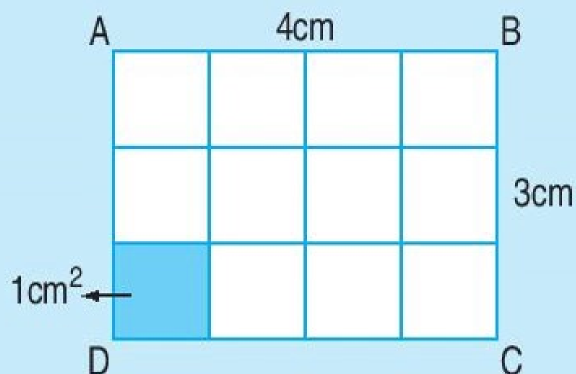
b) $6cm^2 \times 4 =$

$32cm^2 : 4 =$

4 Tờ giấy màu xanh có diện tích $300cm^2$, tờ giấy màu đỏ có diện tích $280cm^2$. Hỏi tờ giấy màu xanh có diện tích lớn hơn diện tích tờ giấy màu đỏ bao nhiêu xăng-ti-mét vuông ?



DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT



Hình chữ nhật ABCD có :

$4 \times 3 = 12$ (ô vuông).

Diện tích mỗi ô vuông là $1cm^2$.

Diện tích hình chữ nhật ABCD là :

$4 \times 3 = 12$ (cm^2).

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

1 Viết vào ô trống (theo mẫu) :

Chiều dài	5cm	10cm	32cm
Chiều rộng	3cm	4cm	8cm
Diện tích hình chữ nhật	$5 \times 3 = 15$ (cm^2)		
Chu vi hình chữ nhật	$(5 + 3) \times 2 = 16$ (cm)		

2 Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 5cm, chiều dài 14cm. Tính diện tích miếng bìa đó.

3 Tính diện tích hình chữ nhật, biết :

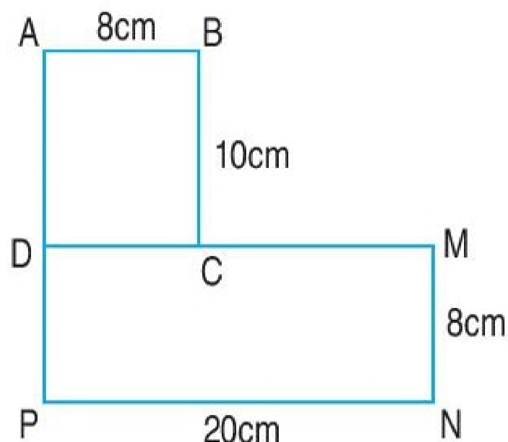
a) Chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm ;

b) Chiều dài 2dm, chiều rộng 9cm.



LUYỆN TẬP

1 Tính diện tích và chu vi hình chữ nhật có chiều dài 4dm, chiều rộng 8cm.



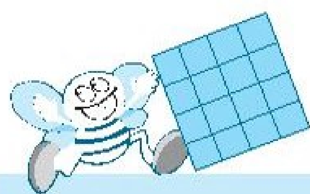
Hình $\mathscr{H}$

2 Hình $\mathscr{H}$ gồm hình chữ nhật ABCD và hình chữ nhật DMNP (có kích thước ghi trên hình vẽ).

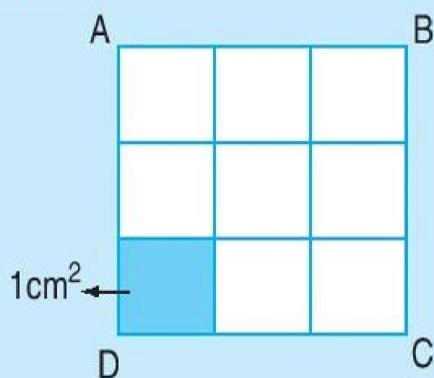
a) Tính diện tích mỗi hình chữ nhật có trong hình vẽ.

b) Tính diện tích hình $\mathscr{H}$.

3 Một hình chữ nhật có chiều rộng 5cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG



Hình vuông ABCD có :

$3 \times 3 = 9$ (ô vuông).

Diện tích mỗi ô vuông là $1cm^2$.

Diện tích hình vuông ABCD là :

$3 \times 3 = 9$ (cm^2).

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

1 Viết vào ô trống (theo mẫu) :

Cạnh hình vuông	3cm	5cm	10cm
Chu vi hình vuông	$3 \times 4 = 12$(cm)		
Diện tích hình vuông	$3 \times 3 = 9$(cm^2)		

2 Một tờ giấy hình vuông cạnh 80mm. Tính diện tích tờ giấy đó theo xăng-ti-mét vuông.

3 Một hình vuông có chu vi 20cm. Tính diện tích hình vuông đó.



LUYỆN TẬP

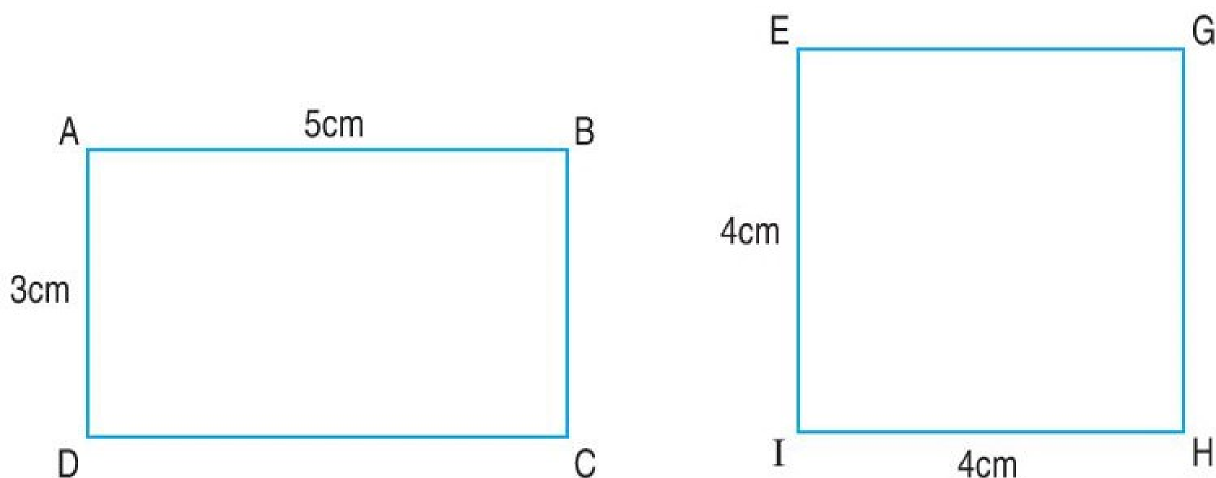
1 Tính diện tích hình vuông có cạnh là :

a) 7cm ;

b) 5cm.

2 Để ốp thêm một mảng tường người ta dùng hết 9 viên gạch men, mỗi viên gạch hình vuông cạnh 10cm. Hỏi diện tích mảng tường được ốp thêm là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông ?

3 Cho hình chữ nhật ABCD và hình vuông EGHI (có kích thước ghi trên hình vẽ) :



a) Tính diện tích và chu vi mỗi hình ;

b) So sánh diện tích và chu vi hình chữ nhật ABCD với diện tích và chu vi hình vuông EGHI.

PHÉP CỘNG CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



45732 + 36194 = ?

```
  45732
+ 36194
  -----
  81926
```

- 2 cộng 4 bằng 6, viết 6.
- 3 cộng 9 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 7 cộng 1 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9.
- 5 cộng 6 bằng 11, viết 1 nhớ 1.
- 4 cộng 3 bằng 7, thêm 1 bằng 8, viết 8.

45732 + 36194 = ...

1 Tính :

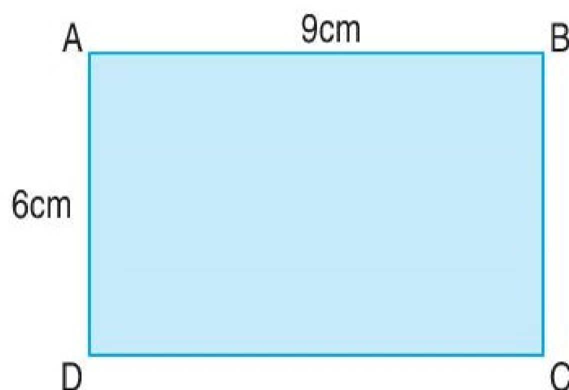
```
  64827        86149        37092        72468
+ 21957      + 12735      + 35864      +  6829
  -----        -----        -----        -----
```

2 Đặt tính rồi tính :

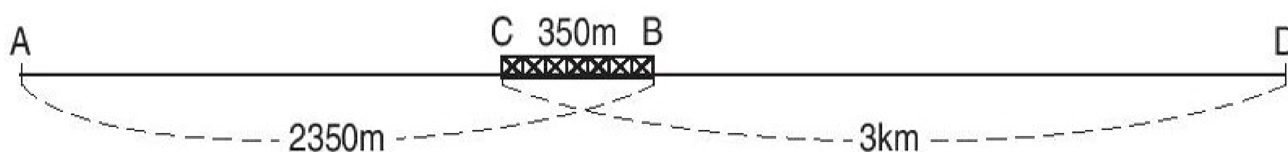
a) 18257 + 64439 b) 35046 + 26734

52819 + 6546 2475 + 6820

3 Tính diện tích của hình chữ nhật ABCD (kích thước theo hình vẽ).



4 Đoạn đường AB dài 2350m và đoạn đường CD dài 3km. Hai đoạn đường này có chung nhau một chiếc cầu từ C đến B dài 350m. Tính độ dài đoạn đường từ A đến D.





LUYỆN TẬP

1 Tính (theo mẫu) :

a)

$\begin{array}{r} 63548 \\ +\ 19256 \\ \hline 82804 \end{array}$	$\begin{array}{r} 52379 \\ +\ 38421 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 29107 \\ +\ 34693 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 93959 \\ +\ 6041 \\ \hline \end{array}$

b)

$\begin{array}{r} 23154 \\ +\ 31028 \\ 17209 \\ \hline 71391 \end{array}$	$\begin{array}{r} 46215 \\ +\ 4072 \\ 19360 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 53028 \\ +\ 18436 \\ 9127 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 21357 \\ +\ 4208 \\ 919 \\ \hline \end{array}$

2 Hình chữ nhật ABCD có chiều rộng bằng 3cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó.



3 Nêu bài toán rồi giải bài toán theo tóm tắt sau :





PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



85674 – 58329 = ?

$$\begin{array}{r} -\;85674 \\ 58329 \\ \hline 27345 \end{array}$$

- 4 không trừ được 9, lấy 14 trừ 9 bằng 5, viết 5 nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3 ; 7 trừ 3 bằng 4, viết 4.
- 6 trừ 3 bằng 3, viết 3.
- 5 không trừ được 8, lấy 15 trừ 8 bằng 7, viết 7 nhớ 1.
- 5 thêm 1 bằng 6 ; 8 trừ 6 bằng 2, viết 2.

85674 – 58329 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} -\;92896 \\ 65748 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} -\;73581 \\ 36029 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} -\;59372 \\ 53814 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} -\;32484 \\ 9177 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 63780 – 18546 ; b) 91462 – 53406 ; c) 49283 – 5765.

3 Một quãng đường dài 25 850m, trong đó có 9850m đường đã trải nhựa. Hỏi còn bao nhiêu ki-lô-mét đường chưa được trải nhựa ?

TIỀN VIỆT NAM





Hai mươi nghìn đồng



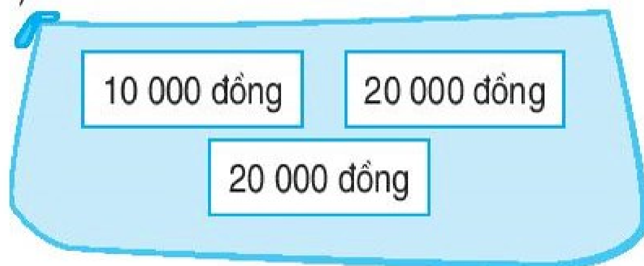
Năm mươi nghìn đồng



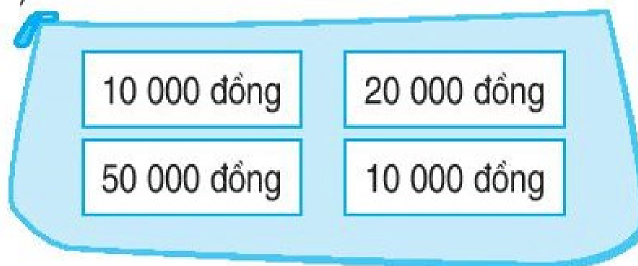
Một trăm nghìn đồng

1 Mỗi ví đựng bao nhiêu tiền ?

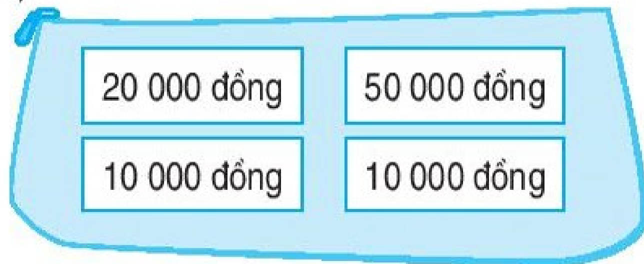
a)



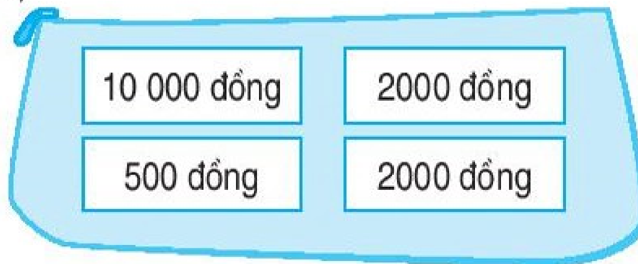
b)



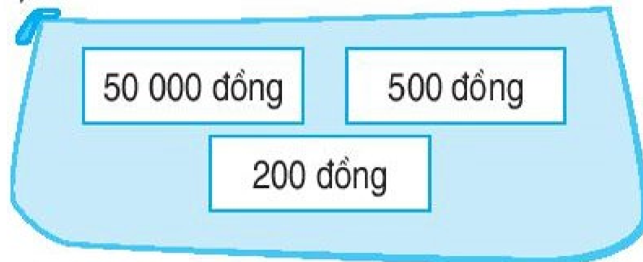
c)



d)



e)



2 Mẹ mua cho Lan một chiếc cặp sách giá 15 000 đồng và một bộ quần áo mùa hè giá 25 000 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại mẹ bao nhiêu tiền ?

3 Mỗi cuốn vở giá 1200 đồng. Viết số tiền thích hợp vào ô trống trong bảng :

Số cuốn vở	1 cuốn	2 cuốn	3 cuốn	4 cuốn
Thành tiền	1200 đồng			

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Tổng số tiền	Số các tờ giấy bạc		
	10 000 đồng	20 000 đồng	50 000 đồng
80 000 đồng	1	1	1
90 000 đồng			
100 000 đồng			
70 000 đồng			



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

	90000 – 50000 = ?
Nhẩm :	9 chục nghìn – 5 chục nghìn = 4 chục nghìn
Vậy :	90000 – 50000 = 40000

a) 60000 – 30000 =

100000 – 40000 =

b) 80000 – 50000 =

100000 – 70000 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 81981 – 45245

86296 – 74951

b) 93644 – 26107

65900 – 245

3 Một trại nuôi ong sản xuất được 23 560*l* mật ong và đã bán được 21 800*l* mật ong. Hỏi trại nuôi ong đó còn lại bao nhiêu lít mật ong ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Cho phép trừ :

$$\begin{array}{r} \square 2659 \\ -\ 23154 \\ \hline 69505 \end{array}$$

Chữ số thích hợp viết vào ô trống là :

A. 8 C. 9

B. 4 D. 6

b) Hãy nêu tên bốn tháng, mỗi tháng đều có 30 ngày.

Bốn tháng, mỗi tháng có 30 ngày là :

A. Tháng 2, tháng 3, tháng 5 và tháng 6

B. Tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10

C. Tháng 8, tháng 9, tháng 10 và tháng 11

D. Tháng 4, tháng 6, tháng 9 và tháng 11



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

a) 40000 + 30000 + 20000 =

b) 40000 + (30000 + 20000) =

c) 60000 – 20000 – 10000 =

d) 60000 – (20000 + 10000) =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 35820 \\ +\ 25079 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 92684 \\ -\ 45326 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 72436 \\ +\ 9508 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57370 \\ -\ 6821 \\ \hline \end{array}$$

3 Xã Xuân Phương có 68 700 cây ăn quả. Xã Xuân Hoà có nhiều hơn xã Xuân Phương 5200 cây ăn quả. Xã Xuân Mai có ít hơn xã Xuân Hoà 4500 cây ăn quả. Hỏi xã Xuân Mai có bao nhiêu cây ăn quả ?

4 Mua 5 cái com pa phải trả 10 000 đồng. Hỏi mua 3 cái com pa cùng loại phải trả bao nhiêu tiền ?

NHÂN SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



14273 × 3 = ?

$$\begin{array}{r} 14273 \\ \times \quad\;\; 3 \\ \hline 42819 \end{array}$$

- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.
- 3 nhân 7 bằng 21, viết 1 nhớ 2.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 2 bằng 8, viết 8.
- 3 nhân 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

14273 × 3 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 21526 \\ \times \quad\;\; 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 40729 \\ \times \quad\;\; 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 17092 \\ \times \quad\;\; 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 15180 \\ \times \quad\;\; 5 \\ \hline \end{array}$$

2 **Số** ?



Thừa số	19 091	13 070	10 709
Thừa số	5	6	7
Tích			

3 Lần đầu người ta chuyển 27 150kg thóc vào kho, lần sau chuyển được số thóc gấp đôi lần đầu. Hỏi cả hai lần chuyển vào kho được bao nhiêu ki-lô-gam thóc ?



LUYỆN TẬP

1 Đặt tính rồi tính :

a) 21718 × 4
12198 × 4

b) 18061 × 5
10670 × 6

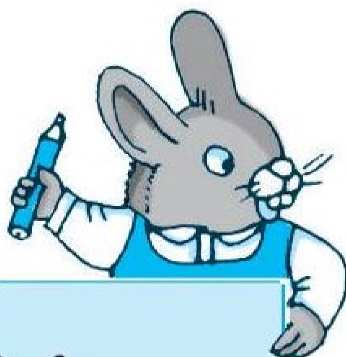
2 Một kho chứa 63 150*l* dầu. Người ta đã lấy dầu ra khỏi kho 3 lần, mỗi lần lấy 10 715*l* dầu. Hỏi trong kho còn bao nhiêu lít dầu ?

3 Tính giá trị của biểu thức :

a) 10303 × 4 + 27854
21507 × 3 − 18799

b) 26742 + 14031 × 5
81025 − 12071 × 6

4 Tính nhẩm :

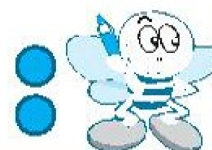


11000 × 3 = ?
Nhẩm : 11 nghìn × 3 = 33 nghìn
Vậy : 11000 × 3 = 33000

a) 3000 × 2 =
2000 × 3 =
4000 × 2 =
5000 × 2 =

b) 11000 × 2 =
12000 × 2 =
13000 × 3 =
15000 × 2 =

CHIA SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



37648 : 4 = ?

```
37648 | 4
16    |----
 04   |9412
  08
   0
```

- 37 chia 4 được 9, viết 9.
  9 nhân 4 bằng 36 ; 37 trừ 36 bằng 1.
- Hạ 6, được 16 ; 16 chia 4 được 4, viết 4.
  4 nhân 4 bằng 16 ; 16 trừ 16 bằng 0.
- Hạ 4 ; 4 chia 4 được 1, viết 1.
  1 nhân 4 bằng 4 ; 4 trừ 4 bằng 0.
- Hạ 8 ; 8 chia 4 được 2, viết 2.
  2 nhân 4 bằng 8 ; 8 trừ 8 bằng 0.

37648 : 4 = ...

1 Tính :

84848	4		24693	3		23436	3

2 Một cửa hàng có 36 550kg xi măng, đã bán $\frac{1}{5}$ số xi măng đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam xi măng ?

3 Tính giá trị của biểu thức :

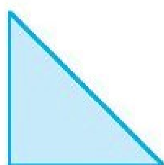
a) 69218 – 26736 : 3

30507 + 27876 : 3

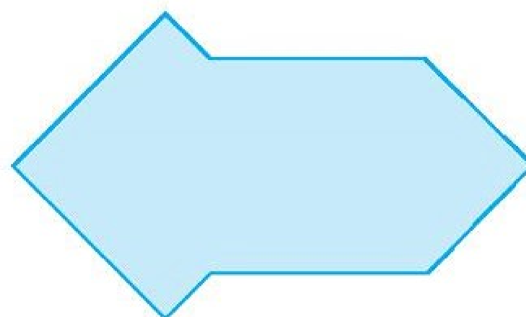
b) (35281 + 51645) : 2

(45405 – 8221) : 4

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình dưới đây :





CHIA SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)

12485 : 3 = ?

```
12485 | 3
 04   |4161
  18
   05
    2
```

- 12 chia 3 được 4, viết 4.
  4 nhân 3 bằng 12 ; 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 4 ; 4 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 4 trừ 3 bằng 1.
- Hạ 8, được 18 ; 18 chia 3 được 6, viết 6.
  6 nhân 3 bằng 18 ; 18 trừ 18 bằng 0.
- Hạ 5 ; 5 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3 ; 5 trừ 3 bằng 2.

12485 : 3 = ... (dư ...)

1 Tính :

```
14729 | 2        16538 | 3        25295 | 4
```

2 Có 10 250m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3m. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải ?

3 Số ?

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
15 725	3		
33 272	4		
42 737	6		

LUYỆN TẬP



1 Tính (theo mẫu) :

Mẫu :

```
28921 | 4
 09   |7230
  12
   01
    1
```

28921 : 4 = 7230 (dư 1)

- 28 chia 4 được 7, viết 7.
  7 nhân 4 bằng 28 ; 28 trừ 28 bằng 0.
- Hạ 9 ; 9 chia 4 được 2, viết 2.
  2 nhân 4 bằng 8 ; 9 trừ 8 bằng 1.
- Hạ 2, được 12 ; 12 chia 4 được 3, viết 3.
  3 nhân 4 bằng 12 ; 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 1 ; 1 chia 4 được 0, viết 0.
  0 nhân 4 bằng 0 ; 1 trừ 0 bằng 1.

12760 | 2   18752 | 3   25704 | 5

2 Đặt tính rồi tính :

a) 15273 : 3 ;   b) 18842 : 4 ;   c) 36083 : 4.

3 Một kho chứa 27 280kg thóc gồm thóc nếp và thóc tẻ, số thóc nếp bằng $\frac{1}{4}$ số thóc trong kho. Hỏi mỗi loại thóc có bao nhiêu ki-lô-gam ?

4 Tính nhẩm :

	12000 : 6	= ?
Nhẩm :	12 nghìn : 6	= 2 nghìn
Vậy :	12000 : 6	= 2000

15000 : 3 =

24000 : 4 =

56000 : 7 =

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Đặt tính rồi tính :

a) 10715 × 6   b) 21542 × 3

30755 : 5   48729 : 6

2 Nhà trường mua 105 hộp bánh, mỗi hộp có 4 cái bánh. Số bánh này đem chia hết cho các bạn, mỗi bạn được 2 cái bánh. Hỏi có bao nhiêu bạn được nhận bánh ?

3 Một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình đó.

4 Ngày 8 tháng 3 là chủ nhật. Hỏi những ngày chủ nhật trong tháng đó là những ngày nào ?



BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ (tiếp theo)

Bài toán : Có 35*l* mật ong đựng đều vào 7 can. Nếu có 10*l* mật ong thì đựng đều vào mấy can như thế ?

Tóm tắt

35*l* : 7 can

10*l* : ... can ?

Bài giải

Số lít mật ong trong mỗi can là :

35 : 7 = 5(*l*)

Số can cần có để đựng 10*l* mật ong là :

10 : 5 = 2 (can)

Đáp số : 2 can.

1 Có 40kg đường đựng đều trong 8 túi. Hỏi 15kg đường đựng trong mấy túi như thế ?

2 Cứ 4 cái áo như nhau thì cần có 24 cúc áo. Hỏi có 42 cúc áo thì dùng cho mấy cái áo như thế ?

3 Cách làm nào đúng, cách làm nào sai ?

a) $24 : 6 : 2 = 4 : 2$
$= 2$

b) $24 : 6 : 2 = 24 : 3$
$= 8$

c) $18 : 3 \times 2 = 18 : 6$
$= 3$

d) $18 : 3 \times 2 = 6 \times 2$
$= 12$



LUYỆN TẬP

1 Có 48 cái đĩa xếp đều vào 8 hộp. Hỏi 30 cái đĩa thì xếp được vào mấy hộp như thế ?

2 Có 45 học sinh xếp thành 9 hàng đều nhau. Hỏi có 60 học sinh thì xếp được bao nhiêu hàng như thế ?

3 Mỗi số trong ô vuông là giá trị của biểu thức nào ?

56 : 7 : 2   36 : 3 x 3   4 x 8 : 4

4   8

48 : 8 x 2   48 : 8 : 2

12   3   36



LUYỆN TẬP

1 Một người đi xe đạp trong 12 phút đi được 3km. Hỏi nếu cứ đạp xe đều như vậy trong 28 phút thì đi được mấy ki-lô-mét ?

2 Có 21kg gạo chia đều vào 7 túi. Hỏi phải lấy mấy túi đó để được 15kg gạo ?

3 × : ?

a) 32 ☐ 4 ☐ 2 = 16   b) 24 ☐ 6 ☐ 2 = 2

32 ☐ 4 ☐ 2 = 4   24 ☐ 6 ☐ 2 = 8

4 Cho biết :

Lớp 3A có 10 học sinh giỏi, 15 học sinh khá, 5 học sinh trung bình.

Lớp 3B có 7 học sinh giỏi, 20 học sinh khá, 2 học sinh trung bình.

Lớp 3C có 9 học sinh giỏi, 22 học sinh khá, 1 học sinh trung bình.

Lớp 3D có 8 học sinh giỏi, 19 học sinh khá, 3 học sinh trung bình.

Hãy lập bảng theo mẫu rồi viết số thích hợp vào ô trống trong bảng.

Lớp / Học sinh	3A	3B	3C	3D	Tổng
Giỏi					
Khá					
Trung bình					
Tổng					





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính :

a) (13829 + 20718) × 2 ;

b) (20354 – 9638) × 4 ;

c) 14523 – 24964 : 4 ;

d) 97012 – 21506 × 4.

2 Mỗi tuần lễ Hường học 5 tiết toán, cả năm học có 175 tiết toán. Hỏi cả năm học Hường học bao nhiêu tuần lễ ?

3 Tổ trưởng một tổ sản xuất đã nhận 75 000 đồng tiền thưởng và chia đều cho 3 người trong tổ. Hỏi 2 người thì nhận được bao nhiêu tiền thưởng ?

4 Một hình vuông có chu vi 2dm 4cm. Hỏi hình vuông đó có diện tích bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông ?

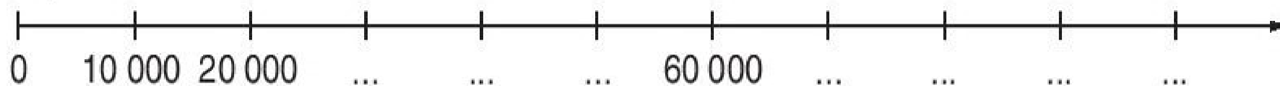
5. ÔN TẬP CUỐI NĂM



ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000

1 Viết tiếp số thích hợp vào dưới mỗi vạch :

a)



b)



2 Đọc các số : 36 982 ; 54 175 ; 90 631 ; 14 034 ; 8066 ; 71 459 ; 48 307 ; 2003 ; 10 005 (theo mẫu).

Mẫu : | 36 982 đọc là ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi hai |

3 a) Viết các số : 9725 ; 6819 ; 2096 ; 5204 ; 1005 (theo mẫu).

Mẫu : | 9725 = 9000 + 700 + 20 + 5 |

b) Viết các tổng (theo mẫu) :

4000 + 600 + 30 + 1   7000 + 500 + 90 + 4

9000 + 900 + 90 + 9   9000 + 90

9000 + 9

Mẫu : | 4000 + 600 + 30 + 1 = 4631 |

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

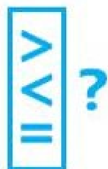
a) 2005 ; 2010 ; 2015 ; ... ; ... .

b) 14 300 ; 14 400 ; 14 500 ; ... ; ... .

c) 68 000 ; 68 010 ; 68 020 ; ... ; ... .



ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp theo)

1 

27 469 ... 27 470	70000 + 30000 ... 99 000
85 100 ... 85 099	80000 + 10000 ... 99 000
30 000 ... 29000 + 1000	90000 + 9000 ... 99 000

2 Tìm số lớn nhất trong các số sau :

a) 41 590 ; 41 800 ; 42 360 ; 41 785 ;

b) 27 898 ; 27 989 ; 27 899 ; 27 998.

3 Viết các số 69 725 ; 70 100 ; 59 825 ; 67 925 theo thứ tự từ bé đến lớn.

4 Viết các số 64 900 ; 46 900 ; 96 400 ; 94 600 theo thứ tự từ lớn đến bé.

5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Ba số ở dòng nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn ?

A. 2935 ; 3914 ; 2945

B. 6840 ; 8640 ; 4860

C. 8763 ; 8843 ; 8853

D. 3689 ; 3699 ; 3690



ÔN TẬP BỐN PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

1 Tính nhẩm :

a) 50000 + 20000
   80000 – 40000

b) 25000 + 3000
   42000 – 2000

c) 20000 × 3
   60000 : 2

d) 12000 × 2
   36000 : 6

2 Đặt tính rồi tính :

a) 39178 + 25706
   58427 + 40753

b) 86271 – 43954
   26883 – 7826

c) 412 × 5
   6247 × 2

d) 25968 : 6
   36296 : 8

3 Một kho hàng có 80 000 bóng đèn, lần đầu chuyển đi 38 000 bóng đèn, lần sau chuyển đi 26 000 bóng đèn. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu bóng đèn ? (Giải bằng hai cách khác nhau).

ÔN TẬP BỐN PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)



1 Tính nhẩm :

a) $30000 + 40000 - 50000 =$

$80000 - (20000 + 30000) =$

$80000 - 20000 - 30000 =$

b) $3000 \times 2 : 3 =$

$4800 : 8 \times 4 =$

$4000 : 5 : 2 =$

2 Đặt tính rồi tính :

a) $4083 + 3269$

$8763 - 2469$

b) $37246 + 1765$

$6000 - 879$

c) 3608×4

6047×5

d) $40068 : 7$

$6004 : 5$

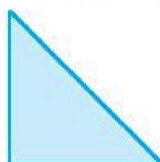
3 Tìm x :

a) $1999 + x = 2005$;

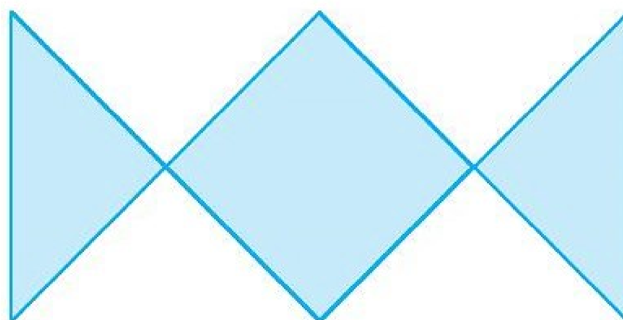
b) $x \times 2 = 3998$.

4 Mua 5 quyển sách cùng loại phải trả 28 500 đồng. Hỏi mua 8 quyển sách như thế phải trả bao nhiêu tiền ?

5 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình bên :





ÔN TẬP BỐN PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)

1 Tính nhẩm :

a) 3000 + 2000 × 2 =

(3000 + 2000) × 2 =

b) 14000 – 8000 : 2 =

(14000 – 8000) : 2 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 998 + 5002

3058 × 6

b) 8000 – 25

5749 × 4

c) 5821 + 2934 + 125

3524 + 2191 + 4285

d) 10712 : 4

29999 : 5

3 Một cửa hàng có 6450*l* dầu, đã bán được $\frac{1}{3}$ số dầu đó. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu lít dầu ?

4 Viết chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} \square 26 \\ \times \quad 3 \\ \hline 978 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 21\square \\ \times \quad 4 \\ \hline \square 44 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 689 \\ \times \quad \square \\ \hline \square 823 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 4\square 7 \\ \times \quad 3 \\ \hline \square\square 8\square \end{array}$$



ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :



7m 3cm = ?

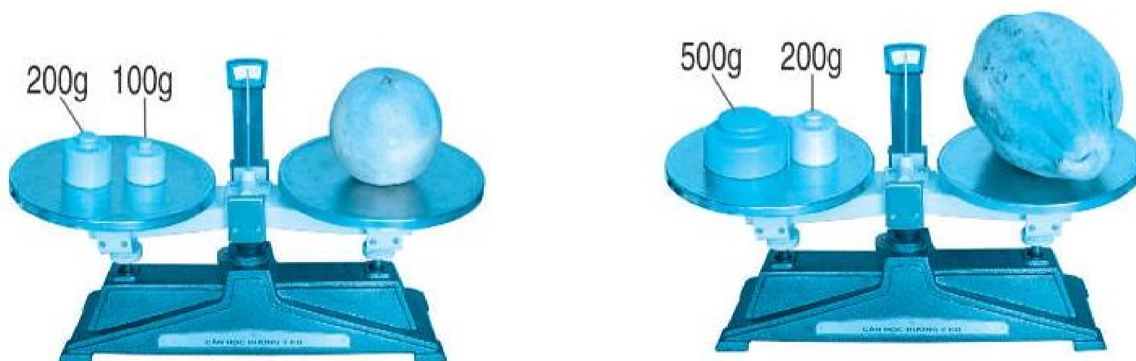
A. 73cm

B. 703cm

C. 730cm

D. 7003cm

2 Quan sát hình vẽ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi :

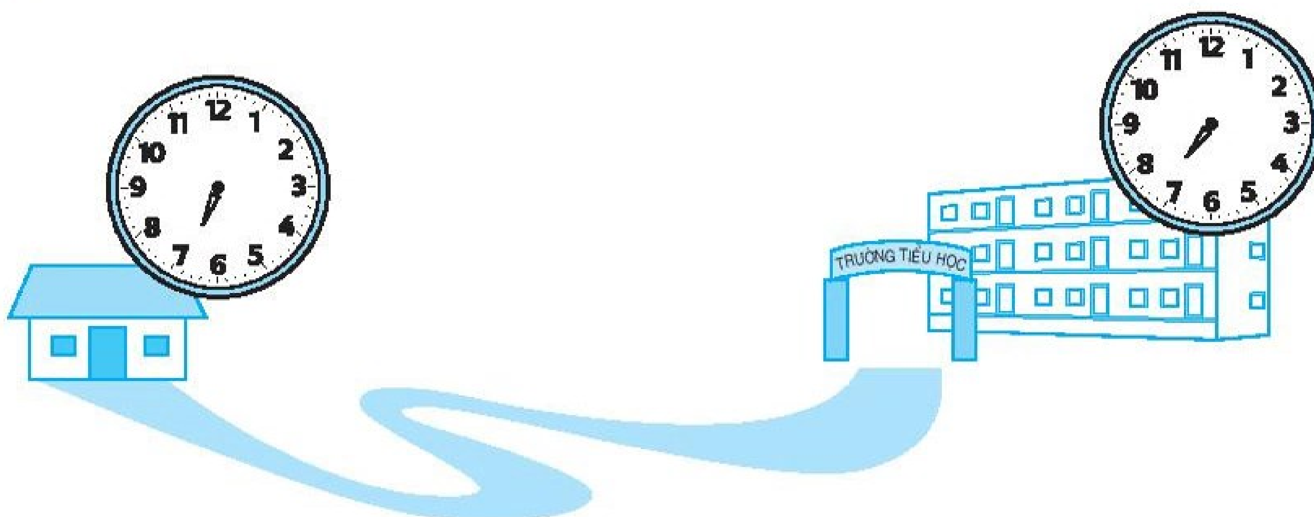


a) Quả cam cân nặng bao nhiêu gam ?

b) Quả đu đủ cân nặng bao nhiêu gam ?

c) Quả đu đủ nặng hơn quả cam bao nhiêu gam ?

3 Lan đi từ nhà lúc 7 giờ kém 5 phút. Tới trường lúc 7 giờ 10 phút.



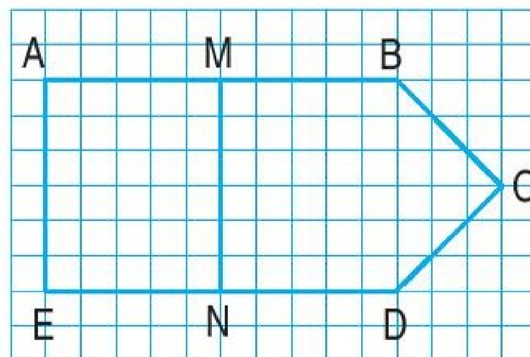
a) Gắn thêm kim phút vào các đồng hồ.

b) Lan đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút ?

4 Bình có 2 tờ giấy bạc loại 2000 đồng. Bình mua bút chì hết 2700 đồng. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu tiền ?



ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC



1 Trong hình bên :

a) Có mấy góc vuông ? Nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc vuông đó.

b) Trung điểm đoạn thẳng AB là điểm nào ? Trung điểm đoạn thẳng ED là điểm nào ?

c) Xác định trung điểm đoạn thẳng AE và đoạn thẳng MN (tô đậm các trung điểm đó trên hình vẽ).

2 Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là 35cm, 26cm, 40cm.

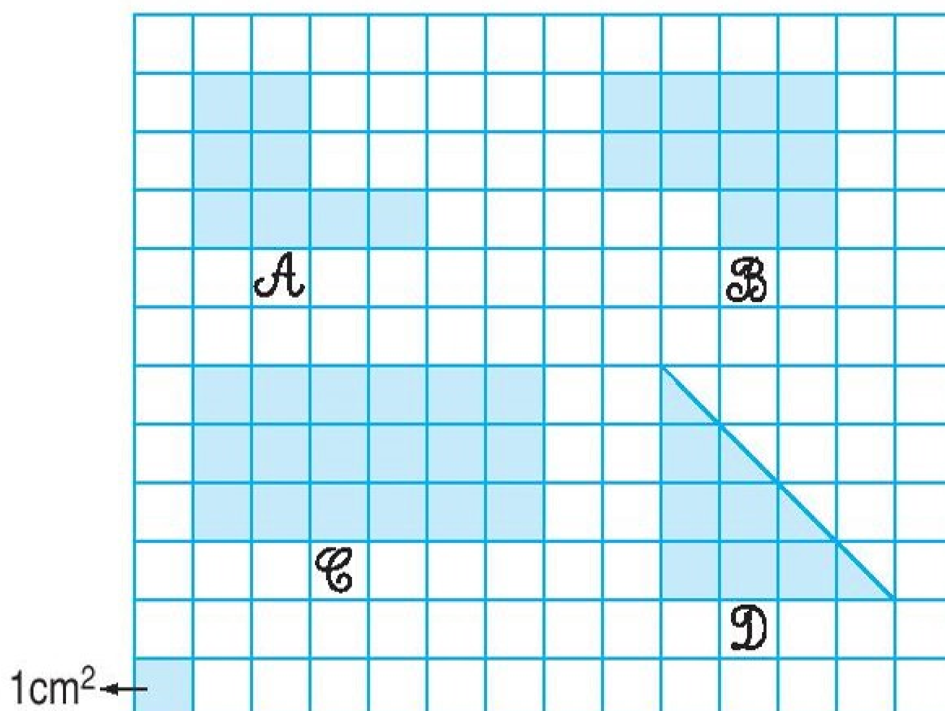
3 Tính chu vi một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 125m, chiều rộng 68m.

4 Một hình chữ nhật và một hình vuông có cùng chu vi. Biết hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng 40m. Tính độ dài cạnh hình vuông.



ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (tiếp theo)

1 Mỗi hình dưới đây có diện tích là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông ?

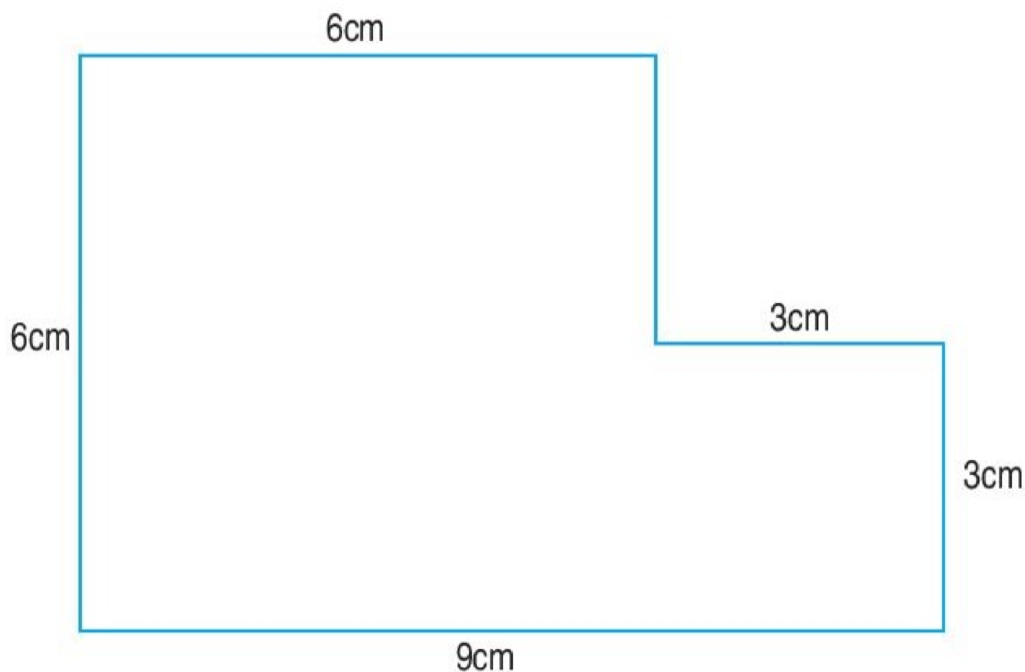


2 Hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 6cm. Hình vuông có cạnh là 9cm.

a) Tính chu vi mỗi hình. So sánh chu vi hai hình đó.

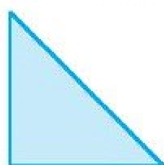
b) Tính diện tích mỗi hình. So sánh diện tích hai hình đó.

3 Em tìm cách tính diện tích hình $\mathcal{H}$ có kích thước như sau :

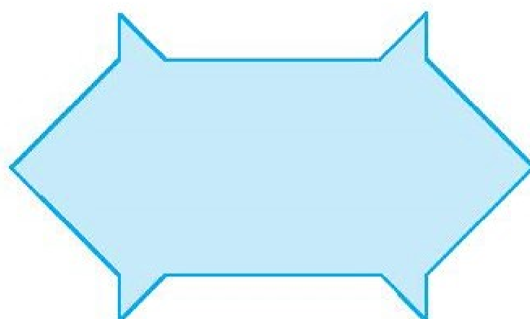


Hình $\mathcal{H}$

4 Cho 8 hình tam giác, mỗi hình như hình sau :



Hãy xếp thành hình dưới đây :





ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

1 Hai năm trước đây số dân của một xã là 5236 người, năm ngoái số dân của xã tăng thêm 87 người, năm nay tăng thêm 75 người. Tính số dân của xã năm nay.

2 Một cửa hàng có 1245 cái áo, cửa hàng đã bán $\frac{1}{3}$ số áo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu cái áo ?

3 Theo kế hoạch, một tổ công nhân phải trồng 20 500 cây, tổ đã trồng được $\frac{1}{5}$ số cây. Hỏi theo kế hoạch, tổ đó còn phải trồng bao nhiêu cây nữa ?

4 Đ/S ?

a) $96 : 4 \times 2 = 24 \times 2$
$= 48$ ☐

b) $96 : 4 \times 2 = 96 : 8$
$= 12$ ☐

c) $96 : (4 \times 2) = 96 : 8$
$= 12$ ☐



ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN (tiếp theo)

1 Một sợi dây dài 9135cm được cắt thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất dài bằng $\frac{1}{7}$ chiều dài sợi dây. Tính chiều dài mỗi đoạn dây.

2 Người ta dự định chuyển 15 700kg muối lên miền núi bằng 5 xe tải chở đều nhau, đợt đầu có 2 xe đã lên đường. Hỏi đợt đầu chở được bao nhiêu ki-lô-gam muối ?

3 Có 42 cái cốc như nhau được xếp đều vào 7 hộp. Hỏi có 4572 cái cốc cùng loại thì xếp được vào bao nhiêu hộp như thế ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) *Biểu thức* $4 + 16 \times 5$ *có giá trị là :*

A. 100
B. 320
C. 84
D. 94

b) *Biểu thức* $24 : 4 \times 2$ *có giá trị là :*

A. 3
B. 12
C. 4
D. 48

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Viết các số :

a) Bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi lăm ;

b) Năm mươi mốt nghìn tám trăm linh bảy ;

c) Chín mươi nghìn chín trăm ;

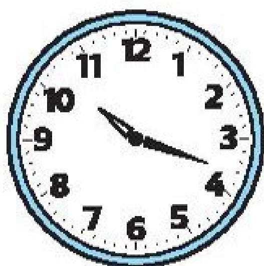
d) Hai mươi hai nghìn không trăm linh hai.

2 Đặt tính rồi tính :

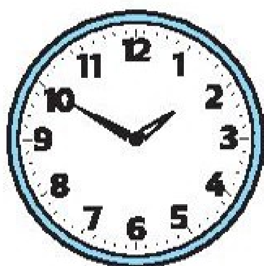
a) 54287 + 29508   b) 4508 × 3

78362 – 24935   34625 : 5

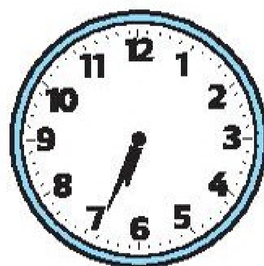
3 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C

4 Tính :

a) (9 + 6) × 4   b) 28 + 21 : 7

9 + 6 × 4   (28 + 21) : 7

5 Mua 5 đôi dép cùng loại phải trả 92 500 đồng. Hỏi mua 3 đôi dép như thế phải trả bao nhiêu tiền ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Viết số liền trước của mỗi số sau : 8270 ; 35 461 ; 10 000.

b) Khoanh vào chữ đặt trước số lớn nhất trong các số :

42 963 ; 44 158 ; 43 669 ; 44 202.

A. 42 963   C. 43 669

B. 44 158   D. 44 202

2 Đặt tính rồi tính :

8129 + 5936 4605×4

49154 – 3728   2918 : 9

3 Một cửa hàng có 840 cái bút chì, đã bán được $\frac{1}{8}$ số bút chì đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bút chì ?

4 Xem bảng dưới đây rồi trả lời các câu hỏi :

Tên người mua	12 000 đồng	2000 đồng	6000 đồng	**Số tiền phải trả**
Nga	1	4	0	20 000 đồng
Mỹ	1	1	1	20 000 đồng
Đức	0	1	3	20 000 đồng

a) Mỗi cột của bảng trên cho biết những gì ?

b) Mỗi bạn Nga, Mỹ, Đức mua những loại đồ chơi nào và số lượng của mỗi loại là bao nhiêu ?

Mẫu : Bạn Nga mua 1 búp bê và 4 ô tô

c) Mỗi bạn phải trả bao nhiêu tiền ?

d) Em có thể mua những loại đồ chơi nào, với số lượng mỗi loại là bao nhiêu để phải trả 20 000 đồng ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Viết số liền trước của 92 458. Viết số liền sau của 69 509.

b) Viết các số 83 507 ; 69 134 ; 78 507 ; 69 314 theo thứ tự từ bé đến lớn.

2 Đặt tính rồi tính :

a) 86127 + 4258 | b) 4216×5

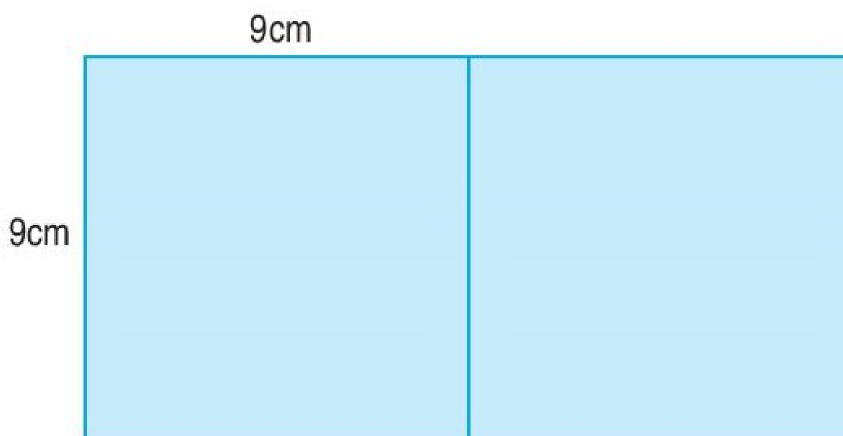
65493 – 2486 | 4035 : 8

3 Trong một năm, những tháng nào có 31 ngày ?

4 Tìm x :

a) $x \times 2 = 9328$; b) $x : 2 = 436$.

5 Hai tấm bìa hình vuông, cạnh đều bằng 9cm. Ghép hai tấm bìa này lại thành một hình chữ nhật (xem hình vẽ). Tính diện tích của hình chữ nhật đó bằng các cách khác nhau.



MỤC LỤC





SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3

1. TIẾNG VIỆT 3 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 3
3. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3
4. TẬP VIẾT 3 (tập một, tập hai)

mã vạch



Tem chống giả

Giá: ....